

TỰ DO NGÔN LUẬN

Chủ nhiệm
Lm CHÂN TÍN
Ban biên tập
Lm NGUYỄN VĂN ĐẠI
Lm PHAN VĂN LỢI
Lm NGUYỄN VĂN LÝ

Tiếng nói của Người Dân Việt Nam đòi Quyền Tự Do Thông Tin Ngôn Luận

Con đường nào cho tương lai Việt Nam ???

Mấy chục năm trời nay, đảng Cộng sản luôn mồm khẳng định Việt Nam đang “đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã chọn, tức con đường xã hội chủ nghĩa”. Như trong bài phát biểu tại Cuba ngày 09-04-2012, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thân nhiên lên lớp cho 2 anh em nhà Castro rằng: “*Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng CSVN luôn luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của ĐCS và nhân dân VN; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng VN*”. Tiếp đó, tại lễ kỷ niệm 122 năm sinh nhật Hồ Chí Minh (19-5-2012), Phó Bí thư Thường trực thành Hồ là Nguyễn Văn Đua đã đặc chí phát biểu: “*Đi theo con đường đúng đắn mà Đảng ta, Bác Hồ kính yêu và nhân dân ta đã lựa chọn, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; sự nghiệp đổi mới đạt thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đưa đất nước ta từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam*”. Nhưng thực tiễn có minh chứng xác nhận những lời lẽ hùng hồn của Nguyễn Phú Trọng và Nguyễn Văn Đua hay không thì ngoại trừ các kẻ bị tâm thần, mọi người đều quá thấy rõ.

Trước đó, nhìn lại lịch sử Việt Nam từ khi có đảng Cộng sản, rất nhiều người đã ngao ngán gọi “con đường Bác đi” là “con đường bi đát”. Nhà văn hồi chánh Xuân Vũ thì dùng một hình ảnh cụ thể hơn: “Đường đi không đến” (cũng là nhan đề một tác phẩm nổi tiếng của ông). Có người sẽ bảo: Đã đến vào ngày 30-04-1975 đấy chứ, khi chế độ Việt Nam Cộng hòa sụp đổ và cờ đỏ sao vàng tung bay trên nóc Dinh Độc lập Sài Gòn như dấu chỉ thắng trận! Nhưng thắng trận mà “xương trắng Trường Sơn”, mà “mạng người lá rụng” (tên 2 tác phẩm khác cũng của Xuân Vũ), mà phải đem 5 mạng binh sĩ mình đổi lấy 1 mạng binh sĩ địch thì thắng trận đó có còn ý nghĩa gì không? (Thời chiến tranh Đông Dương là ba đổi một). Rồi “thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” hiện giờ ra sao? Chỉ cần nhìn vào lãnh vực nghiên cứu khoa học của thế giới nhà, nguyên nhân lẫn thành quả của việc xây dựng Tổ quốc, và so sánh nó với Thái Lan, lần bang sàng với VNCH trước 1975, thì thấy rõ: “*Mười năm trước (2002), số ấn phẩm khoa học của Việt Nam trên các tạp san quốc tế (trong hệ thống ISI) là 362 bài. Trong cùng thời gian, Thái Lan công bố được 1705 bài, cao hơn ta gấp 4.7 lần. Mười năm sau (2011), Việt Nam công bố được 1389 bài, tăng gấp 3.8 lần so với năm 2002. Nhưng Thái Lan lại công bố được 5721 bài, hơn Việt Nam 4.1 lần*” (Gs Nguyễn Văn Tuấn, So sánh ấn phẩm khoa học Việt Nam và Thái Lan 2002-2020). Con đường đi vào nền khoa học của thế giới chắc sẽ còn bế tắc và trì trệ dài dài cho Việt Nam sau công bố đầy ắp ý nhưng cũng đầy gian trá hôm thứ ba 19-6-2012 của Bộ Giáo dục-Đào tạo: tỷ lệ tốt nghiệp Trung học Phổ thông của cả nước là 98,97%, dấu trước đó mọi người đã thấy nhiều video clip giám thị ném phao thi và thí sinh mở tài liệu.

Rồi nhìn vào lãnh vực quốc phòng, hiện tình lãnh thổ, dấu chỉ của con đường bảo vệ Tổ quốc, thì Nguyễn Văn Đua (và trên đó là Bộ Chính trị) trả lời ra sao về các vùng đất biên giới phía Bắc sau cuộc chiến Trung-Việt 1979 rồi 1984, về các vùng biển đảo phía Đông sau cuộc hải chiến Trường Sa năm 1988, về các vùng yếu huyệt ở Tây Nguyên sau quyết định số 167 do thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký ngày 01-11-2007 cho phép các nhà thầu TQ thực hiện dự án Khai thác bauxite từ 2007 đến 2015 (có tính đến 2025), về các thôn làng phố thị bất khả xâm nhập do người TQ xây dựng khắp cả Việt Nam từ Móng Cái đến tận mũi Cà Mau? Con đường thông thương biên giới phía Bắc phải chăng đã được mở ra chủ yếu cho hàng hóa giả dỏm độc hại cùng thương nhân lừa đảo và quân nhân trá hình của đất Tàu tha hồ tràn xuống đất Việt? Con đường thông thương ra biển phải chăng đã được mở ra cho ngư dân Việt ụng dung đánh cá trên vùng biển Hoàng Sa (“mà người anh em Trung Quốc đang giữ”, như tuyên bố của một cán bộ CS gục sau biển có năm 1974), hay ngược lại đang bị chặn bít bởi những đoàn ngư chính, hải giám Tàu cộng với những màn cướp bóc, tông phá, xua đuổi, giam tù, đòi tiền chuộc; bởi những tuyên bố trắng trợn về đường lưỡi bò của Bắc Kinh mà Hà Nội chỉ biết phát đi phát lại cái băng phản đối cũ mèm, thay vì đem hải lực quân đội để đương đầu hay nại uy lực công pháp quốc tế để kháng cự như nước láng giềng Philippin? Con đường này phải chăng vừa được mở ra bởi Luật biển do Quốc hội (lập pháp) thông qua hôm 21-06? Nếu thế thì tại sao lại đàn áp khốc liệt người dân biểu tình ủng hộ luật này hôm 01-07 tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội? Nếu thế thì tại sao Chính phủ (hành pháp) không mau mắn quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều khoản được ghi trong Luật giữa lúc tình hình Biển Đông đang dầu sôi lửa bỏng, mà phải đợi thêm 6 tháng nữa (01-01-2013) Luật mới hiệu lực? Phải chăng để còn có thể sửa đổi theo đòi hỏi của đàn anh phương Bắc vốn ngày càng tỏ ra hung hãn với những màn đe dọa Việt Nam về kinh tế, quân sự lẫn chính trị? Rồi con đường vay mượn tài chánh quốc tế phải chăng tiếp tục được mở rộng hay ngày càng bị chặn bít sau sự sụp đổ, bay vốn và xử nợ do biến thủ của các đại tập đoàn, tổng công ty quốc doanh, hay sau những trò tham nhũng trắng trợn của VN về các khoản viện trợ của Nhật Bản, Đan Mạch ?...

Con đường mà Cộng sản mở ra và buộc đất nước đi vào từ năm 1954 cho đến nay quả là con đường bế tắc, bi đát, chỉ đẩy đất nước thêm thêm nô dịch thay vì tự do, thêm khổ khổ thay vì hạnh phúc, lệ thuộc thay vì độc lập, nên đã khiến cho hàng triệu người liều mạng bỏ nước ra đi cho mãi đến lúc này. Do đó, khi bước sang thế kỷ 21, nhiều đề xuất về một con đường khác cho tương lai đất nước đã được đưa ra, do người Việt trong lẫn ngoài nước, cá nhân có, tập thể có, khối nhóm có, chính đảng có. Nhưng dù thế nào, con đường đó chắc chắn phải hội tụ những điểm như sau:

Trước hết, đó phải là con đường dân chủ đa đảng chứ không thể là độc đảng độc tài. Đây là kinh nghiệm đồng thời là thành tựu của thế giới. Bởi lẽ ai cũng thấy từ thực tiễn Việt Nam: nguyên nhân cơ bản gây ra mọi nỗi quốc nhục và quốc nạn của dân tộc hôm nay chính là chế độ chính trị cộng đảng toàn trị, không hề chấp nhận bị cạnh tranh và bị thay thế trên chính

**GIẢI NHÂN QUYỀN
VIỆT NAM 2008
GIẢI TRUYỀN THÔNG
LIÊN MẠNG 2011**

TRONG SỐ NÀY

- Trg 01 ► **Con đường nào cho tương lai Việt Nam ???**
- Trg 03 ► **Quyền biểu tình của công dân**
-Gs Hoàng Xuân Phú.
- Trg 05 ► **Ms Nguyễn Công Chính bị đánh gãy tay trong tù CS.**
-Đỗ Vũ.
- Trg 06 ► **Đức Tăng thống Quảng Độ kêu gọi toàn dân xuống đường..**
-Phòng Thông tin Phật giáo QT.
- Trg 07 ► **Đức Mẹ La Vang với Dân tộc Việt Nam.**
-Gm Nguyễn Văn Long.
- Trg 11 ► **Không thoát khỏi bàn tay Phật tổ.**
-Ks Nguyễn Văn Thanh.
- Trg 14 ► **Chiến thuật "bia ngư dân" của TQ và chiến thuật phân...**
-Nguyễn Nghĩa 650.
- Trg 16 ► **Đều có hệ thống.**
-Văn Quang.
- Trg 18 ► **Chiến tranh VN trong toàn cảnh chính trị thế giới.**
-Trần Gia Phụng.
- Trg 24 ► **Báo chí cách mạng và báo chí phản cách mạng.**
-Phạm Trần.
- Trg 26 ► **Ngày báo chí VN: Gặp lại ký giả chống tham nhũng bị tạt...**
-Trà Mi VOA.
- Trg 28 ► **Trái tim vĩ đại - Đâu rồi tuổi trẻ (thơ).**
-Trúc Lang - Hồ Công Tâm.
- Trg 29 ► **Làng báo trước ngưỡng cửa tự do.**
-Nguyễn Quang Duy.
- Trg 31 ► **Trở về thực học là giải pháp cho tình trạng quá tải bệnh...**
-Bs Đỗ Hồng Ngọc.

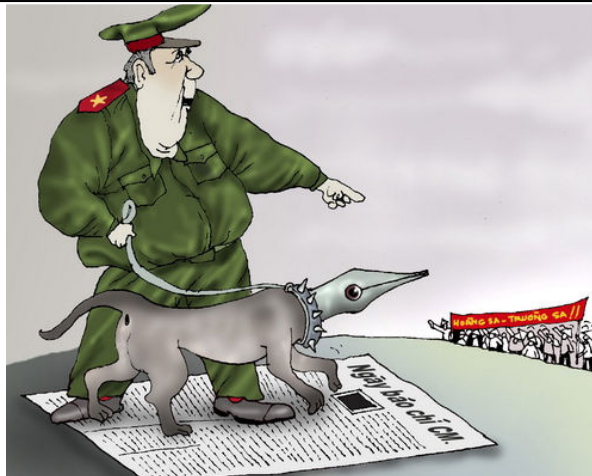
Vài biểu ngữ trong cuộc biểu tình ngày 01-07-2012 tại Sài Gòn và Hà Nội:
"HÃY HÀNH ĐỘNG XỨNG ĐÁNG VỚI TIỀN THUẾ CỦA DÂN" - "ĐẦU HÀNG TRUNG QUỐC THÌ CẠP ĐẤT MÀ ĂN" - "KHÔNG MỘT CHỮ VÀNG, KHÔNG MỘT CÁI TỐT VỚI KẼ ĂN CƯỚP" - "THE WORLD HATES PIRATES"

trường. Cuộc đấu tranh xây dựng con đường dân chủ đó phải nhắm mục tiêu triệt để thay thế nền chính trị độc đảng bằng nền chính trị đa đảng, chứ không phải là "đổi mới" từng phần hay "điều chỉnh" vật vãnh đảng cộng sản hiện cầm quyền như Ba Đình đang "diễn trò" (qua đường lối "mở rộng dân chủ tập trung", chương trình sửa đổi Hiến pháp đa đảng hướng dẫn, kế hoạch bài trừ tham nhũng do Bộ Chính trị chỉ đạo...) hòng đánh lừa dân tộc và thế giới tiến bộ.

Tiếp đến, đó phải là con đường tự do cho mỗi một con người. Cái tự do đã được Tạo Hóa phú ban và được nhân loại văn minh xác định qua hai Công ước về nhân quyền trong năm lãnh vực chủ yếu: chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (Việt Nam ký tham gia năm 1982) và dưới hình thức 26 nhân quyền cơ bản đã được Công pháp quốc tế và Liên Hiệp Quốc thừa nhận: 8 nhân quyền về thân thể, 6 nhân quyền về an cư, 8 nhân quyền về lạc nghiệp, 4 nhân quyền về tự do dân chủ: (a) tự do tín ngưỡng - tôn giáo; (b) tự do tư tưởng, phát biểu, quan điểm, tự do thông tin ngôn luận, tự do báo chí; (c) tự do hội họp, lập hội, lập đảng, biểu tình; toàn dân được trưng cầu ý kiến về quốc sự; (d) tự do ứng cử - bầu cử, tự do tham gia công quyền, quyền tham gia xây dựng, bảo vệ và quản lý Tổ quốc, tức là quyền Dân tộc Tự quyết. Trong Hiến pháp Việt Nam (điều 50) cũng ghi "các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng", nhưng thực tế là từ bao năm nay, các quyền dân sự bị chà đạp, các quyền chính trị bị tước bỏ, các quyền kinh tế bị thao túng, các quyền xã hội bị khinh khi và các quyền văn hóa bị xem nhẹ.

Thứ ba, đó phải là con đường hòa giải hòa hợp. Hận thù chia rẽ đã xâu xé dân tộc quá lâu. Hận thù chia rẽ này trước hết đã được tạo ra bởi chính học thuyết Cộng sản, vốn chủ trương phân chia nhân loại thành hai khối: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa rồi tuyên bố cuộc chiến một mất một còn giữa hai khối này. Sau khi biến học thuyết thành chế độ, các đảng Cộng sản đã tiến hành một cuộc xâm lăng toàn cầu mà họ gọi là "giải phóng": Liên Xô "giải phóng" Đông Âu rồi Afganistan, Cuba "giải phóng" Angola, Trung Cộng "giải phóng" Mãn Châu, Tây Tạng, Nội Mông, Hải Hôi, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "giải phóng" Việt Nam Cộng hòa... Và sau khi thắng trận, người Cộng sản đã trả thù người Quốc gia cách tàn bạo (không như Bắc quân đối với Nam quân sau cuộc nội chiến tại Hoa Kỳ, không như Đồng Minh đối với phe Trục sau Đệ nhị Thế chiến...). Thành ra để thực hiện hòa giải hòa hợp, Cộng sản - vốn là thù phạm - phải đi bước đầu bằng sự sám hối những sai lầm và tội ác đã gây ra không những cho dân miền Nam mà cả dân tộc (qua những cuộc cải cách, cải tạo xã hội đầy máu và nước mắt cũng như qua những cuộc chiến tranh xâm lấn đầy đau thương và đổ vỡ). Dĩ nhiên sám hối không phải chỉ bằng vài lời nói, vài giọt nước mắt, vài hứa hẹn băng quơ, mà bằng những hành động cụ thể, đường lối thiết thực. Đó là trả lại mọi tài sản vật chất và tinh thần mà đảng đã tước đoạt của nhân dân. Đất đai tài sản cho cá nhân, tập thể, dòng họ; cơ sở cho các giáo hội và các tổ chức phi cộng sản; lương tiền xứng hợp cho các công nhân, viên chức; tự do cho các tù nhân lương tâm; danh dự cho những cá nhân và tập thể (còn sống hay qua đời) đã bị đảng xúc phạm... Ngược lại, trong chế độ mới, sẽ không có sự trả thù hàng loạt những người thuộc chế độ cũ (như đảng CS đã làm với quân cán chính VNCH) mà chỉ có việc đưa ra công lý những thủ phạm chính yếu không chịu hối cải, với những phiên xử công bằng và công khai (y như Đồng minh đã làm tại 2 tòa án xét xử các tội phạm chiến tranh đầu sỏ của Phát xít Đức và Quân phiệt Nhật tại Nuremberg và Tokyo sau Đệ nhị Thế chiến, hay như Tòa án hình sự Quốc tế tại Den Haag, Hòa Lan xử các cá nhân phạm tội ác diệt chủng, tội ác chống lại loài người, tội ác chiến tranh hiện thời). Đảng CS lúc ấy vẫn có thể tồn tại và hoạt động trong sự bình đẳng với các đảng khác và trong cuộc đấu tranh nghị trường công minh, sòng phẳng.

BAN BIÊN TẬP



Làng báo Ba Đình (Babui-Devonline.net)

QUYỀN BIỂU TÌNH CỦA CÔNG DÂN

.....Gs Hoàng Xuân Phú 20-08-2011.....

Biểu tình là một hoạt động hợp hiến và hết sức thông thường ở xã hội văn minh. Nhưng đến nay, biểu tình (ngoài sắp đặt của cơ quan Nhà nước) vẫn còn là một chuyện tương đối xa lạ ở Việt Nam, thậm chí như một điều “phạm húy”. Biểu tình bị ngăn cản, dù có diễn ra thì người ta vẫn quanh co, không dám gọi đúng tên. Đa số người dân nhìn nhận quyền biểu tình như một thứ xa xỉ phẩm, không liên quan đến cuộc sống của mình, thậm chí còn nhìn nó như một miếng mồi nhử nguy hiểm: Ủ thì Hiến pháp cho phép đấy, nhưng cứ thử động vào mà xem... Vốn dĩ thuộc phạm trù đối nội, quyền biểu tình được nêu trong Hiến pháp trên thực tế chỉ còn để đối ngoại.

Cản trở đối với quyền biểu tình của công dân không chỉ xuất phát từ ý muốn được “yên ổn” của những người cầm quyền, mà còn bị ảnh hưởng nhiều bởi sự nhầm lẫn về mặt lô-gíc: Cả hai phía đều coi việc chưa có Luật biểu tình chính là nguyên nhân khiến quyền biểu tình chưa được hay chưa thể thực thi.

Phía người dân tưởng là khi chưa có Luật biểu tình thì không được biểu tình, nên đa số những người muốn bày tỏ chính kiến... vẫn im lặng. Ngay cả những người đã can đảm xuống đường vẫn cảm thấy chưa yên tâm, lo là hành động của mình có gì đó không ổn về mặt pháp luật, nên mới đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật biểu tình.

Phía chính quyền thì coi các cuộc biểu tình không do họ hoặc các cơ quan Nhà nước tổ chức là bất hợp pháp, là cố tình gây rối, thậm chí là do các thế lực thù địch tổ chức hoặc kích động, nên nếu có biểu tình thì chính quyền có quyền giải tán, có quyền bắt bớ... Có lẽ cũng do tin rằng chưa có Luật biểu tình thì không được biểu tình, nên một số người muốn trì hoãn việc ban hành Luật biểu tình, vì nếu có luật thì dù quy định ngặt nghèo đến đâu đi nữa, vẫn còn lại những quyền tự do tối thiểu, và không phải ai cũng muốn chấp nhận những quyền tối thiểu ấy của người dân.

Câu hỏi đặt ra là: Nên hiểu quyền biểu tình và mối quan hệ của nó với Luật biểu tình như thế nào cho đúng?

Quyền biểu tình trong Hiến pháp hiện hành

Cơ sở pháp lý để đánh giá về tính hợp pháp của hoạt động biểu tình là

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992. Điều 69 của Hiến pháp hiện hành quy định:

“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.”

Mệnh đề “theo quy định của pháp luật” khiến người dân lúng túng, do dự khi thực hiện quyền biểu tình, và bộ máy chính quyền dựa vào đó để phủ nhận quyền biểu tình của công dân trên thực tế. Thật ra, từ “pháp luật” xuất hiện 60 lần trong Hiến pháp 1992, nhiều khi chỉ là một phạm trù chung chung, không ám chỉ một luật cụ thể nào. Phải hiểu “theo quy định của pháp luật” hay “trong khuôn khổ pháp luật” là tuân theo những quy định thuộc về pháp luật – nếu đã có. Chưa có luật tương ứng thì có nghĩa là chưa có hạn chế, bởi không thể dùng cái chưa có để hạn chế thực tại. Sau khi Hiến pháp có hiệu lực, thì còn thiếu rất nhiều luật, và đến bây giờ vẫn còn thiếu, nhưng mọi tư duy lãnh mạnh đều hiểu rằng: Không thể bắt cuộc sống dừng lại, để đợi đến khi cơ quan lập pháp ban hành đủ luật.

Hiến pháp 1992 viết công dân có quyền biểu tình “theo quy định của pháp luật”, chứ không đòi hỏi cụ thể là “theo quy định của Luật biểu tình”. Giả sử, nếu Hiến pháp quy định là công dân chỉ có quyền biểu tình theo quy định của Luật biểu tình, thì công dân có quyền chất vấn và phê phán Quốc hội: Tại sao mấy chục năm rồi mà vẫn chưa ban hành Luật biểu tình? Lúc đó nhân dân nhắc nhở và đòi hỏi Quốc hội phải ban hành Luật biểu tình, chứ không phải chỉ đề nghị, kêu gọi, hay xin xỏ, vì:

“Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân, là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.” (Điều 6, Hiến pháp 1992)

“Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội...” (Điều 53, Hiến pháp 1992)

Như vậy, khi không (hoặc chưa) có luật nào quy định cụ thể hơn về việc biểu tình, thì có nghĩa là pháp luật không (hoặc chưa) có hạn chế nào cả, và công dân hoàn toàn có quyền biểu tình, như Hiến pháp cho phép.

Quyền hạn và trách nhiệm của

các cơ quan Nhà nước đối với quyền biểu tình

Nếu Quốc hội muốn định hướng hay hạn chế hoạt động biểu tình của công dân trong một khuôn khổ nào đó, thì phải ban hành luật tương ứng. Nếu thấy cần kíp phải có luật để điều tiết hoạt động biểu tình, thì chính Quốc hội và các cơ quan giúp việc phải khẩn trương, chứ dân không phải sốt ruột xin Quốc hội ban hành. Cơ quan quản lý Nhà nước mới phải vội, chứ dân không cần vội. Việc một số công dân đề nghị Quốc hội sớm ban hành Luật biểu tình là một yêu cầu hoàn toàn chính đáng, nhưng điều đó lại góp phần làm cho người dân tiếp tục hiểu sai về quyền cơ bản của công dân, và làm cho những người thuộc cơ quan hành chính Nhà nước thêm ngộ nhận về quyền hạn của họ.

Nếu Chính phủ muốn quản lý hoạt động biểu tình của công dân theo một hướng nào đó thì Chính phủ phải soạn thảo và trình dự án luật (Điều 87, Hiến pháp 1992), để Quốc hội xem xét và ban hành luật, chứ Chính phủ không thể tự tiện đưa ra những quy định hay triển khai những hành động can thiệp trái với Hiến pháp. Hiến pháp 1992 đã quy định rõ: **“Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp”** (Điều 83, Hiến pháp 1992) và Chính phủ là **“cơ quan chấp hành của Quốc hội”** (Điều 109, Hiến pháp 1992).

Điều 115 của Hiến pháp 1992 cho phép: **“Chính phủ ra nghị quyết, nghị định, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định, chỉ thị”** nhưng phải: **“Căn cứ vào Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.”**

Trong tất cả 11 khoản của Điều 112, quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ, và cả 6 khoản của Điều 114, quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, Hiến pháp 1992 không có bất cứ khoản nào cho phép Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản pháp quy để hạn chế hay can thiệp vào quyền tự do của công dân được Hiến pháp đảm bảo.

Trong Luật Tổ chức Chính phủ do Quốc hội khóa X thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2001, Điều 8, quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ, được viết lại gần như nguyên văn Điều 112 của Hiến pháp 1992. Điều 20, quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, là cụ thể hóa Điều 114 của Hiến pháp 1992. Quyền tự do của công dân

được nhắc 3 lần trong Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó chỉ khẳng định trách nhiệm của Chính phủ trong việc bảo vệ quyền của công dân và tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền của mình, cụ thể là:

“Thi hành những biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và làm tròn nghĩa vụ của mình...” (Điều 8, Khoản 5). **“Quyết định những biện pháp bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và làm tròn nghĩa vụ của mình...”** (Điều 18, Khoản 3). **“Thực hiện chính sách tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân...”** (Điều 13, Khoản 4)

Nghĩa là: Luật Tổ chức Chính phủ cũng không cho phép Chính phủ ban hành văn bản pháp quy để hạn chế quyền tự do của công dân được Hiến pháp đảm bảo. Tất nhiên là phải như vậy, vì Luật Tổ chức Chính phủ không thể có những quy định trái với Hiến pháp.

Nghị định của Chính phủ số 38/2005/NĐ-CP, do nguyên Thủ tướng Phan Văn Khải ký ngày 18-3-2005, quy định một số biện pháp đảm bảo trật tự công cộng, không đề cập đến khái niệm **“biểu tình”** được nêu trong Hiến pháp 1992. Ngược lại, khái niệm **“tập trung đông người”** được đề cập (21 lần) trong Nghị định số 38/2005/NĐ-CP không xuất hiện trong Hiến pháp 1992. Nghị định số 38/2005/NĐ-CP cũng không đưa ra định nghĩa hay giải thích về thuật ngữ **“tập trung đông người”**, không hề quy ước là **“biểu tình”** thuộc phạm trù **“tập trung đông người”**. Tất nhiên, không thể tùy ý dùng thuật ngữ **“tập trung đông người”** để chỉ hoạt động **“biểu tình”** (cũng giống như không thể dùng thuật ngữ **“tập trung 500 người”** để chỉ phiên họp Quốc hội), vì nếu như thế thì vừa thiếu tôn trọng công dân (hay thiếu tôn trọng Quốc hội), vừa thiếu tôn trọng Hiến pháp, bởi không được tùy tiện thay đổi thuật ngữ pháp lý cơ bản được sử dụng trong Hiến pháp và được dùng phổ biến trong thông lệ pháp lý trên toàn thế giới. Vì vậy, nếu hợp hiến, thì Nghị định số 38/2005/NĐ-CP cũng không chi phối quyền biểu tình của công dân được Hiến pháp đảm bảo.

Điều 50 của Hiến pháp 1992 khẳng định: **“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn**

trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật.”

Khi thực hiện các quyền con người (trong đó có quyền biểu tình), công dân chỉ phải tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành. Khi chưa có luật tương ứng thì công dân không phải chấp hành văn bản pháp quy nào khác ngoài Hiến pháp, bởi công dân chỉ phải **“sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”** (Điều 31, Hiến pháp 1992). Quyền biểu tình của công dân không phải chịu chi phối bởi các quy định nào đó, cho dù chúng có thể được đưa vào luật trong tương lai, lại càng không thể bị cản trở bởi các quy định tùy tiện của các cấp chính quyền, của bộ máy công an, của tổ dân phố, hay của một cấp trên chung chung nào đó. Cho dù là ai, to nhỏ ra sao, nhân danh tổ chức nào, thì họ cũng không là công dân Việt Nam và cũng không nằm ngoài phạm vi chi phối của nguyên tắc: **“Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.”** (Điều 52, Hiến pháp 1992).

Không phải bất cứ một quy định phi lý nào được đưa vào luật cũng là thiêng liêng, bất di – bất dịch. Nếu có Luật biểu tình thì nó không thể chứa đựng những quy định trái với Hiến pháp. Nhân dân có quyền kiến nghị và Quốc hội có trách nhiệm hủy bỏ bất cứ quy định pháp luật nào trái với Hiến pháp, vì **“Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp”** (Điều 146, Hiến pháp 1992)

Biểu tình – Quyền hiến định có hiệu lực cùng Hiến pháp hiện hành

Đã đến lúc dân ta (cả dân thường và cả những người đang thuộc bộ máy quản lý Nhà nước) phải chia tay với lối tư duy sai lầm là **“trên”** cho làm gì thì **“dưới”** mới được làm cái ấy, vì đây là kiểu quan hệ giữa chủ nô và nô lệ, hoàn toàn trái với bản năng sống chủ động của mọi loài động vật tự do, trong đó có con người. Dù có muốn, dù có cố, thì cũng không bao giờ quy định được hết mọi chuyện trên đời. Hơn nữa, càng có nhiều quy định thì càng có nhiều điều bất hợp lý và càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn giữa các quy định. Chính vì vậy, người dân có quyền làm bất cứ điều gì mà pháp luật không cấm và không vi phạm những chuẩn mực đạo đức thông thường đã được xã hội thừa nhận. Nhà nước có thể thông qua việc ban hành luật để hạn chế những mặt tiêu cực, nhưng sẽ không bao

giờ khống chế được hoàn toàn. Không thể tiếp tục luận tội theo kiểu **“lợi dụng sơ hở của pháp luật...”** Lập luận ấy không chỉ sai với thông lệ quốc tế, mà còn hài hước ở chỗ: Sao không trách phạt những người ăn lương của dân rồi làm ra luật... sơ hở, mà lại chỉ kết tội người dân áp dụng đúng luật sơ hở?

Căn cứ vào Hiến pháp và các văn bản pháp lý liên quan, với tư duy lô-gíc, chỉ có thể rút ra kết luận rằng: Quyền biểu tình của công dân được Hiến pháp hiện hành đảm bảo và có hiệu lực cùng luật với Hiến pháp. Cho đến nay, chưa có luật hay văn bản pháp lý hợp hiến nào hạn chế quyền biểu tình của công dân. Vì vậy, công dân hoàn toàn có quyền tự do biểu tình, theo đúng tinh thần của Hiến pháp, không phải đợi đến lúc có Luật biểu tình hay một văn bản tương tự.

Biểu tình là biện pháp hữu hiệu để nhân dân bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và giải tỏa ức chế. Biểu tình cũng là một hình thức hợp lý để công dân bày tỏ chính kiến, góp phần xây dựng Nhà nước và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước là phải tôn trọng và bảo vệ công dân thực hiện quyền biểu tình, phải triệt để tuân theo Điều 12 của Hiến pháp 1992: **“Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.”**

Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật.

Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật.”

Cách ứng xử với quyền biểu tình của công dân phản ánh mức độ tôn trọng nhân dân, tôn trọng Hiến pháp và trình độ hiểu biết pháp luật. Nó cũng thể hiện bản lĩnh lãnh đạo, mức tự tin vào sự trong sạch và chính nghĩa của bản thân. Một chính quyền vì dân, chỉ làm chuyện đúng, chắc chắn sẽ được đa số nhân dân tin yêu và bảo vệ, không việc gì phải sợ biểu tình. Nếu đi ngược lại lợi ích của nhân dân và dân tộc, làm những chuyện sai trái, thì không bạo lực nào có thể che chở vĩnh viễn.

Nếu thực sự cầu thị và muốn làm tròn bổn phận, lãnh đạo phải biết tận dụng hoạt động biểu tình như một chiếc cầu nối với nhân dân, làm nguồn cung cấp thông tin thực tế từ

PHÒNG THÔNG TIN PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Đức Tăng thống Quảng Độ kêu gọi toàn dân xuống đường ngày 1-7-2012 biểu tình chống xâm lược Trung Cộng

❀❀❀❀ **Paris 28-06-2012** ❀❀❀❀

Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế vừa nhận được Thông bạch kêu gọi tham gia biểu tình của Đức Tăng thống Thích Quảng Độ do Viện Hóa đạo trong nước gửi ra để phổ biến.

Mấy năm qua, với sự đồng tình của Nhà nước CS ở Hà Nội, Trung Quốc đã từng bước xâm lấn vào lãnh thổ, lãnh hải VN. Hàng nghìn công nhân Trung Quốc tiến vào vùng yết hầu quân sự Tây Nguyên VN khai thác bô-xít; những khu rừng gần biên giới phía Bắc được Hà Nội cho thuê dài hạn 50 năm. Liên tiếp từ năm 1974 trở đi Trung Quốc tiến chiếm hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, ngư dân VN thường trực làm bia đỡ đạn trong cuộc xâm lấn từ biển của TQ.

Mấy ngày vừa qua, Trung Quốc ngang nhiên mở đầu quốc tế tại 9 lô dầu khí nằm trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý và thêm lục địa của Việt Nam. Báo chí Trung Quốc hăm dọa mấy ngày qua đòi trả đũa bằng bạo lực và bắt Quốc hội Cộng sản ở Hà Nội phải “sửa sai” thu hồi việc thông qua Luật Biển khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền VN.

Trước hiện trạng nguy hiểm và khi nhà cầm quyền Hà Nội chưa có thái độ quyết liệt bảo vệ non sông như tiền nhân, Đức Tăng thống Thích Quảng Độ kêu gọi :

“Trước nguy cơ ngàn năm Bắc thuộc tái hiện, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cất lời thông thiết kêu gọi toàn thể đồng bào Việt Nam không phân biệt chính kiến, tôn giáo, già trẻ, nam nữ, dân tộc, đảng phái, trong và ngoài nước... hãy cùng nhau xuống đường biểu tình vào ngày Chủ nhật, 01-07-2012, để chống ngoại xâm, cứu nguy đất nước”.

Sau đây là toàn văn Thông bạch:

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN TĂNG THỐNG

Thanh Minh Thiền Viện, 90 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP Sài Gòn

Phật lịch 2556 Số: 08/VTT/TB/TT THÔNG BẠCH

kêu gọi tham gia biểu tình chống ngoại xâm cứu nguy đất nước

Kính gửi:

Quý vị Lãnh đạo các Tôn giáo, các Nhân sĩ, Trí thức, các Đảng phái, các Đoàn thể, Tổ chức, Sinh viên học sinh và toàn thể Đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước.

Kính thưa Quý liệt vị,

Đã hàng ngàn năm qua, Trung Quốc luôn xâm lấn tổ quốc Việt Nam, hết lần này đến lần khác, chưa bao giờ từ bỏ mộng bành trướng Đại Hán này.

Hiện nay, các hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa và một phần lãnh thổ Miền Bắc đã bị Trung cộng xâm chiếm. Các vùng Cao nguyên Trung phần và rừng núi 10 Tỉnh trên toàn quốc đã bị Trung cộng tìm cách lấn chiếm dưới hình thức khai thác Bauxit hay thuê đất trồng rừng dài hạn 50 năm trở lên.

Trung cộng đã lập huyện Tam Sa bao gồm các hải đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam.

Từ năm 2005 đến nay, Trung cộng đã nhiều lần bắn giết, cướp bóc tàu thuyền, tài sản của ngư dân Việt Nam. Trung cộng lại còn bắt giam ngư dân, đòi tiền chuộc như những nhóm thảo khấu.

Hành động xâm lấn của Trung cộng rất ngang nhiên trắng trợn. Nhưng Nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam bị kẹt trong thoả thuận “16 chữ vàng và 4 tốt”, không phân rõ bạn thù, nên chỉ lên tiếng phản đối lấy lệ, làm cho Trung cộng được trớn, ngày càng xâm chiếm các

vùng lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam nhiều hơn, mạnh tay hơn.

Nhưng biên giới phía Bắc lại bị bỏ ngỏ, mặc tình cho người Hoa tự do xâm nhập vào lãnh thổ nước ta mà Nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam không kiểm soát được.

Người Hoa đã thành lập các khu phố Tàu, khu khai thác biệt lập không ai vào được, ở Bình Dương, Lâm Đồng và nhiều nơi khác.

Nay, Trung cộng lại còn ngang nhiên cho đầu thầu khai thác 9 lô dầu khí trong hải phận Việt Nam.

Trước nguy cơ ngàn năm Bắc thuộc tái hiện, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cất lời thông thiết kêu gọi toàn thể đồng bào Việt Nam không phân biệt chính kiến, tôn giáo, già trẻ, nam nữ, dân tộc, đảng phái, trong và ngoài nước... hãy cùng nhau xuống đường biểu tình vào ngày Chủ nhật, 01-7-2012, để chống ngoại xâm, cứu nguy đất nước.

Nguyện cầu hồn thiêng sông núi, các anh hùng liệt nữ phù hộ cho đất nước VN thoát khỏi ách ngoại xâm.

Cầu chúc toàn dân VN thành công trong ý chí và hành động.

Sài Gòn, ngày 28-6-2012.

Thay mặt Hội đồng Lương viện GHPGVNTN

Đệ ngũ Tăng thống

Sa môn Thích Quảng Độ

THÔNG TƯ CỦA VIỆN HÓA ĐẠO VỀ ĐỊA ĐIỂM BIỂU TÌNH NGÀY CHỦ NHẬT 1-7-2012

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN HÓA ĐẠO

Chùa Giác Hoa, 15/7 Nơ Trang Long, Phường 7, Q. Bình Thạnh, TP Sài Gòn

Phật lịch 2556 Số : 05/VHĐ/TT/VT THÔNG TƯ

Khâm tuân lời kêu gọi xuống đường biểu tình chống Trung Quốc của Đức Tăng thống và về địa điểm biểu tình

Kính gửi:

- Chư Tôn đức Hội đồng Lương viện,
- Quý Ban Đại diện các tỉnh, thành, quận, huyện GHPGVNTN.
- Chư Tôn đức Tăng ni và Đồng bào

Phật tử.

Kính bạch chư Tôn đức Giáo phẩm,

Kính thưa Quý đồng bào Phật tử, Khâm tuân Thông bạch “*kêu gọi xuống đường biểu tình chống ngoại xâm cứu nguy đất nước*” của Đức Đệ ngũ Tăng thống Đại lão Hoà thượng Thích Quảng Độ, Viện Hóa đạo yêu cầu chư Tôn đức và Ban Đại diện Giáo hội các cấp vận động chư Phật tử cùng đồng bào các giới cùng nhau xuống đường biểu tình:

Thời gian: lúc 8g30 sáng Chủ nhật, ngày 01-7-2012

Địa điểm: Đại Sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, Lãnh sự quán Trung Quốc tại Sài Gòn và các nơi khác.

Địa phương nào không có Sứ quán Trung Quốc, có thể tuỳ chọn nơi công cộng thích hợp.

Thừa Thiên-Huế có thể chọn địa điểm Đài Kỷ niệm Thánh Tử đạo.

Khi đi biểu tình, chỉ dùng các biểu ngữ có nội dung chống sự xâm lăng của Trung cộng vào lãnh thổ và lãnh hải trên Biển Đông, đặc biệt hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Chẳng hạn như “Hoàng Sa-Trường Sa là của Việt Nam”, “Chống âm mưu xâm lược Trung Quốc” v.v... Tuyệt đối hướng dẫn cuộc biểu tình trong tinh thần ôn hoà bất bạo động của Phật giáo. Không khiêu khích, không bạo hành, gây hấn bất cứ ai.

Các Tu viện, Tự viện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đồng loạt tổ chức lễ Cầu nguyện Quốc thái dân an vào ngày 01-7-2012 theo chỉ thị của Đức Tăng thống.

Để thể hiện tinh thần chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc, Viện Hoá đạo yêu cầu chư Tôn đức, Quý Ban Đại diện và quý Đồng bào, Phật tử hoan hỷ tham gia xuống đường biểu tình vào ngày giờ nêu trên để bảo vệ tổ quốc, cứu nguy dân tộc.

Cầu chúc toàn dân VN thành công trong ý chí và hành động.

Sài Gòn, Giác Hoa, ngày 29-6-2012

Viện trưởng Viện Hoá đạo GHPGVNTN

Tỳ kheo Thích Viên Định
☆☆☆☆☆☆☆☆

ĐỨC MẸ LA VANG VỚI DÂN TỘC VN

.....*Gm Vinh sơn Nguyễn Văn Long 16-06-2012*.....

Bài giảng trong ngày bé mạc Hành hương của Liên đoàn Công giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ tại Vương cung thánh đường Washington DC.

Kính thưa quý ông bà anh chị em, Hôm nay, tôi rất hân hạnh được đến Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn để tham dự cuộc Hành hương kính Đức Mẹ La Vang do Liên Đoàn Công giáo VN tại Hoa Kỳ tổ chức. Lời đầu tiên, tôi xin được gửi đến toàn thể quý vị đó là lời chúc sức khoẻ, tình yêu và ân sủng của Thiên Chúa. Xin Ngài kiện toàn thánh ý nhiệm mầu của Ngài nơi chúng ta, những chứng nhân của tự do, công lý và nhân bản. Tôi cũng xin được chuyển lời chào thân thương của đồng bào chúng ta tại Úc Đại Lợi luôn hướng về khối người Việt tại Hoa Kỳ như là con chim đầu đàn của đàn chim Việt đang tản mác khắp bốn phương trời. Dù ở đâu, người VN chúng ta cũng cố gắng để làm rạng danh ‘con Rồng cháu Tiên’ và cùng tranh đấu cho một tương lai tươi sáng của quê hương Dân tộc.

Chủ đề mà Ban Tổ chức đã mời tôi đến để chia sẻ với quý vị tối nay là “Mẹ La Vang với Dân tộc VN.” Tôi phải thú thật là khi nhìn vào một chủ đề như thế, tôi không biết phải nói gì để khỏi phụ lòng mong đợi của quý vị. Nhiều người nghĩ rằng, Giám mục thì có thể nói về bất cứ vấn đề gì. Thực tế thì không như thế. Ở lứa tuổi 50 và sống 2/3 đời mình ở Úc, tôi cũng chỉ có một kiến thức giới hạn – nhất là về những vấn đề liên quan đến VN. Tôi không thể ‘xuất khẩu thành thơ’ và càng không thể ‘múa rìu qua mắt thợ’ trước một cử tọa ở cái nơi chính trị và văn hóa của Hiệp Chúng Quốc này. Ước mong của tôi là được chia sẻ và học hỏi hơn là được ‘thuyết giảng’ về mối liên quan giữa tôn giáo và Dân tộc – nhất là trong hoàn cảnh đất nước chúng ta hôm nay. Tôi cũng đại diện cho một thế hệ trẻ được hấp thụ hai nền văn hoá khác nhau. Vì thế, ước mơ của tôi là làm một nhịp cầu giữa hai thế hệ, ngõ hầu ngọn đuốc của tự do và công lý được chuyển tiếp cho đến ngày quê hương mến yêu được phục hưng.

Đức Mẹ VN và Đức Mẹ Ba Lan:

Để tìm hiểu về sự tương quan của “Mẹ La Vang với Dân tộc Việt Nam,” chúng ta có thể nhìn vào một Dân tộc mà lịch sử của họ cũng có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam chúng ta, đó là Ba Lan, quê hương của Đức Cố Giáo hoàng Gioan Phaolo II. Ba Lan,

một quốc gia bị ngoại bang xâm chiếm nhiều lần và trong lịch sử cận đại đã chịu nhiều tang tóc hơn các Dân tộc khác, với hơn sáu triệu người chết trong Đệ Nhị Thế Chiến. Hơn thế nữa, Ba Lan đã sống dưới bóng của tên khổng lồ không mấy tử tế là Liên Bang Xô Viết và chế độ Cộng sản hơn bốn thập niên. Trong suốt những năm dài tăm tối đó, người dân Ba Lan đã hướng về một thánh địa tượng trưng cho tinh thần Dân tộc và ý chí bất khuất của họ, đó là Jasna Gora – một địa danh có nghĩa là Núi Sáng (Luminous Mount) hoặc có thể tạm dịch là Minh Sơn. Nơi đây, Đức Trinh Nữ Maria dưới danh hiệu Đức Mẹ Czestochowa được sùng kính như là Đấng Bảo Vệ cho Dân tộc Ba Lan qua bao thăng trầm của lịch sử.

Đức Mẹ Czestochowa có nghĩa là ‘Đức Mẹ Đồng Đen’. Tục truyền rằng, vào năm 1655, khi quân Thụy Điển chuẩn bị xâm chiếm Ba Lan, những người lính trên đồi Jasna Gora đã cầu nguyện với ảnh Đức Mẹ Đồng Đen và họ dù yếu thế hơn đã đẩy lui được quân Thụy Điển. Từ đó, Đức Mẹ Czestochowa được mệnh danh là Nữ Vương nước Ba Lan và đồi Jasna Gora được coi như thánh đô của họ. Vào năm 1920, khi Hồng Quân Liên Xô ồ ạt đánh vào Warsava, một lần nữa người dân Ba Lan lại chạy đến với Đức Mẹ Czestochowa. Không ai có thể giải thích nổi, với một đạo quân hùng mạnh nhất Âu Châu thời đó, Hồng Quân Liên Xô đã bị đánh bại ở dòng sông Vistula – một chiến thắng không ngờ, như Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm xưa (năm 938).

Với lịch sử Dân tộc gắn liền với đức tin Công giáo và đặc biệt là lòng sùng kính Đức Mẹ, chúng ta không ngạc nhiên khi Jasna Gora trở thành một biểu tượng không thuần túy về tôn giáo mà là một biểu tượng cho tinh thần quốc gia và niềm tự hào Dân tộc. Mỗi khi quốc gia bị mất chủ quyền và Dân tộc bị đàn áp, người dân Ba Lan đã tìm đến Jasna Gora không phải chỉ nguyện xin mà còn tìm một lối thoát cho quốc gia và một tương lai mới cho Dân tộc. Chính vì thế, trong những năm gọi là ‘chiến tranh lạnh,’ khi bạo quyền CS Ba Lan, được sự chỉ đạo của Điện Cẩm Linh, dập tắt tất cả các ngọn lửa đấu tranh cho nhân quyền, Jasna Gora đã trở nên thành lũy đối kháng và linh hồn của phong trào chống cộng.

Vào ngày 26 tháng 8 năm 1982, tức ngày Lễ Kính Đức Mẹ Czestochowa, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolo II đã nói những lời tâm huyết với đồng bào mình còn đang sống sau cái gọi là ‘bức màn sắt’ và đang tranh đấu cho tự do. Ngài nói như sau:

“Đồng bào thân mến. Dù đời sống của người Ba Lan khó khăn thế nào, xin cho chúng ta thêm tin rằng cuộc đời của chúng ta đã thuộc về Trái tim Mẹ. Như Mẹ đã toàn thắng nơi Thánh Maximiliano Kolbe, Hiệp sĩ của Đấng Khiết Trinh, xin Mẹ cũng toàn thắng nơi chúng ta. Xin Mẹ Jasna Gora toàn thắng nơi chúng ta và qua chúng ta. Xin Mẹ toàn thắng ngay cả qua các đau khổ và thất bại của chúng ta. Xin Mẹ cho chúng ta đừng nản lòng tranh đấu cho công lý và sự thật, cho tự do và nhân phẩm của con người. Chẳng phải lời của Mẹ ở tiệc cưới Cana ‘Hãy làm theo mệnh lệnh của Ngài’ có nghĩa như vậy sao? Anh chị em hãy nhớ rằng, sức mạnh được thể hiện qua sự yếu đuối. Tôi ở gần anh chị em. Tôi luôn nhớ tới anh chị em.”

Tôn giáo và chính trị:

Đọc những lời của Đức Thánh cha, tôi không có cảm tưởng là tôn giáo và chính trị là hai thái cực mà người tín hữu không được lẫn lộn. Ngược lại, sự nhập thể của Thiên Chúa vào đời sống của con người đòi buộc chúng ta cũng phải ‘nhập thể’ dưới ánh sáng Tin Mừng. Như lời mở đầu Hiến chế Gaudium et Spes (Vui mừng và Hy vọng) của Công Đồng Vaticano II đã khẳng định “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô.” Chân phước Gioan-Phaolô II đã cho chúng ta thấy rằng, tranh đấu cho công lý và sự thật, cho tự do và nhân phẩm không phải là việc làm của những kẻ muốn chính trị hóa tôn giáo mà là bổn phận ‘nhập thể hóa’ Tin Mừng và ‘Kitô hóa’ môi trường của chúng ta. Nếu chúng ta chỉ giữ đạo trong nhà thờ, nếu chúng ta chỉ đóng khung tôn giáo trong những vấn đề siêu nhiên mà hoàn toàn vô cảm với những vui mừng và hy vọng, những sợ hãi và lo âu của đồng loại, thì phải chăng tôn giáo chỉ là thứ thuốc phiện ru ngủ chúng ta như lời Karl Marx? Đây cũng là chiêu bài của Cộng sản. Họ muốn tôn giáo chỉ là thứ thuốc phiện ru ngủ dân chúng. Họ muốn biến tôn giáo trở thành một công cụ của chế độ.

Cách đây không lâu, tôi có nghe một câu nói rất hùng hồn: “Nếu ai không thích CS, người ấy không nên

yêu cầu chúng tôi khích bác họ.” Đằng sau câu nói này là một khó khăn thực tế cho những ai phải sống dưới chế độ CS. Trong bối cảnh đất nước và Giáo hội VN hôm nay, sự liên quan giữa chính trị và tôn giáo quả thật là một đề tài hết sức tế nhị cho người tín hữu, nhất là các vị lãnh đạo. Làm sao để giữ được một lợi thế thực dụng cho Giáo hội mà không thỏa hiệp các giá trị cơ bản của Phúc Âm? Làm sao thăng tiến đời sống đạo và lo cho các nhu cầu của các giáo xứ, các dòng tu, các chủng viện v.v... và đồng thời làm trách nhiệm ngôn sứ trong một xã hội độc tài đảng trị? Đó là một số những mệnh đề nan giải mà những ai sống với Cộng sản mới biết những phức tạp của nó. Ở đây, tôi không có ý phê bình câu nói hùng hồn trên kia hay một thái độ nào đó của các vị lãnh đạo Giáo hội trước tình hình chính trị của đất nước. Tuy nhiên, như Đức Cố GH Gioan-Phaolo II đã quảng diễn qua lời giảng dạy, thái độ và đời sống của ngài, Kitô hóa môi trường theo tôn chỉ Phúc Âm là nhiệm vụ của mọi tín hữu. Tranh đấu cho công lý và sự thật, tự do và nhân phẩm là con đường tất yếu của những ai theo Đấng là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống.

Vì thế, vấn đề ở đây không phải là chúng ta ‘không thích Cộng sản’ hay ‘khích bác họ.’ Vấn đề ở đây là chọn lựa của chúng ta giữa hai thế lực tương phản: sự thật và sự giả dối, sự thánh thiện và sự gian ác, ánh sáng và bóng tối. Vâng, người tín hữu phải yêu thương cả kẻ thù, kẻ cả người CS. Nhưng chúng ta không thể đồng lõa và vô cảm với sự giả dối, gian ác và phi nhân của họ. Chính tình yêu đối với Thiên Chúa và nhiệt tâm cho Vương Quốc của Ngài đòi hỏi thôi thúc chúng ta trong cuộc chiến cho công lý và sự thật, ánh sáng và sự sống – cuộc chiến mà chính Đức Kitô đã tranh đấu và khải hoàn qua sự chết và phục sinh của Ngài.

Vai trò của G. hội với Dân tộc:

Quý vị thân mến. Nếu người dân Ba Lan đã coi Đức Mẹ Czestochowa như là biểu tượng niềm tin của họ, thì người Việt Nam chúng ta có thể coi Đức Mẹ La Vang như là biểu tượng niềm tin của chúng ta hay không? Hơn thế nữa, nếu Jasna Gora đã hun đúc tinh thần đấu tranh cho quê hương và cho Giáo hội Ba Lan trong những chặng đường cam go nhất của lịch sử Dân tộc Ba Lan, người VN Công giáo chúng ta có thể đến với Mẹ La Vang trong nỗ lực tìm kiếm một tương lai tươi sáng cho đất nước và Giáo hội hay không? Đối với tôi, những câu hỏi này thật thiết thực với

bối cảnh của quê hương chúng ta hôm nay. Đối với tôi, đây không phải là ‘chính trị hóa’ La Vang mà là đem Phúc Âm vào lòng Dân tộc và là thực thi vai trò ngôn sứ của chúng ta trong một xã hội đang mất căn tính nhân bản. Nói một cách khác, nếu người tín hữu chúng ta phải như ‘thành phố xây trên núi’ hay như ‘muối men cho đời,’ thì vai trò phục hồi cho xã hội một căn tính nhân bản trên những giá trị Phúc Âm là vai trò thiết yếu của chúng ta. Câu Kinh Đức Mẹ La Vang “Xin cho chúng con tấm lòng từ bi nhân hậu, đại lượng bao dung, cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình thương và sự sống” sẽ không có ý nghĩa khi người tín hữu chúng ta vô cảm trước hiện tình một xã hội băng hoại toàn diện đang diễn ra trên quê hương chúng ta.

Như quý vị đã biết, trong những ngày gần đây, Giáo hội tại Hoa Kỳ đang tranh đấu cho quyền tự do tôn giáo qua những cuộc biểu tình rầm rộ, những kháng cáo trước tòa án cũng như qua các phương tiện truyền thông. Lý do là gì? Đó là việc chính phủ của Tổng thống B. Obama đã đề xướng ra một đạo luật về y tế mà theo đó, tất cả các tổ chức kể cả tổ chức Công giáo phải cung cấp bảo hiểm phổ quát bao gồm ngừa thai cho các nhân viên của mình. Các Giám mục Hoa Kỳ đã không ngần ngại đương đầu với chính sách ‘Obamacare’ mà họ cho rằng đi ngược lại với luân lý Công giáo và hơn thế nữa giới hạn quyền tự do của GH trong việc hành xử theo giáo luật. GH không thể làm ngược lại tôn chỉ của Phúc Âm nếu bị bắt buộc phải cung cấp dịch vụ phá thai hay ngừa thai – dù chỉ là gián tiếp – trong các bệnh viện của mình hay tài trợ các dịch vụ này cho các nhân viên của mình như tại trường học, giáo xứ, cơ sở xã hội v.v...

Chính vì thế, các giám mục Hoa Kỳ đã không ngần ngại đứng lên bảo vệ những giá trị mà họ cho là không thể nhượng bộ dù là trong một xã hội đa nguyên. Nhiều giáo dân và ngay cả một số giáo sĩ Hoa Kỳ không đồng quan điểm với Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ. Nhưng ít ra, không ai có thể chỉ trích là họ đã can thiệp vào chính sách của nhà nước hay là họ đã vượt qua giới hạn tôn giáo thuần túy. Phúc Âm và đời sống không thể tách lìa nhau; tôn giáo và chính trị không thể không liên hệ với nhau.

Vai trò ngôn sứ của Giáo hội đòi buộc người tín hữu ở mỗi bậc và mỗi hoàn cảnh phải tranh đấu cho một xã hội phản ảnh Vương Quốc của Thiên Chúa, hay như Kinh Đức Mẹ La Vang, là xây dựng một ‘nền văn minh

tình thương và sự sống.'

Thực thể, truyền thống công lý xã hội trong Kinh thánh là bằng chứng hùng hồn về sự nhập thể của các giá trị siêu nhiên vào đời sống tự nhiên của con người. Ở nấc cứu độ không chỉ có nghĩa là một sự giải thoát của linh hồn và đời sống vĩnh hằng trên Thiên Quốc mà là sự giải thoát con người toàn diện. Ngay trên cõi đời này và ngay trong xã hội này, con người được mời gọi để sống cuộc sống sung mãn với Thiên Chúa và tha nhân. Do đó, sống đức tin và sống thánh thiện không chỉ có một chiều dọc, tức là thờ phượng kính mến Chúa được quảng diễn qua xây nhà thờ, tu viện, trung tâm, lễ nghi, kinh kệ, rước sách, đình đám, hành hương, ăn chay hãm mình v.v...

Sống đức tin và sống thánh thiện không thể tách lìa khỏi tiến trình công lý hóa xã hội và phong phú hóa đời sống con người. Tiên tri Isaiah đã định nghĩa cho chúng ta thế nào là giữ đạo, đó là "phá vỡ xiềng xích của bọn ác nhân, cất đi gánh nặng của kẻ làm than, giải thoát cho kẻ bị áp bức và phá tan mọi gông xiềng" (Isaiah 58:6). Đức Kitô cũng đã đúc kết sứ mạng của Ngài trong câu nói đầy ý nghĩa và súc tích: "Ta đến để mọi người được sự sống và sự sống viên mãn" (Ga 10:10). Sự sống viên mãn không phải chỉ là ở đời sau. Nó là sự sống trong yêu thương, trong công lý, trong tình người từ bây giờ và mãi mãi.

Ở bên Úc, có rất nhiều người hỏi tôi là họ phải làm gì khi nhận những lá thư hay những lời kêu gọi giúp đỡ Giáo hội quê nhà. Nào là xây nhà thờ, sửa tu viện, tu bổ trung tâm hành hương, nâng cấp địa điểm truyền giáo... rồi nào là giúp cô nhi, người tàn tật, kẻ neo đơn v.v...

Có nhiều người còn nói là họ rất sợ vô đoàn thể vì đó là những nơi bị xin tiền! Tôi trả lời với họ rằng chúng ta không nên vô cảm nhưng cũng không nên tạo một gánh nặng cho mình hay cho người khác. Tôi cũng nói thêm là trên hết mọi sự giúp đỡ, anh chị em hãy tham dự vào tiến trình công lý hóa cho Dân tộc. Vì sao? Vì căn nguyên của sự nghèo đói và của những nỗi nhục quốc thể ở trong nước cũng như ở ngoài nước là hệ thống chính trị lỗi thời, là chế độ Cộng sản tham nhũng, bất công và phi nhân. Tôi sẽ không bao giờ ngần ngại để nói lên sự thật phũ phàng đó. Tôi sẽ không bao giờ tách lìa lý tưởng một Việt Nam phi Cộng sản và một Việt Nam nhân bản ra khỏi sứ mạng Giám mục của tôi.

Nhiều người Công giáo quan niệm

rằng: đạo và đời là hai thực thể riêng biệt. Chính vì thế, câu nói "người Công giáo không làm chính trị" đối với họ đã trở thành sự biện minh cho thái độ vô cảm hay chủ trương không tham dự vào những vấn đề xã hội và đất nước. Một số quý vị lớn tuổi ở đây chắc đã từng trải qua thời kỳ Việt Minh vào những năm sau Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ở Bắc Việt, Đức Giám mục Lê Hữu Từ, là một vị tiền nhiệm của Đức Giám mục Nguyễn Năng hiện nay, đã có thời lập ra khu Bùi Chu - Phát Diệm tự trị với cả những đội vũ trang Tự vệ Công giáo, chống lại chính quyền Việt Minh do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo. Đối với ngài cũng như rất nhiều Giám mục miền Bắc trong thời kỳ đó đã không ngần ngại dấn thân cho quê hương và có thể nói vượt qua cái ranh giới thông thường của đạo và đời, tôn giáo và chính trị. Hôm nay, tôi không có ý hoài niệm về một quá khứ mà nhiều người trong thế hệ cha anh rất tự hào về Giáo hội VN; tôi càng không có ý cổ võ một con đường chống đối bạo động dù đối với chế độ vong bản phi nhân. Tuy nhiên, khi lấy cuộc sống sung mãn làm mục đích, chúng ta không thể mặc nhiên để sự ác hoành hành khủng khiếp xã hội. Sự ác này không những thể hiện nơi cá nhân hay đoàn thể. Tôi cho rằng sự ác lớn nhất đang hoành hành trên đất nước chúng ta hôm nay chính là tà quyền và hệ thống chính trị đưa con người vào chỗ bế tắc.

Giáo hội là lương tri của xã hội hay là công cụ của chế độ?

Có nhiều người sẽ không đồng thuận với nhận xét và quan điểm ở trên của tôi. Họ dẫn chứng rằng: Việt Nam đã có ít nhiều thế do tôn giáo. Nhà thờ, dòng tu, chủng viện v.v... được xây cất tu bổ một cách rầm rộ. Giáo dân đi lễ không còn chỗ ngồi. Ở nấc gọi không còn chỗ chứa. Bây giờ, cái khó không phải là do chính phủ hay công cụ của họ như công an cảnh sát cơ động gây nên. Cái khó là do đời sống luân lý đạo đức suy đồi của người dân, đặc biệt là giới trẻ...

Tôi không phủ nhận những thử thách đến từ sự mất hướng đi, lối sống buông thả và hững hờ vô trách nhiệm của thế hệ hôm nay cũng như đã xảy ra cho thế hệ hôm qua. Nhưng tôi cho rằng những thử thách về đời sống luân lý vẫn ở mãi với chúng ta từ đời này qua đời khác. Cái khác là trong một xã hội bị cai trị bởi một tà quyền và hệ thống chính trị gian dối ác độc, những thử thách ấy mang một sắc thái tiêu cực và bi đát hơn.

Khi một chế độ không cho giới trẻ một tương lai, không tạo cho họ một

niềm tự hào, không cho họ cơ hội phát huy tài năng; khi một chế độ chỉ cho họ tiến thân qua thẻ đảng, khi chỉ có 'còn đảng mới còn ta' thì làm sao tránh được sự tuyệt vọng, sự mất hướng đi và sự bất cần của giới trẻ. Hãy cứ hỏi những cô dâu đi lấy chồng Đài Loan, Nam Hàn, những người lao động hợp tác ở Mã Lai, ở Arab Saudi và thậm chí ở cả Phi Châu, những người di dân bất hợp pháp ở Đông Âu, những em bị bán làm nô lệ tình dục ở Thái Lan, những người dân oan bị cướp đất, các công nhân bị bóc lột ở các hãng xưởng, những người trẻ trong các 'chat-room' v.v...

Có lần đi Macau, tôi gặp một số bạn trẻ Việt Nam lao động bất hợp pháp. Họ bị đối xử tàn tệ mà tòa đại sứ VN hoàn toàn không can thiệp và thậm chí còn đồng lõa với những đối tượng bất chính. Tôi không nghĩ là trong các nước không CS không có những vấn nạn xã hội của họ - ngay cả trên đất nước Hoa Kỳ này.

Nhưng một điều không thể chối cãi được là trong nước ta hôm nay, những hiện tượng tôi đan cử trên là vô tiền khoáng hậu trong lịch sử oai hùng của nước ta và là những nỗi nhục quốc thể cho những ai mang dòng máu Việt. Những hiện tượng này là triệu chứng của một cơn bệnh trầm kha: một thế chế hoàn toàn băng hoại và dẫn cả Dân tộc vào chỗ bế tắc.

Đức Giáo hoàng Benedicto XVI có nhắc nhở cho người Công giáo là "Giáo hội không làm chính trị nhưng cũng không đứng bên lề xã hội." Lịch sử Việt Nam qua nhiều thời đại đã minh chứng được sự dấn thân của người tín hữu thuộc mọi thành phần Giáo hội vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. Thế nhưng trong những năm gần đây, sự ru ngủ lương tri của Giáo hội đã trở thành một hiện tượng phổ biến nằm trong chính sách công cụ hóa tôn giáo của chính quyền Cộng sản. Các cụm từ như 'tôn giáo và Dân tộc,' 'tốt đời đẹp đạo,' 'giáo dân tốt công dân tốt,' 'kính Chúa yêu nước' và 'đồng hành cùng Dân tộc' đã trở thành những viên thuốc an thần để ru ngủ lương tri và vô hiệu hóa vai trò ngôn sứ của Giáo hội.

Khi "đồng chí" Lê Hồng Anh, thường trực Ban Bí thư, đi thăm Đức cha Bùi Tuần nhân dịp Giáng sinh 2011, "ông bày tỏ tin tưởng đồng bào có đạo tiếp tục phát huy truyền thống kính Chúa yêu nước" (nguyên văn của báo Sài Gòn GP). Rồi sống thượng hơn nữa, "đồng chí" Nguyễn Thiện Nhân, Phó Thủ tướng, tại La Vang năm 2010, đã ban huấn từ cho cả các Giám mục VN về việc mà ông

gọi là “đồng hành cùng Dân tộc.”

Cái điều mà người Tây phương gọi là ‘elephant in the room’ tức là điều ai cũng nhận ra là đang đã tự tôn mình ngang hàng với Dân tộc thay vì là ‘đầy tớ của nhân dân’ như họ vẫn rêu rao.

Bằng chiêu bài đồng hóa đảng với Dân tộc, họ biến lòng yêu nước thành yêu đảng và chống đảng là chống lại Dân tộc. Điều đáng buồn là liều thuốc an thần này đang làm ru ngủ và làm vô cảm lương tri của nhiều người Việt Nam, kể cả người tín hữu. Đồng hành cùng Dân tộc không thể là đồng hành cùng chế độ, nhất là khi chế độ đó đang đưa Dân tộc vào chỗ diệt vong.

Maria là nữ tì của chiều đại chính trực:

Quý vị thân mến. Trở lại câu hỏi là chúng ta có thể đến với Mẹ La Vang trong nỗ lực tìm kiếm một tương lai tươi sáng cho đất nước và Giáo hội hay không, niềm xác tín của tôi là: đây là bổn phận của người tín hữu. Như người Công giáo Ba Lan, cũng như ở khắp mọi nơi, chúng ta người tín hữu Việt Nam cũng cùng Mẹ để hành trình tiến về sự sống sung mãn cho đất nước và cho Dân tộc. Ở trên, tôi đã chứng minh là đây là sự nhập thể hóa đức tin và là bổn phận Phúc âm hóa môi trường xã hội của người môn đệ Chúa Giêsu. Bây giờ, tôi xin được hướng về chính Đức Trinh Nữ Maria như là một ‘mẫu người lữ hành trong đức tin’ và là một ‘đầy tớ can trường của công lý.’

Có lẽ đối với nhiều người Công giáo Việt Nam, họ ít khi nào dùng hai cụm từ này để diễn tả hay suy niệm về Đức Mẹ. Trong gần 20 năm ở trong nước, kể cả những năm ở tiểu chủng viện Phaolô Xuân Lộc, tôi chưa một lần nghe các cha giảng về Đức Mẹ dưới hai danh hiệu nói trên. Thế nhưng tôi cho rằng đây là một kho tàng về Thánh Mẫu học mà chúng ta cần khai phá, nhất là cho những tín hữu Việt Nam trong bối cảnh của đất nước chúng ta hôm nay.

Phúc Âm thánh Luca đã mô tả là khi Maria bước vào nhà mình, bà Elisabeth được đầy ơn Chúa Thánh Thần đã thốt lên: “Bởi đâu tôi được Mẹ Thiên Chúa đến thăm tôi... Phúc cho em là kẻ đã tin lời Chúa phán cùng em sẽ được thực hiện” (Luca 1:43,45). Maria được đầy ơn phúc không những vì là người được những đặc ân Thiên Chúa ban tặng. Bà là một người đã tin thác tuyệt đối. Bà là mẫu người lữ hành trong đức tin vượt trội hơn mọi người lữ hành khác. Abraham đã tin vào lời Chúa hứa khi ông bỏ tất cả để tiến về vùng Đất hứa. Ông đã tin dù chẳng được thấy

bằng chứng của lời hứa ấy. Abraham chẳng hề nhìn thấy con đàn cháu đống và cũng chẳng hề được bước chân vào vùng đất đầy sữa và mật ong. Ông tin khi không còn gì để tin và hy vọng khi không còn gì để hy vọng. Maria cũng thế. Bà cũng tin khi không còn gì để tin và hy vọng khi không còn gì để hy vọng. Ít ra ông Abraham khi phải chịu thử thách là đem con đi sát tế, Chúa đã nhận lòng tin và cứu con ông khỏi chết.

Còn lòng tin của Maria thì bị thúc đẩy đến đường cùng. Bà phải chứng kiến con một mình bị sát tế trên bàn thờ thập giá. Đức tin của bà được chứng minh một cách tuyệt đối. Maria trên Núi Sọ đã trở thành một người lữ hành trọn hảo trong đức tin. Bà cũng là môn đệ trọn hảo vì đã bước theo con đường chân thiện mỹ của Đức Kitô cho đến cùng.

Còn Maria là ‘đầy tớ can trường của công lý’ như thế nào? Kinh Magnificat (Luca 1:46-55) cho chúng ta câu trả lời khi Maria ca ngợi Đấng đoái thương tới người nữ tì hèn mọn như Ngài đã luôn chúc phúc cho những kẻ khiêm nhường và đói nghèo nhưng luôn kính sợ Ngài. Những lời nói này đối với những người không hiểu lịch sử cứu độ thì có vẻ tổng quát và mơ hồ. Kẻ khiêm nhường và người nghèo đói theo truyền thống Kinh thánh là những người trung tín với giao ước bất chấp những thử thách. Họ không chỉ là những người mà nói theo tục ngữ Việt Nam là “ở hiền gặp lành” mà là kiên cường trong sự lãnh dù chỉ gặp toàn sự dữ.

Khi người Do Thái bị lưu đày hơn 60 năm ở Babylon, rất nhiều tín hữu mất niềm tin trong tâm trạng tuyệt vọng hoàn toàn. Họ mất quê hương, mất đền thánh Jerusalem, mất hòm bia, mất chính quyền, mất quân đội và mất tất cả. Họ bỏ giao ước vì nghĩ rằng chính TC đã bỏ họ. Chỉ có một thiểu số giữ vững niềm tin và tiếp tục duy trì giao ước. Trong Kinh thánh họ được gọi là ‘Anawim’ mà có thể gọi nôm na là ‘tàn dư còn sống sót’.

Chính từ những ‘tàn dư’ này hay hình ảnh ‘gốc chồi Jesse’ mà Thiên Chúa đã tái tạo một Do Thái mới sau khi họ trở về Đất hứa. Họ là những người sống theo sự công chính của giao ước. Họ là những người trung tín với đường lối TC ngay cả khi lộ trình này tưởng như chỉ dẫn đến sự thất bại, tủi nhục và tuyệt vọng.

Maria là nữ tì hèn mọn theo bước chân của những ‘tàn dư’ trung tín. Đức Thánh cha Gioan- Phaolô II đã viết là “Anawim không phải một giai cấp xã hội mà là một sự chọn lựa của

kẻ công chính.” Họ chọn con đường công lý và sự thật mặc dù bị thiệt thòi và bất bớ. Họ trung kiên theo giao ước dù bị kẻ có quyền bính ức hiếp. Như thế kẻ ‘tàn dư’ trung tín cũng là những ai sống Tám mối Phúc thật. Maria đầy ơn phúc vì Ngài là người nghèo khó, người hiền lành, người có lòng thương xót, người khóc lóc và khao khát chân lý... Maria đầy ơn phúc vì Bà trung kiên bước theo con đường của người Tội Tớ Đau Khổ của Thiên Chúa. Đức Gioan-Phaolô II kết luận là “Bài ngợi ca Magnificat đã nói lên vai trò của Mẹ trong cuộc chiến chống lại sự dữ và tà quyền.” Mẹ là người đồng hành và liên đới với tất cả những ai đứng về phía công lý và sự thật.

“Chúa giờ tay biểu dương sức mạnh, dẹp tan phường lòng trí kiêu căng. Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường. Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư, người giàu có, lại đuổi về tay trắng” (Lc 1:51-53)

Những lời này cho chúng ta thấy Thiên Chúa luôn đứng về phía ‘anawim’ của Ngài, tức là những người dù thiếu số và yếu hèn nhưng luôn kiên cường trong công lý và sự thật. Ngài sẽ chiến thắng trên những kẻ gian tà và phục hồi danh dự những ‘anawim’ của Ngài. Thiên Chúa đã thực hiện chiến thắng này nơi Đức Kitô, “phiên đá mà người thợ xây loại bỏ đã trở nên tảng đá góc tường”. Ngài đã thực hiện nơi Maria nữ tì hèn mọn cũng như tất cả những ‘anawim’ trung tín của Ngài.

Lời kết: Giáo hội là tiếng kêu trong hoang địa hay chỉ là tiếng chũm chọe kêu ôi?

Quý vị thân mến. Đức Mẹ La Vang đã đi vào tâm hồn của người Công giáo Việt Nam và Ngài cũng đã đi vào lòng Dân tộc chúng ta. Dù không phải như là người Ba Lan đã gắn bó với thánh địa Minh Sơn như là linh hồn của cả Dân tộc, người Việt Công giáo ở khắp mọi nơi hướng về Mẹ La Vang như là người đồng hành trong thăng trầm của lịch sử và là Đấng phù hộ trong cơn thử thách. Lòng sùng kính Đức Mẹ không chỉ đưa chúng ta tới những hành động thuần túy tôn giáo và lễ nghi như đi hành hương, dâng hoa, rước kiệu, cung nghinh v.v... Với bổn phận ‘nhập thể hóa’ Tin Mừng và ‘Kitô hóa’ môi trường, lòng sùng kính Đức Mẹ cũng như lòng yêu mến Chúa thôi thúc chúng ta tìm cuộc sống sung mãn cho tha nhân. Chính vì thế, chúng ta không thể chỉ đến với Mẹ qua những hành động thuần túy tôn giáo mà không noi gương đáng là ‘anawim’ của Thiên Chúa. Maria là

người lữ hành trong đức tin và là nữ tử trung tín của triều đại chính trực.

Lòng sùng kính Mẹ thách thức chúng ta cũng phải làm đầy tớ và là chiến sĩ của công lý và sự thật trong cuộc chiến muôn thuở chống lại sự dữ và tà quyền.

Vào ngày 15 tháng 8 tới đây, theo như tin tức của HĐ Giám mục VN thì sẽ có nghi lễ đặt viên đá đầu tiên để xây Vương cung Thánh đường tại La Vang. Đây là một biến cố quan trọng thể hiện lòng sùng kính Mẹ và là một biểu hiện đặc thù của đức tin Công giáo VN. Nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta không dừng lại ở một hình thức bên ngoài và nhất là tạo nên một biến cố để trang điểm cho chế độ. Nếu Kitô giáo mà mất vai trò ngôn sứ thì nó bị thuần hóa và trở thành công cụ của chế độ. Lúc đó, chúng ta không còn là tiếng kêu trong hoang địa nữa mà sẽ là tiếng chửi chọe kêu inh ỏi (1Cr 13:1); lúc đó chúng ta sẽ như muối không còn mặn nữa mà chỉ còn chờ ném ra ngoài đường cho người ta đạp lên nó (Mt 5:13).

Nói tóm lại, lòng sùng kính Đức Mẹ La Vang không thể tách lìa với bản phận xây dựng một xã hội theo giá trị của Phúc Âm. Sự mạng của Đức Kitô là đem sự sống sung mãn cho con người. Người Kitô hữu chúng ta không thể chỉ dừng lại trong những hành động tôn giáo mà không kiếm tìm sự sung mãn của đồng loại và nhất là của đồng bào. Như Mẹ Maria là nữ tử trung tín, xin cho mọi người Công giáo Việt Nam trong và ngoài nước cũng trở nên đầy tớ của Tin Mừng, của công lý, của sự thật trong cuộc chiến chống lại sự dữ và tà quyền. Tôi xin phỏng theo lời của Đức Cố Giáo hoàng Gioan-Phaolo II để kết thúc bài chia sẻ:

Xin Mẹ La Vang toàn thắng nơi quê hương chúng ta. Xin Mẹ toàn thắng ngay cả qua những đau khổ và thất bại của chúng ta.

Xin Mẹ cho chúng ta đừng nản lòng tranh đấu cho công lý và sự thật, cho tự do và nhân phẩm của con người. Xin Mẹ đem lại chiến thắng của ánh sáng trên tối tăm, sự lành trên sự dữ, chí nhân trên cường bạo và đại nghĩa trên hung tàn.

Cùng Mẹ La Vang, chúng ta hãy tiến bước về tương lai tươi sáng cho Dân tộc và cho đất nước.

**+ Vinh sơn Nguyễn văn Long
OFM Conv.,**

**Giám mục Hiệu tòa Tala và
Giám mục Phụ tá TGP Melbourne,
Australia.**

**Washington DC, USA, ngày 16
tháng 6 năm 2012.**

KHÔNG THOÁT KHỎI BÀN TAY PHẬT TỔ

Ks Nguyễn Văn Thanh 14-06-2012

Chắc hẳn từ bé các bạn đã say mê bộ phim Tây Du Ký, một trong những nhân vật hấp dẫn khán giả là Tôn Ngộ Không. Trong tập phim “Đại náo thiên cung”, sau khi đánh cho liềng xiềng đám thiên binh, thiên tướng nhà trời, tự tin với tài năng của mình, Tôn Ngộ Không lên tiếng thách đố với Phật tổ. Sau khi dùng phép “cân đầu vôn” bay xa hàng ngàn dặm, Tôn Ngộ Không cứ ngỡ rằng mình đã thoát khỏi bàn tay Phật tổ, bay đến “trụ trời”, còn tự tin tề vào trụ trời để làm dấu, nhưng không biết rằng trụ trời đó chính là các ngón tay của Đức Phật. Tôn Ngộ Không vẫn không thoát khỏi bàn tay của Ngài và bị đè xuống núi Ngũ Hành Sơn suốt 500 năm, trước khi được Đường Tăng cứu.

Đó là chuyện phim, nhưng ngẫm kỹ nó không chỉ có trong phim mà còn hiện diện trong cuộc sống. Với thiết chế chính trị hiện nay, rất nhiều người thấy ra một cái thế để làm ăn rất ngon: đó là kết hợp với kẻ nắm quyền, thông qua nhậu nhẹt, hối lộ, kết bè cánh, lập sân sau, sân trước... Thật sự là những cách làm ăn rất hiệu quả hiện nay. Cách này đã tạo ra một lớp tỷ phú nức tiếng mà lâu nay ta luôn nghe nói. Rất có lý khi cộng đồng có một biệt danh cho họ là tầng lớp tư bản đỏ. (Lý luận cho số đông, không có ý định quơ đũa cả nắm.)

Từ lâu, cả xã hội đã nói đến những bất công, những tàn phá, những hậu quả do kiểu làm ăn như vậy (bất công giàu nghèo, tham nhũng, môi trường ô nhiễm, đạo đức xuống cấp, kinh tế yếu kém, giáo dục phá sản...), nhưng không thể thay đổi được. Một trong những lực cản lớn là những kẻ hưởng lợi đó (cả kinh doanh và nắm quyền) không muốn thay đổi vì họ đang hưởng lợi và một trong những nguyên nhân không kém nữa là những kẻ trí thức, có học vấn thấy một cơ hội cho mình, tự tin mình cũng sẽ “chạy chọt” được, cũng sẽ thành công nên cũng không lên

tiếng. Xã hội cứ thế tiến bước!

Rồi mùa xuân qua, khúc hoan ca chấm dứt. Cuộc chơi đó đưa đến một thực tế tất yếu hôm nay: những tập đoàn nhà nước siêu vĩ đại Vinashin, Vinalines nợ nần đầm đìa. Một định luật luôn đúng: “Tiền không tự nhiên sinh ra, mà không tự nhiên mất đi”. Với hàng trăm ngàn tỷ “bốc hơi”, tạo ra một cái lỗ thủng siêu khổng lồ, ta cũng biết rõ một điều rằng: chính quyền không phải là nơi làm ra tiền, nó chỉ có thể lấy tiền chỗ này bỏ qua chỗ khác. Sau một hồi ảo thuật giấu diếm, xảo trá số sách, bao che vay mượn, bán trái phiếu, lấy chỗ này đắp chỗ kia nhưng việc gì đến tất phải đến.

Hơn 200.000 tỷ là số nợ của chỉ 12 tập đoàn nhà nước và đây cũng chỉ là nợ trong nước. Dù dùng nhiều ảo thuật, mị dân, làm an dân để che đi con số thật cuối cùng nhưng theo các chuyên gia ước đoán, số nợ của tổng doanh nghiệp nhà nước không ít hơn 120 tỷ USD (hơn 2 triệu tỷ). Lấy tiền đâu ra trả? Thuế, vay mượn cũng không đủ bỏ vào những cái tàu há mồm đó. Cuối cùng còn cách duy nhất là in tiền. Những tên nắm chính quyền, ngoài nắm quyền lực, nắm khẩu súng, dùi cui, còn nắm một vũ khí vô cùng lợi hại nữa là máy in tiền.

Tiền được in ào ạt ra để cứu những quả bom thép, để khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ.

Có một nghịch lý: mọi người ai cũng phải vất vả để kiếm tiền và bảo vệ túi tiền. Nếu không có những qui định chung bắt buộc như thuế, phí thì không bao giờ nhà nước có thể lấy tiền của dân, người dân sẽ phản đối, chống trả đến cùng. Nhưng với biện pháp in tiền, phá giá tiền, nhà nước không nhọc công mà vẫn lấy được tiền như thường. Một minh họa dễ hiểu: nếu nhà nước phá giá 10% đồng tiền, bạn có 100 triệu thì nhà nước lấy mất 10 triệu, bạn có 1 tỷ thì mất 100 triệu. Một con số quá lớn mà nếu lấy hợp pháp thì không bao giờ được. Có

chuyên gia nói: lạm phát là thuế đánh lên toàn dân, là cách cướp đoạt trắng trợn giữa ban ngày, quả không sai. Nếu tính theo sức mạnh thanh toán qua giá vàng, giá lương thực, giá dịch vụ thì giá trị đồng tiền phá ít nhất 5 lần từ 2006 tới nay. Phá giá đến 500%, điều này có nghĩa nếu bạn có 5 triệu thì bạn đã mất trắng 4 triệu, 5 tỷ thì bạn bị cướp 4 tỷ. Một cách cướp tiền êm ái và nhẹ nhàng.

Câu chuyện không chỉ có thế, khi lạm phát xảy ra thì đầu vào tăng lên: giá nguyên vật liệu, nhân công tăng... mà đầu ra bán không được. Chưa hết, bạn còn chịu lãi suất ngân hàng cao (hơn 20%/năm), tất cả những cái đó làm bạn dù có giỏi như Tôn Ngộ Không cũng không thoát khỏi cảnh tài sản bị bốc hơi, thậm chí bản cùng, phá sản.

Câu chuyện vẫn chưa dừng lại ở đây. Khi kinh tế suy thoái, như một cuộc đua gà để giết thịt, sẽ diễn ra cảnh tháo chạy. Trong cảnh hoảng loạn đó, những kẻ nào thân tín với chính quyền, chẳng những thoát khỏi bị giết thịt mà còn nhân cơ hội bắt thêm gà. Điều này giải thích tại sao trong lạm phát, kinh tế tiêu điều, rất nhiều đại gia đã xuất hiện. (Việc này rất đơn giản: nếu bạn là con cháu thủ tướng, bạn sẽ biết khi nào in tiền, vàng lên, khi nào giá xăng tăng; chỉ cần xuất chiêu thì bạn đã có hàng tấn “thịt gà” ngon lành).

Trong khung cảnh hoảng loạn trên, tất yếu sẽ có nhiều, nhiều con gà là nạn nhân cực kỳ thảm. Sự phá sản, sạt nghiệp của các đại gia chúng khoán, bất động sản là một minh chứng hùng hồn.

Dù rất ngưỡng mộ tài năng kinh bang tế thế, làm ăn, bắt tay quan chức của Bầu Đức, tài năng đó không chỉ được khẳng định ở VN mà tầm quốc tế với Lào, Campuchia, Myanma, nhưng sự bốc hơi tài sản của ông ở tầm 7.000 tỷ hoặc viễn cảnh ông phá sản cuối năm nay thì cũng không có gì lạ. Hơn 15.000 tỷ ông gây dựng cả đời không là gì để trám cái lỗ khổng lồ 2 triệu tỷ. Ông là nạn nhân vì ông là một con gà quá lớn nên phải đem thân chịu trận, rất khó xoay trở. (Bầu Đức rất

thông minh: khi tiên đoán về khủng hoảng bất động sản, đã chủ động hạ giá căn hộ đến 40% nhưng cũng không thoát. Với hàng ngàn căn hộ tồn kho và hàng ngàn tỷ đồng vay mượn, mỗi ngày ông bị “thịt” ít nhất là vài tỷ đồng mà không thể làm được gì, thật đau đớn cho ông).

Giỏi như “Tôn Ngộ Không” nhưng Đoàn Nguyên Đức cũng không thể thoát khỏi bàn tay “Phật tổ”.

Đây là tình cảnh bị giết thịt của các doanh nhân, và điều bất ngờ là số thịt đó suy cho cùng đã chạy vào “tủ lạnh” của một số chóp bu (chỉ thật sự chóp bu, còn làng nhàng cũng bị thịt tất), kẻ mà trước kia là “ân nhân” của ông. Thật là công dã tràng.

Chúng ta chỉ có thể giàu có bền vững, đáng tự hào khi chúng ta làm giàu lên từ môi trường minh bạch, từ luật pháp nghiêm minh.

Thân gửi các doanh nhân tài năng (và các chính trị gia tầm tầm), ngày đêm xuôi ngược, nhậu nhẹt, bắt tay, ngựa xe xúm xít, “hai tay xoay tít, cái đít cong vòng”... chúng ta có nên tiếp tục tham gia vào một sân chơi như thế này nữa không hay cùng chung tay thay đổi để có tương lai bền vững, tươi sáng không chỉ đời chúng ta mà cả đời con cháu chúng ta.

Hãy nghĩ đến cái họa mất nước, đó là cái họa chung. Khi đó dù là tài năng Tôn Ngộ Không thì cũng bị giết thịt ráo.

danlambaovn.blogspot.com

NHÂN DÂN KHỐN KHỔ VÌ ĐÂU?

Tiếp bài: Không thoát khỏi bàn tay Phật tổ

Thứ hai, ngày 18-06-2012

Việc cách mạng là việc của nhân dân, ý dân là ý trời! Dân có biết dân mới hành động!

Tiền như dòng máu trong một cơ thể. Máu chỉ tốt khi do các tế bào làm ra và lưu thông. Lạm phát là cách rút máu tốt, thay bằng nước lạnh (máu độc). Lạm phát là một hình thức cướp đoạt trắng trợn mà hợp pháp.

Trong bài viết “*Không thoát khỏi bàn tay Phật tổ*” chúng ta thấy được một sự thật đau lòng với các doanh nhân, họ đã bị “giết thịt” như thế nào. Với suy nghĩ của nhiều doanh nhân cho rằng tình cảnh khốn khó của họ là do thị trường, do suy thoái kinh tế, do mình không đủ tài năng, do mình xui... (họ nghĩ vậy hoàn toàn có lý), nhưng dưới góc nhìn của tôi, luôn lấy những qui luật lớn chi phối để kiến giải thì dù có giỏi như Tôn Ngộ Không cũng không thoát, việc bị thịt, bị sạt nghiệp, phá sản là đương nhiên. Ai cũng thoát thì lấy đâu ra 2 triệu tỷ để trám cái lỗ khổng lồ do các “tàu há mồm” gây ra. Doanh nhân, những con người được cho là lanh khôn, có tầm nhìn xa trông rộng còn thế thảm vậy, còn với đại đa số nhân dân, những người lao động đầu tắt, mặt tối mưu sinh thì sao?

Với số đông, bình sinh con người là lo việc trước mắt, và hành động mãnh liệt khi thực sự bị khốn khó. Đây cũng là căn nguyên của những cuộc nổi dậy, những cuộc cách mạng nhuộm màu bạo lực mà nhiều khi đi sai đường. Nhiều cuộc cách mạng trời long đất lở, núi xương sông máu nhưng kết quả nhân dân cũng chỉ như một đàn gà, lừa từ chuồng này qua chuồng khác, sau đó mọi việc “vũ như cần”, thế thảm và thương thay!

Cần khôn chuyên dờ, nhân dân hữu trách là tâm niệm của tôi. Nhân dân nhận thức đúng, suy nghĩ đúng, hành động đúng, cần khôn chuyên vận nước tươi sáng! Suy nghĩ sai, bạo lực loạn lạc, vận nước tăm tối, nhân dân khốn khổ.

Một thực tế không thể chối cãi là người lao động ngày càng vất vả, làm nhiều hơn, lương về số lượng có tăng (700.000đ lên 3 triệu) nhưng chất lượng cuộc sống xuống thấp rõ thấy, không có tích lũy. Từ công nhân đến giáo viên, từ thợ hồ đến bác sĩ, từ nông dân đến tiểu thương... khốn khổ, bết tắc; làm nhiều, không đủ sống, không đủ tiêu là những gam màu chủ đạo. Ở các nước, người lao động chỉ làm ngày 8g, tuần 40g thì đã đủ sống an nhàn, người dân Việt Nam tôi nghĩ rằng thời gian làm việc của họ có

thể đến hơn 12g/ngày và có thể làm quanh năm suốt tháng như nông dân.

Làm suốt, làm chăm chỉ vậy mà không đủ ăn đủ tiêu, nguyên nhân vì đâu?

Sẽ có câu trả lời là: do nước mình nghèo nên dân khổ, do trình độ thấp nên năng suất kém, do hậu quả chiến tranh (cái này mấy chớp bu hay nói), do khủng hoảng kinh tế của thế giới, do suy thoái chung... đó là nguyên nhân dễ thấy và nó cũng chỉ là chuyện ngoài da. Cái thực sự nó nằm ở chỗ khác!

Bắt đầu một thực tế rành rành là lỗ thủng 2 triệu tỷ, vấn đề là phải trám nó. “Oán có đầu, nợ có chủ”, có nợ không sớm thì muộn cũng phải trả, nhiều ảo thuật được trình diễn nhưng cuối cùng vẫn là cách “in tiền”. In tiền chính là lấy tiền của toàn xã hội, ai có nhiều lấy nhiều, ai có ít lấy ít. Đây là khởi đầu của một quá trình gọi là lạm phát, tiền mất giá. Trong lạm phát doanh nhân bị cướp đoạt, bị giết thịt thể nào thì ai cũng rõ. Còn về dân nghèo, những người làm công ăn lương thì sao?

Giàu như Bầu Đức cũng chỉ tầm 15.000 tỷ, giết thịt hết đám doanh nhân cũng không là gì trong cái lỗ thủng siêu vĩ đại 2 triệu tỷ. Chắc chắn là cần phải có nhiều thịt hơn cho cái lỗ đó, lấy đâu ra? Đó là túi tiền, là sức lao động của 90 triệu dân, ngày đêm làm quần quật để góp phần trám cái lỗ thảm họa đó. Một ví dụ để quý bạn dễ hình dung: một nghề không bị ảnh hưởng suy thoái là buôn bán gạo, dù trời đất có thể nào thì người dân cũng phải ăn. Lấy một bài toán mô hình: giá gạo năm 2006 là 5.000đ/ký, một nhà buôn có 1.000 tấn gạo qui ra tiền 5 tỷ. Sau 5 năm buôn bán, đầu tắt mặt tối, vốn tăng lên 10 tỷ nhưng lúc này giá gạo là 12.000đ/ký. Với 10 tỷ chủ hàng chỉ có thể mua lại tầm 833 tấn. Vậy 167 tấn và công sức lao động suốt 5 năm qua đi đâu? Xin thưa: đi vào cái lỗ thủng 2 triệu tỷ!

Nước đục béo cò, lỗ thủng 2 triệu tỷ không chỉ 2 triệu tỷ mà còn hơn thế vì số thịt còn bị những tên cơ hội, cấu kết quyền lực kiếm

thêm.

Tình hình nguy khốn! Ngoài nắm cái máy in tiền, các tên chớp bu còn nắm những doanh nghiệp độc quyền mà ai cũng phải dùng: “điện, xăng, dầu”. Giá các mặt hàng này tăng vút, tạo ra siêu lợi nhuận. Vì độc quyền nên người dân chỉ còn một cách là phải chấp nhận rút tiền trả (những ai còn mơ màng doanh nghiệp nhà nước là ông tiên nhân hậu với dân lành thì tỉnh đi là vừa). Rõ ràng chúng đã bóp hầu, bóp họng người dân bằng mọi cách, bằng nhiều chiêu thức, bòn rút xương máu của 90 triệu dân để khắc phục hậu quả của khúc hoan ca 2 triệu tỷ. Suy cho cùng, thành quả lao động của toàn dân đã bị một nhóm cướp đoạt qua ảo thuật lạm phát.

Đó là lý do vì sao quan chức thì nhà cao cửa rộng, gái gú, bài bạc cả tỷ đồng 1 ván cờ, ngôi mát ăn bát vàng còn người dân thì dãi nắng dầm sương làm lưng quanh năm suốt tháng mà không đủ ăn.

Đồng tiền mất giá, giá cả tăng cao làm cho đồng lương bị “teo tóp”. Để bảo đảm cuộc sống, họ phải lao động cật lực hơn, chỉ tiêu tăng tiến hơn. Đồng lương đã bị rút ruột! Ta nghe nhiều đến công trình rút ruột, ít ai biết nhóm chớp bu cầm quyền còn rút cho rỗng ruột túi tiền của 90 triệu dân. Và một điều nữa là khi lạm phát, các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh thua lỗ, phá sản dẫn đến nhu cầu việc làm giảm xuống, một cuộc tranh đua tìm việc của những người lao động bắt đầu, và ngày càng kinh hoàng với đà lạm phát. Kết quả cuộc đua là chấp nhận làm nhiều hơn mà “thu nhập” ít hơn. Cuộc sống khốn khó hơn.

Lịch sử đã nhiều lần xác minh chân lý: “Quá bức bách, người dân sẽ nổi dậy”. Việc người ta sẽ nghĩ đến đầu tiên mà họ cho là ngọn nguồn gây khốn khó, đau khổ cho cuộc sống là người giàu, là giới chủ, là quan tham, và dùng bạo lực để tiêu diệt. Chỉ thấy việc trước mắt nên nhiều người sẽ nghĩ đến sự bóc lột của người chủ, “bọn tư bản xấu xa”, “quốc hữu hóa” là khẩu hiệu được nhiều người lao động ủng hộ.

Xin thưa quý bạn hữu, chúng ta là những người Việt Nam, con dân một nước, bạo lực, giết chóc không phải là giải pháp. Tử hình, bỏ tù một quan tham cũng không phải là lối thoát. Bằng trí tuệ, bằng trái tim yêu nước, thương dân, nhân văn, chúng ta hãy có cái nhìn toàn cục, thấu đáo để có giải pháp đưa đến nước cường, dân thịnh, ai cũng có lợi, tránh cảnh binh đao, đàn áp, nôi da xáo thịt. Dân tộc Việt ta đã quá khổ đau, hãy cùng nhau sáng suốt và nhân ái để thay đổi.

Xin quý bạn hữu tham khảo một đề xuất ở đây!

Viết thêm một ý:

Một nguồn nữa để trám lỗ thủng 2 triệu tỷ là bán, sang nhượng tài nguyên thiên nhiên, biển đảo, núi rừng... nguồn sống của dân tộc!

Dân ta đang đi vào con đường diệt vong, nếu không chuyển được càn khôn!

Vận nước cũng là vận nhà, nước mất nhà tan, cảm hoài núi sông!

<http://danlambaovn.blogspot.com>

TỰ DO NGÔN LUẬN

Bán nguyệt san ra ngày 1

và 15 mỗi tháng

IN VÀ TẶNG TẠI VN

Địa chỉ liên lạc:

witness2005@gmail.com

Muốn đọc tờ báo trên mạng,

xin mời ghé:

<http://8406vn.com>

<http://www.tdngonluan.com>

www.tudodanchvietnam.net

<http://tudongonluan.atSPACE.com>

<http://www.viet.no>

Trong trang mạng thứ 1,

thứ 2, và thứ 4 trên đây,

**Quý vị có thể tìm thấy
nhiều tài liệu đấu tranh cho
dân chủ tại Việt Nam**

**Xin vui lòng góp
tay phổ biến rộng
rãi bán nguyệt san
này cho Đồng bào
quốc nội**

CHIẾN THUẬT "BIA NGƯ DÂN" CỦA TQ PHẢN ỨNG CỦA VN

.....*Nguyễn Nghĩa 650 (Danlambao) 28-06-2012*.....

Sau khi Quốc hội VN tuyên bố thông qua luật Biển VN ngày 21-6-2012, mà điều 1 đã xác định: 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về chủ quyền Việt Nam, Trung Quốc (TQ) đã phản ứng dữ dội. Đầu tiên là Chính phủ TQ chính thức tuyên bố thành lập khu huyện Tam Sa thủ phủ hành chính của 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Sau đó, Chính phủ TQ trích thượng triệu tập Đại sứ VN tại TQ để phản đối luật Biển VN. Rồi đến Quốc hội TQ đòi VN "sửa sai". Mấy hôm nay, truyền thông TQ cũng tham gia dữ dội vào cuộc phản công, mà nội dung chủ yếu là: "VN tuyên bố chủ quyền trên cái không phải là của mình".

Chính phủ TQ, thông qua Tổng công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc (CNOOC) khiêu khích mời thầu thăm dò dầu khí ở chín lô. Theo PetroVN, thì chín lô này cách bờ biển gần nhất của Việt Nam 57 hải lý ở Nha Trang (Khánh Hòa), cách đảo Phú Quý của Việt Nam chỉ khoảng 37 hải lý. Xem: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2012/06/120627_petrovn_cnooc.shtml. Như vậy 9 lô này nằm trong vùng đặc quyền kinh tế EEZ của VN.

Đặc biệt là tờ China Daily, báo tiếng Anh của đảng Cộng sản Trung Quốc, hôm thứ Hai 25-6 chạy bài bình luận tựa đề "Trò hề lộ bịch" đã phá điều luật này và dọa có hành động trả đũa thích đáng. Bài xã luận bắt đầu bằng khẳng định rằng Trung Quốc hoàn toàn chính đáng khi phản đối mạnh việc Luật Biển Việt Nam bao trùm cả các vùng biển mà Trung Quốc nói là của mình. Bài báo viết: "Bắc Kinh cũng hoàn toàn chính đáng khi cân nhắc các biện pháp phản ứng mạnh tay hơn, nếu Hà Nội từ chối sửa chữa sai lầm".

Cho dù có mang chiếc áo khoác Mác-Lênin thì nhà nước TQ hiện nay cũng vẫn chỉ là một nhà nước phong kiến bá quyền. Mà phản ứng ngàn năm nay của nước bá chủ TQ,

khí nước nhược tiểu không tuân lệnh bá chủ, là chinh phạt.

Như vậy giọng điệu dọa dẫm của China Daily có nguồn gốc bá quyền và là điều có thể xảy ra. Hơn nữa, cuộc chiến tranh "Dạy cho VN 1 bài học 1979" vẫn chưa bị thời gian xóa nhòa, vẫn tươi máu những vết thương Việt Nam.

VN cần chuẩn bị ra sao trước những phản ứng cực đoan, hiểu chiến của tập đoàn cầm quyền hiểu chiến TQ?

1- Chủ quyền trên Hoàng Sa, Trường Sa là thuộc về VN

Bất luận TQ đưa ra luận thuyết gì về "chủ quyền lịch sử" của họ tại Hoàng Sa, Trường Sa thì sự kiện xâm lược vũ trang chiếm Hoàng Sa từ tay VNCH vào năm 1974, và 8 đảo tại Trường Sa của VN vào các năm 1988, 1992... đã bóc trần tính xâm lược, cướp đảo, cướp biển VN của họ.

Lần đầu tiên, một chính phủ của TQ công khai đòi hỏi chủ quyền tại Hoàng Sa, Trường Sa trước công luận thế giới là tại hội nghị San Francisco 1951 Hoa Kỳ, khi 51 quốc gia, đã tham gia tiêu diệt chủ nghĩa Phát-xít, nhóm họp về các vấn đề sinh ra sau Thế chiến 2, trong đó có vấn đề tranh chấp chủ quyền đất, đảo.

Yêu cầu chủ quyền cho TQ trên 2 quần đảo HS, TS tại hội nghị San Francisco, đã bị bác bỏ với 48 phiếu chống của 51 nước tham gia hội nghị. Như vậy là **thế giới đã chính thức bác bỏ cái gọi là "chủ quyền không chối cãi được của TQ tại HS, TS."** Lúc đó, Trung Quốc chưa kịp ngụy biện về "chủ quyền lịch sử" mà chỉ đưa ra được một lý do cho đòi hỏi chủ quyền này, là việc CHND TH đã tiếp quản 2 đảo, một tại HS, một tại TS từ tay Tưởng Giới Thạch.

Cũng tại Hội nghị này, ngày 7-9-1951, phát biểu trước cử tọa, trưởng phái đoàn Quốc gia Việt Nam, Thủ

tướng Trần Văn Hữu nêu rõ: "Chúng tôi cũng sẽ trình bày ngay đây những quan điểm mà chúng tôi yêu cầu Hội nghị ghi nhận (chứng nhận): Về vấn đề chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Và cũng vì cần phải thành thật lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa". Lời xác nhận chủ quyền đó của phái đoàn Việt Nam - thành viên của khối Liên hiệp Pháp-không hề gây ra một phản ứng chống đối, hoặc một phản đối nào của 51 quốc gia tham dự Hội nghị.

Không có sự phân đối nào của các nước tham dự Hội nghị chính là sự thừa nhận của 51 nước Đông Minh về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này.

2- Trung Quốc sẽ tiến hành trả đũa như thế nào?

Quan sát những trả đũa của Trung Quốc trong những năm gần đây, khi có tranh chấp lãnh hải, như tranh chấp với Nhật Bản quần đảo Điếu Ngư năm 2011. Trung Quốc trả đũa bằng chặn xuất cảng đất hiếm sang Nhật Bản, hay chặn nhập chuỗi tiêu, hàng xuất của Philippin sang Trung Quốc trong vụ tranh chấp tại bãi cạn Scarborough, thì ta thấy họ có thể trả đũa Việt Nam bằng kinh tế.

Tuy vậy VN là con gà đẻ quả trứng vàng cho TQ khi cán cân thương mại 2011 có lợi cho TQ hơn 12 tỷ đô la. Cho nên, nếu có trả đũa về kinh tế, thì cách trả đũa của TQ sẽ là đầu voi đuôi chuột, cũng chỉ là một tượng trưng, nhằm giữ mặt mũi cho Thiên triều mà thôi.

Một cuộc chiến kiểu 1979 với VN cũng sẽ khó xảy ra, vì như thế:

- Đây Việt Nam nhanh hơn về phía Hoa Kỳ.

- Trường hợp chiến tranh kéo dài, nguy cơ giặc mơ Cường quốc sẽ bị tan tành, là có thể xảy ra.

Tuy vậy, những gì TQ đã thực tập tại bãi Scarborough từ tháng 4 tới nay là một điều mà tôi lo lắng.

3. Chiến thuật mà Trung Quốc sử dụng trong tranh chấp Scarborough là chiến thuật "mộc sống

ngư dân", có nguồn gốc của chiến thuật dùng dân làm mộc sống khi công chiếm thành trì trong chiến tranh xâm lược.

Trong khung khoảng bãi cạn Scarborough xảy ra từ 8-4-2012 tới hôm nay, Trung Quốc đã dùng chiến thuật "chiếm mộc sống ngư dân". Đỉnh điểm của cuộc tranh chấp này là việc Trung Quốc điều đến vùng biển của bãi cạn Scarborough hơn 100 thuyền cá của ngư dân. Tham gia đội ngũ "chiếm mộc thuyền" này có chừng 4-5 thuyền thuộc Ngư chính hay Hải giám Trung Quốc làm nhiệm vụ chỉ huy, dàn trận. Hải quân Trung Quốc đứng ngoài tranh chấp.

Cho đến hôm nay, Trung Quốc và Philippin đều tuyên bố là đã triệt thoái hầu hết các thuyền của mình ra khỏi vùng biển bãi cạn Scarborough. Chưa có sự chiếm đóng của TQ đối với Scarborough. Điều này dễ hiểu, do hầu hết các đảo của bãi Scarborough đều ngập nước biển, chưa thể đóng quân được.

Câu hỏi ở đây là: Điều gì sẽ xảy ra đối với các đảo thuộc Trường Sa khi Trung Quốc dùng chiến thuật "mộc ngư dân" này để xâm chiếm một số đảo của VN trên Trường Sa?

Trước hết ta phân tích chiến thuật "mộc người sống" trong giao tranh chiếm thành trì trên lục địa. Đạo quân muốn chiếm đoạt một thành trì kiên cố là một đạo quân thiện chiến, có đầy đủ vũ khí công thành như thang dây, thang gỗ để vượt tường thành... Đạo quân bảo vệ thành là đạo quân có tinh thần kháng chiến cao, có nhiều lương thực và vũ khí, cung tên,... để tử thủ. Viên tướng chỉ huy đạo quân công thành dùng một kế như sau: bắt nhân dân sinh sống tại các vùng quanh chiếc thành này làm thành 1 chiếc mộc sống, đi đầu đoàn quân công thành của họ, để tiến sát vào chân thành, nhằm giảm thương vong và phát huy các binh cụ công thành.

Khoảng cách của một mũi tên từ thành bắn xuống là khoảng cách tạo nên thời gian cho phép tướng lĩnh trên thành quyết định bắn hay không bắn, tiêu diệt hay không tiêu diệt đoàn quân dưới thành. Nếu bắn

là tiêu diệt chính người thân của mình. Nếu không bắn, để quân địch tiến sát vào chân thành, dùng khí cụ đánh thành, cuộc chiến sẽ có lợi cho địch.

Chiến thuật dùng người làm mộc sống này không được sự hâm mộ của các tướng lĩnh phong kiến do tính vô nhân đạo của nó, nhưng không phải là không có người sử dụng. Hôm nay, TQ đã ứng dụng chiến thuật này cho tranh chấp trên biển.

Trở lại với câu hỏi: Điều gì sẽ xảy ra đối với các đảo thuộc Trường Sa khi Trung Quốc dùng chiến thuật "mộc ngư dân" này để xâm chiếm một số đảo của Việt Nam trên Trường Sa. Ta biết rằng một số đảo trên Trường Sa của Việt Nam đang được hải quân VN và gia đình của họ ở. Vậy việc chiếm đóng lâu dài của TQ là có thể xảy ra.

Trường hợp Trung Quốc dùng chiến thuật "mộc sống ngư dân" điều vài trăm "thuyền đánh cá", mà trên mỗi chiếc thuyền đánh cá này, Trung Quốc ếm các đặc nhiệm tinh nhuệ của thủy quân lục chiến TQ để chiếm đảo Việt Nam trên Trường Sa, thì Bộ tư lệnh hải quân VN ứng phó ra sao?

Tôi cho rằng cần phải bàn trước tình huống này, để khỏi lúng túng, khi TQ áp dụng chiến thuật "chiếm mộc sống ngư dân" cho tranh cướp Trường Sa của Việt Nam.

4- Một đề nghị

Trường hợp Trung Quốc dùng chiến thuật "chiếm mộc sống ngư dân", theo tôi, Việt Nam không nên lưỡng lự. Đây là cơ hội cho chúng ta giải phóng hoàn toàn Trường Sa.

Khi Trung Quốc điều các thuyền của ngư dân trá hình đến Trường Sa, Việt Nam cần cho tàu ngầm hay tàu chiến đâm chìm các thuyền gỗ này và vớt các ngư dân TQ lên. Tiến hành phân loại nhanh chóng, xác định ai là ngư dân, ai là đặc nhiệm của hải quân TQ.

Giam các sát thủ TQ lại, cho người Việt Nam trà trộn vào đám tù binh này, và đơn phương tuyên bố trao trả dân thường. Không chờ đến sự đồng ý của TQ, ta đơn phương trao trả ngư dân ngay, tại các đảo Trường Sa do TQ đóng. Chỉ cần khi

đoàn "ngư dân" này tràn lên đảo, là cuộc chiến đấu giành lại hoàn toàn Trường Sa bắt đầu.

Câu hỏi là: liệu kịch bản trên có khả thi hay không? Nhờ các bạn độc giả phân tích.

<http://danlambaovn.blogspot.com/>

LUẬT BIỂN VIỆT NAM

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII tại phiên họp cuối ngày 21-6-2012 của kỳ họp thứ ba đã bỏ phiếu thông qua Luật Biển với số phiếu tán thành là 495/496.

Luật Biển Việt Nam có bảy chương, 55 điều với việc xác định chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... được ghi ngay trong điều 1. Luật Biển bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1-1-2013.

Những nội dung chính của Luật Biển Việt Nam

Luật Biển Việt Nam gồm có bảy chương, 55 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2013.

Chương 1 gồm các quy định chung về phạm vi điều chỉnh, định nghĩa.

Chương 2 quy định về vùng biển Việt Nam với các quy định về đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo, quần đảo... **Chương 3** quy định về hoạt động trong vùng biển VN, trong đó có các quy định: đi qua không gây hại trong lãnh hải, tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải phục vụ cho việc đi qua không gây hại, vùng cấm và khu vực hạn chế hoạt động trong lãnh hải, tàu quân sự và tàu thuyền công vụ của nước ngoài đến VN, trách nhiệm của tàu quân sự và tàu thuyền công vụ của nước ngoài trong vùng biển VN, hoạt động của tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác của nước ngoài trong nội thủy, lãnh hải VN, quyền tài phán hình sự và dân sự đối với tàu thuyền nước ngoài, quyền truy đuổi tàu thuyền nước ngoài... **Chương 4** dành cho phát triển kinh tế biển, với các điều khoản về nguyên tắc phát triển kinh tế biển, các ngành kinh tế biển, quy hoạch phát triển kinh tế biển, xây dựng và phát triển kinh tế biển, khuyến khích, ưu đãi đầu tư phát triển kinh tế trên các đảo và hoạt động trên biển. **Chương 5** quy định về tuần tra, kiểm soát trên biển với các điều khoản về lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm tuần tra, kiểm soát trên biển, cờ, sắc phục và phù hiệu. **Chương 6** quy định về xử lý vi phạm. Chương này bao gồm các điều khoản về dẫn giải và địa điểm xử lý vi phạm, biện pháp ngăn chặn, thông báo cho Bộ Ngoại giao và xử lý vi phạm. **Chương 7** quy định về điều khoản thi hành.

Đều có hệ thống

Văn Quang 15-06-2012

Không phải đợi tới bấy giờ người VN mới biết những trò đều của những anh con buôn láng giềng Trung Quốc (TQ). Những chuyện như mua móng bò với giá tưởng như không bao giờ có khiên người nông dân vùng biên giới điều đứng vì làm thịt hết bò, không còn phương tiện để cày cấy sinh nhai. Chuyện lấy cờ này cờ kia để làm hàng đoàn xe vận tải chở dưa hấu, rau quả sang TQ bán, nằm la liệt ở cửa khẩu làm mọi thứ thổi rửa chỉ còn nước đổ đi. Và đây rầy những chuyện như thế đã từng xảy ra. Ở đây, tôi tạm thời tổng kết lại những trò lừa đảo trên toàn lãnh thổ VN, mỗi nơi một khác.

Không phải là đều vật mà là đều có chính sách, có đường lối rõ ràng

Buồn một nỗi là người nông dân của VN vẫn chưa nhìn nhận ra trò đều ấy không phải là đều vật mà là đều có hệ thống. Bởi những trò đều vật dần trải khắp nơi, bất cứ thứ gì dù là củ khoai, bụi khóm (dứa), nải chuối, trái dưa cho đến con cua cùng các loại hải sản, hạt gạo cũng bị bọn thương lái TQ dùng những thủ đoạn tinh quái lừa dân, không thể dùng chữ gì đúng hơn là “cực đều”.

Chính sách “đều có hệ thống” này song song với những thủ đoạn gây hấn trên biển, thuê rùng rợn trọt để “ăn sâu ở lâu”, đồng thời quấy rối trên khắp các vùng thôn quê, TQ đã chứng tỏ dã tâm của mình đối với người bạn láng giềng VN.

Điều đáng nói hơn nữa là các cấp chính quyền ở tất cả các địa phương cũng quá thờ ơ với những hành động xảo trá này! Nói đến tất cả các địa phương là nói đến cả nước tức là có trách nhiệm của các bộ, các ngành có trách nhiệm ở cơ quan trung ương. Không thể xem như đó chỉ là những vấn đề riêng của từng địa phương mà không chịu nhìn ra đó là cả một chủ trương lớn, phá hoại ngấm ngấm nền kinh tế quốc gia, đẩy nông dân vào con đường đói rách lâu dài. Bọn thương lái Trung Quốc (TQ) cứ việc âm thầm tung hoành, trong đó phải kể đến có sự tiếp tay đồng lõa của một số người Việt cũng tình quái không kém. Tìm mọi kẽ hở của pháp luật chạy chọt cho bọn thương lái, lợi dụng đúng tâm lý, tình cảm, hoàn cảnh của người dân trong từng vùng nông thôn VN. Mỗi huyện, mỗi xã có nguồn sản xuất khác nhau, có hoàn

cảnh khác nhau, chỉ người VN mới biết rõ tình hình vùng đó như thế nào. Những người VN hợp tác với bọn thương lái TQ hầu hết chỉ vì háo lợi, bị chúng lừa gạt, nhưng cũng không thể không kể đến những kẻ “nằm vùng”, đi theo quan thầy TQ, biết rõ đó là cái bẫy song vẫn quay lưng lại phản bội đồng bào mình.

Hãy thử nhìn qua vài thủ đoạn của bọn thương lái TQ trong một số “thương vụ đều” tại khắp Trung-Nam-Bắc VN.

Đặt mua thật nhiều rồi biến

Thoạt tiên, các thương lái Trung Quốc thu mua khóm với giá cao, họ “dỗ ngon dỗ ngọt” rằng khóm ở nước họ không ngọt bằng khóm ở những vùng nhiễm phen nặng như khu vực Đồng Tháp Mười cho nên đất họ cũng mua. Ông Nguyễn Tấn Hoàng (ở thị trấn Mỹ Phước) cho biết thương lái Trung Quốc không cần đợi khóm chín mà còn xanh cũng mua, miễn to là được.

Nhiều thương lái Trung Quốc xuất hiện mua khóm loại 1 (từ 1 kg/trái trở lên) với giá 4.000 đồng/kg. Thấy dễ kiếm lời, một chủ vựa khóm ở thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước đã thu gom được 2 container (hơn 42 tấn) để bán lại cho thương lái Trung Quốc. Tuy nhiên sau đó, thương lái Trung Quốc không mua nữa với lý do có tình trạng khóm nhỏ dưới 1 kg/trái trộn vào khóm loại 1.

Ông Thuận, một người thu gom khóm, than thở: “Các thương lái Trung Quốc chỉ đặt cọc 10 triệu đồng mà yêu cầu chúng tôi thu gom cả container khóm, giờ họ đi rồi thì biết bán cho ai?”. Rất nhiều người chạy đôn đáo khắp vùng Tân Phước hỏi mua khóm loại 1 để xuất khẩu sang Trung Quốc và cũng bị các thương lái Trung Quốc “chơi khăm” khi biến mất mà không có lý do.

Hơn thế, trong những ngày thương lái Trung Quốc thu mua khóm, số khóm nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến như Công ty Rau quả Tiền Giang giảm tới 50%, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sản xuất. Khi bị thương lái TQ lật lọng thì những người thu gom khóm lâm vào cảnh dở khóc dở cười, còn nông dân cũng méo mặt vì trước đó đã thu hoạch khóm xanh (chưa chín) để bán. Có khi nhà máy đành ngồi chơi đợi nguyên liệu. Ác ý của bọn thương lái này thật rõ ràng. Lừa cả

nông dân, làm hại cả nhà máy, sao không cơ quan nào biết nhỉ?

Thu mua cua, hải sản và khoai lang, chuối già cũng với chiêu độc.

Tại Đà Nẵng xuất hiện các thương lái người Trung Quốc trực tiếp đi thu mua hải sản của ngư dân địa phương với giá cao, sau đó thuê nhân công sơ chế rồi vận chuyển sang Trung Quốc tiêu thụ. Họ mua cả tôm bọm tạp chất. Tuy nhiên, được một thời gian ngắn, hầu hết các thương lái Trung Quốc “một đi không trở lại” khiến cho giá các mặt hàng hải sản bị rớt thê thảm. Ngồi chờ “các ông chủ TQ” đến mua, mỗi mòn như Hòn vọng phu, đành bán tống bán tháo vậy, không bán được, khóm hư thối thì thả trôi sông.

Hàng chục thương lái Trung Quốc đang núp bóng khách du lịch thu mua cua ở Cà Mau và có người đã bỏ trốn, mang theo số nợ tiền tỉ của nông dân địa phương.

Ngày 6-5, công an thị trấn Năm Căn (Cà Mau) cho biết: “Hiện đã có nhiều đơn tố cáo đối với Wang Juanmei, tự A Kiều (SN 1974), một thương lái quốc tịch Trung Quốc đến địa phương thu mua cua và biến mất cùng món nợ hơn 10 tỉ đồng”.

Riêng ở địa bàn huyện Năm Căn hiện có 20 thương lái Trung Quốc (chưa tính những thương lái đến, đi không trình báo), có lúc lên đến 60-70 người và họ đều sử dụng hộ chiếu du lịch, tạm trú rồi đi thu mua cua.

Ở huyện Cái Bè - Tiền Giang, nhiều người đã vào tận nhà vườn thu mua chuối già với giá cao để xuất khẩu qua Trung Quốc. Tuy nhiên, họ cũng chỉ thu mua được một thời gian rất ngắn rồi bỏ, gây tổn thất lớn cho nhà vườn vì đã đốn bỏ các cây ăn trái để trồng chuối. Vườn đã mất hoa màu, phải làm lại từ đầu! Vốn liếng ít, lại đi vay nợ, đói rách trong một thời gian lâu dài vì trồng cây ăn trái vài năm mới mong có lời. Thâm độc đến thế là cùng.

Cách thống trị thị trường ngay tại quê hương dừa Bến Tre

Ban đầu các thương lái Trung Quốc đến từng gia đình sản xuất mua thạch dừa thô với giá cao. Họ mở đại lý thu mua ở ạt, dẫn đến cơn sốt thạch dừa tại địa phương. Thấy có lời, nhiều người dân bắt đầu hỏi quy trình để làm thạch dừa xuất khẩu khiến nhiều cơ sở sản xuất thạch dừa thành phẩm ở Bến Tre phải điều đứng vì không có thạch thô để chế biến. Chỉ trong một thời gian ngắn, thương lái Trung Quốc đã thống lĩnh thị trường thạch dừa ở Bến Tre.

Ngay sau khi chi phối thị trường, thương lái Trung Quốc hạ giá thạch

dừa xuống tận đáy. Từ chỗ mua thạch thô giá 3.950 đồng/kg, đến nay họ đã hạ giá chỉ còn 1.300 đồng/kg. Đến lúc này, người sản xuất thạch dừa ở Bến Tre rơi vào thế “sống dở chết dở” vì lẽ đầu tư sản xuất rồi, làm ra hàng hóa không biết bán cho ai, vậy sản xuất làm gì đây?

Trong một ngày, chủ tịch xã Mỹ Thạnh An (TP.Bến Tre) phải ký trên 30 đơn xin tạm nghỉ kinh doanh của các nhà sản xuất thạch dừa trong xã, với lý do không tiêu thụ được sản phẩm. Trước đó, xã này có 17 cơ sở khác xin nghỉ. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, địa phương nổi tiếng với mặt hàng thạch dừa chỉ còn 20/67 hoạt động, tức là có đến 70% cơ sở “chết đứng”. Không chỉ Mỹ Thạnh An, người sản xuất thạch dừa tại nhiều địa phương ở Bến Tre cũng lao đao bởi giá thạch dừa xuống thấp, rơi vào cảnh lố lã do bị ép giá.

Làm mất uy tín thương hiệu quốc gia.

Sau một loạt các hành vi cạnh tranh thương mại xáo trộn trong nông, lâm và thủy hải sản và gần đây nhất các thương nhân Trung Quốc lại đang tiếp tục làm ảnh hưởng đến mặt hàng gạo – mặt hàng sản xuất chủ lực của Việt Nam.

Thương lái TQ “xúi” doanh nghiệp (DN) trong nước làm ăn gian lận, trộn gạo thường với gạo thơm rồi bán với giá gạo thơm... Họ mang ra bán ở các nước khác với tên Gạo Việt Nam. Ngay cả mặt hàng rất mạnh của VN là cà phê, hạt điều cũng bị con buôn TQ lũng đoạn. Đến mức này thì câu chuyện không còn dừng lại ở việc “buôn gian, bán lận” mà là vấn đề uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp, của gạo VN trên thế giới. Bởi VN là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Làm mất uy tín thương hiệu của VN là đánh một đòn rất nặng vào nền kinh tế của VN.

Đến trò “cấm chốt” còn ngoạn mục hơn

Ngoài những trò mua bán “đều”, dư luận hiện nay cũng đã và đang còn âm ỉ về vụ người TQ “cấm chốt” ở VN mà các cơ quan đều không biết. Hẳn chúng ta chưa quên vụ hàng ngàn lao động Trung Quốc làm việc “chui” tại công trình nhà máy Đạm Cà Mau và hơn 200 lao động TQ có mặt tại khu công nghiệp Long Giang thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, làm hư con gái mới lớn và quyến rũ cả một số cô đã có chồng, làm tan nát nhiều gia đình đang êm ấm khiến quê nghèo trở nên xáo trộn. Nay lại đến chuyện người TQ nuôi cá bè ở Phú Yên và Cam Ranh. Xin nói đến chuyện ở Phú Yên trước.

Ông Trần Xuân Ngãi, Chủ tịch UBND xã Hòa Xuân Nam thuộc huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, cho biết vì Vũng Rô là vùng được quy hoạch mở rộng cảng và phát triển công nghiệp hóa dầu nên không có tổ chức, cá nhân nào được cấp phép nuôi trồng thủy sản. Còn ông Ông Phạm Minh Sơn, Chủ tịch UBND huyện Đông Hòa, khẳng định: “UBND huyện Đông Hòa cũng không cấp phép nuôi trồng thủy sản và cho thuê mặt nước ở Vũng Rô đối với bất cứ tổ chức, cá nhân nào”. Vậy tại sao lại có những người TQ ung dung làm bè nuôi cá tại “vùng cấm địa” này? Họ từ trên trời rơi xuống à?

Dùng người Việt làm lá chắn

Việc xuất hiện những bè nuôi cá của người Trung Quốc ở Vũng Rô từ gần 10 năm nay đã gây nhiều bất bình đối với người dân địa phương. Khi tàu thuyền của ngư dân chạy bè cá của người Trung Quốc thì lập tức bị nhân công dọa đánh.

Thật ra từ năm 2005 đến nay, UBND tỉnh Phú Yên đã cấp phép hoạt động cho 10 người Trung Quốc với vai trò chuyên gia hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá mú và cá bóp ở Vũng Rô. Tuy nhiên, ông Đào Thái Cường, trưởng thôn Vũng Rô, cho biết những chuyên gia này chính là chủ của các cơ sở nuôi cá mú và cá bóp với quy mô lớn tại đây. Ông Cường tiết lộ: “Họ đã thuê người Việt Nam đứng tên lập doanh nghiệp để nuôi cá”. Theo ông Cường, có tất cả 5 bè cá tại bãi Chùa, bãi Hương và bãi Lau (thôn Vũng Rô) do người Trung Quốc làm chủ với quy mô mỗi bè từ 100 đến 200 lồng.

Theo UBND xã Hòa Xuân Nam, ngoài một số cơ sở tư nhân có chuyên gia Trung Quốc đứng đằng sau, còn 3 doanh nghiệp VN nuôi thủy sản tại Vũng Rô do người Trung Quốc trông coi là Công ty Thuận Thành, Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Ngọc và Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tín. Các doanh nghiệp và cá nhân này nuôi thủy sản trái phép ở Vũng Rô 7 năm nay nhưng chính quyền địa phương lại làm ngơ. Ông chủ tịch UBND xã Hòa Xuân Nam giải thích vì không được cấp phép nên UBND xã Hòa Xuân Nam không thể quản lý, thu thuế đối với các doanh nghiệp và cá nhân này.

Như vậy là tỉnh Phú Yên cấp giấy phép tràn lan, còn cái mác “chuyên gia” chỉ là vỏ bọc cho những ông chủ TQ ung dung nuôi cá. Địa phương không quản lý được (?!).

Người Việt “giúp” người TQ như thế nào?

Công ty Thuận Hoàng do bà Bùi

Thị Bích Ly làm giám đốc đã đầu tư bè nuôi hơn 100 lồng cá ở vùng biển Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa (Phú Yên). Theo bà Ly, trước đây bà chỉ xin UBND tỉnh Phú Yên cấp phép cho em rể là người Đài Loan làm hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá mú, cá bóp trên bè của bà tại Vũng Rô. Nhưng khi phóng viên đưa ra thông báo của UBND tỉnh Phú Yên cấp phép cho 2 người Trung Quốc là ông Cheng Po-Jui (26 tuổi) và Liu Cheng-Han (29 tuổi) vào năm 2010, thì bà Ly thừa nhận là đã xin giúp cho 2 người này để được vào khu vực Vũng Rô, chứ không phải là công ty của bà thuê. Bà Ly nói: “Công ty của tui chỉ xin UBND tỉnh Phú Yên cấp phép giúp cho họ làm việc tại vùng biển Vũng Rô nên không có trả lương hay tiền công gì cả. Tui chỉ giúp họ mà thôi”.

Ngoài ra, bà Ly còn thừa nhận cũng trong năm 2010 đã làm thủ tục xin UBND tỉnh Phú Yên cấp phép cho ông Sun Kun Tien (37 tuổi, quốc tịch Trung Quốc) làm hướng dẫn kỹ thuật nuôi cá mú cho công ty, nhưng thực chất nhằm giúp ông này có giấy phép hoạt động nuôi thủy sản tại Vũng Rô. Rõ ràng, 3 người Trung Quốc này không phải là chuyên gia kỹ thuật mà chỉ là những người được Công ty Thuận Hoàng xin cấp phép hộ để vào Vũng Rô nuôi cá.

Khi hỏi: “Họ không phải là người do công ty của bà thuê nhưng tại sao lại làm thủ tục xin UBND tỉnh cấp phép?”. Bà Ly hươ tay: “Đây là chuyện tế nhị, tui không nói được”.

Chuyện “tế nhị” là chuyện gì, chắc bạn đọc thừa biết rồi. Đó là con đường vòng vèo giữa sự móc nối, có đi có lại của kẻ xin và người có quyền cho, xảy ra hà rầm tại VN.

Tại vịnh Cam Ranh, người TQ cũng đóng bè nuôi cá

Việc xảy ra từ nhiều năm rồi, đến nay UBND tỉnh Khánh Hòa mới có văn bản yêu cầu UBND Tp Cam Ranh kiểm tra và báo cáo về nội dung liên quan đến công tác quản lý người nước ngoài trên địa bàn. Trước đó, tại địa phương này đã xuất hiện tình trạng một số người TQ làm lồng bè nuôi cá gần cảng Cam Ranh của Vùng 4 Hải quân từ nhiều năm nay.

Theo người dân ở đây, bè cá của người Trung Quốc cách cảng Cam Ranh vài trăm mét về phía Đông Bắc với gần 100 lồng nuôi.

Ông Lê Văn Dũng, Phó chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn (NN-PTNN) tỉnh Khánh Hòa, khi đi thanh tra môi trường trên các lồng bè ở TP Cam Ranh, cơ quan này đã phát hiện nhiều sai phạm tại

CHIẾN TRANH VIỆT NAM trong toàn cảnh chính trị thế giới

—Trần Gia Phụng (Toronto) 19-06-2012—

một lồng bè của người Trung Quốc. Ông Dũng cho phóng viên báo chí biết: “Chủ bè đã không trả lời được câu hỏi cá giống lấy từ đâu? Hàm lượng thức ăn ra sao? Có được phép lưu hành tại Việt Nam không?”.

Quan chức đầu tinh độc báo mới giết mình

Cho đến nay những người có trách nhiệm tại Phú Yên và Cam Ranh còn loanh quanh đổ lỗi cho nhau. UBND tỉnh nói là “theo đề nghị của các cơ sở nuôi trồng thủy sản”. Còn việc để xảy ra tình trạng người Trung Quốc nuôi cá trái phép, có thể có sự tham mưu của sở NN-PTNT tỉnh Phú Yên. Thế nhưng, ông Nguyễn Tri Phương, Phó Giám đốc sở NN-PTNT Phú Yên, phủ nhận: Chưa từng thấy giấy tờ nào gửi đến sở NN-PTNT đề nghị cấp phép hoạt động cho các chuyên gia Trung Quốc nuôi trồng thủy sản ở Vũng Rô... Cứ đổ lỗi loanh quanh như thế nên chẳng anh nào có lỗi cả. Và đến nay các tỉnh và TP này lại đang ca bài “sẽ kiểm tra và xử lý”!

Xin hãy đọc câu trả lời của ông Huỳnh Tấn Việt, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Phú Yên, với phóng viên báo chí vào chiều ngày 6-6 vừa qua. Ông Việt nói: “...Làm không đúng thì phải xử lý. Nói thật, tôi cũng giết mình khi đọc báo thấy có chuyện này”.

Những bè cá của người TQ to tướng sờ sờ trước mặt hàng chục năm mà quan chức tinh độc báo mới “giết mình” thì lạ thật!

Đến đây tôi xin nhường cho ý kiến bày tỏ nổi bất bình của người dân. Bạn Bình Bể viết trên báo Người Lao Động: “Một căn nhà nhỏ trong hẻm sâu, gia chủ chỉ cần thuê công nhân sửa chữa nhỏ, lập tức có nhân viên của phường, thành phố đến làm việc ngay. Một căn nhà bề thế trên một con đường lớn công nhân đang xây dựng tấp nập, ấy vậy mà khi báo chí lên tiếng có vấn đề thì từ trên xuống dưới, từ nhỏ đến lớn đều ú a, ú ở như người còn đang mê ngủ chẳng biết gì. Chuyện này cũng vậy, mấy cái bè nuôi cá to đùng (to hơn cả mấy cái bè của chủ nhà) của ông bạn hàng xóm ngang nhiên đem vào đất nhà mình để khai thác, rồi tự tiện đem tàu đến thu hoạch trước mũi chủ nhà vậy mà vẫn im lặng như tờ. Đến khi báo chí phát hiện, phanh phui thì lại lúng ta lúng túng như gà mắc tóc, rồi thì ông đổ cho bà, bà bảo tại ông...”

Bạn Nguyễn Văn Vũ viết trên báo Thanh Niên: “Lại 1 quả bom nữa được gài. Chỉ thấy tội cho các cấp quản lý của mình là rất ngậy thơ”.

Chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975. Cuộc chiến này là cuộc chiến phức tạp nhất trong lịch sử Việt Nam, xen lẫn nhiều yếu tố chính trị quốc tế lồng trong chiến tranh lạnh toàn cầu giữa hai khối tư bản và cộng sản. Vì vậy, để góp phần soi rõ chiến tranh Việt Nam vừa qua, thiết tưởng nên đặt chiến tranh Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới.

1- VẠN MỆNH VIỆT NAM TRONG TAY NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Trong điều 1 hòa ước Pháp Việt ngày 6-6-1884, có đoạn nguyên văn như sau: “...Nước Pháp đại diện cho nước Nam trong các việc giao dịch với nước ngoài...” Như thế có nghĩa là từ năm 1884 tất cả những vấn đề ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp quyết định.

Đến thế chiến thứ hai (1939-1945), đế quốc Nhật Bản thao túng Đông Dương từ năm 1940, nhưng mãi đến ngày 9-3-1945, Nhật Bản mới đảo chánh, lật đổ Pháp. Vua Bảo Đại tuyên bố độc lập ngày 11-3-1945. Tuy nhiên nền độc lập quá mong manh, vì vua Bảo Đại dựa vào Nhật, mà Nhật sắp thất trận.

Sau khi Đức đầu hàng ngày 7-5-1945, nguyên thủ các nước Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô họp hội nghị thương đĩnh tại thị trấn Potsdam (gần Berlin, thủ đô nước Đức), từ ngày 17-7 đến 2-8-1945, có mục đích bàn về các vấn đề hậu chiến tại Đức. Hoa Kỳ thử nghiệm thành công bom nguyên tử ngày 16-7, nên chọn ngày 17-7 để bắt đầu hội nghị Potsdam, nhằm tăng uy lực cho Hoa Kỳ trong các cuộc thương thuyết. Bên cạnh đó, cũng tại Potsdam, đại diện Hoa Kỳ, Anh và Trung Quốc (không họp hội nghị Potsdam, nhưng đồng ý qua truyền thanh) cùng gửi một tối hậu thư cho Nhật Bản ngày 26-7-1945. Lúc đó, Nhật Bản còn tiếp tục chiến đấu ở Á Châu. Liên Xô không tham dự vào tối hậu thư vì Liên Xô chưa tham chiến ở Á Châu và chưa tuyên chiến với NB.

Tối hậu thư này, thường được gọi là tối hậu thư Potsdam, buộc Nhật Bản phải đầu hàng vô điều kiện, chấp nhận những điều kiện của Đồng minh, như chấm dứt quân phiệt, giải giới quân đội, từ bỏ đế quốc... Cũng theo tối hậu thư Potsdam, tại Đông Dương quân Nhật sẽ bị giải giới do quân Trung Quốc ở bắc và do quân

Anh ở nam vĩ tuyến 16. Như thế, qua tối hậu thư Potsdam, các cường quốc tự ý quyết định tương lai chính trị cho VN mà không có đại diện của VN.

Tối hậu thư Potsdam không đề cập đến ai sẽ cai trị Đông Dương sau khi quân đội Nhật bị giải giới và rút về nước, nghĩa là không đưa ra một giải pháp chính trị cho tương lai Đông Dương. Phải chăng các cường quốc cố tình tạo ra một khoảng trống hành chánh và chính trị ở Đông Dương, nhằm sử dụng Đông Dương làm chiến lợi phẩm đối chác với nhau, hay đối chác với Pháp? Nhân cơ hội này, Pháp hết sức vận động với cả hai nước Anh và Trung Quốc để Pháp tái lập quyền bảo hộ Đông Dương.

Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng ngày 14-8-1945, mặt trận Việt Minh (VM) do Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Đông Dương (CSĐD) điều khiển, nhanh tay cướp chính quyền và lập chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ngày 2-9-1945. Trong khi đó, để giải giới quân đội Nhật, tướng Douglas Gracey chỉ huy quân Anh đến Sài Gòn ngày 13-9-1945 và tướng Lư Hán cầm đầu quân Quốc Dân đảng Trung Quốc đến Hà Nội ngày 14-9-1945.

Pháp ký với Anh Tạm ước về hành chính và tư pháp tại London ngày 8-10-1945, theo đó Anh giao quyền cho Pháp cai trị phía nam vĩ tuyến 16 ở Việt Nam. (Chính Đạo, Việt Nam niên biểu, tập A, tr. 275.) Sau đó, Pháp ký với Quốc Dân đảng Trung Quốc hiệp ước tại Trùng Khánh (Chongqing) ngày 28-2-1946, nội dung là Trung Quốc chịu cho quân Pháp thay thế ở bắc vĩ tuyến 16, và ngược lại Pháp nhường cho Trung Quốc nhiều quyền lợi kinh tế ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung Quốc. (Chính Đạo, sđd. tr. 311). Như thế các nước Anh, Trung Quốc, Pháp xem Việt Nam như một món hàng trao đổi, buôn bán với nhau.

2- VIỆT NAM TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Sau khi Nhật Bản đầu hàng (14-8-1945), thế chiến thứ hai chấm dứt. Các nước thắng trận chia thành hai khối: một bên là Hoa Kỳ cùng các nước Tây Âu theo chủ nghĩa tư bản, và một bên là Liên Xô cùng các nước Đông Âu do Liên Xô mới chiếm đóng, theo chủ nghĩa CS. Hai khối tư bản

và CS tranh chấp quyết liệt trên tất cả các lãnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, quân sự; tăng cường sức mạnh cho mình và khối của mình, đồng thời tìm cách làm suy yếu khối đối phương. Tuy nhiên hai bên tránh đụng độ trực tiếp với nhau vì cả hai bên đều thủ đắc vũ khí nguyên tử, sợ chiến tranh nguyên tử xảy ra thì cả hai bên đều thiệt hại thảm khốc. Tình trạng tranh chấp căng thẳng nhưng không đánh nhau này gọi là Chiến tranh lạnh. (Liên Xô thử nghiệm thành công bom nguyên tử 29-8-1949.)

Trong khi đó, sau thế chiến thứ hai, phong trào giải thực chống đế quốc lan tràn khắp nơi. Lợi dụng hoàn cảnh này, Liên Xô tiếp tục chủ trương xuất cảng cách mạng, xúi giục và giúp đỡ các nước nhỏ bị các nước Tây phương đô hộ vào thế kỷ trước, đứng lên giành độc lập, rồi sau đó gia nhập khối Liên Xô. Các cuộc võ trang nổi dậy, hoặc các cuộc nội chiến tranh chấp quyền lực, tạo nên những cuộc chiến cục bộ, là những điểm nóng địa phương trong chiến tranh lạnh toàn cầu.

Ở Á Châu, sau thế chiến hai, các điểm nóng quan trọng là Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam. Khi Nhật Bản đầu hàng năm 1945, chiến tranh Quốc Cộng ở Trung Quốc tái diễn ngày 20-7-1946. Đảng Cộng sản Trung Quốc (CSTQ) thành công, lập ra Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc (CHNDTQ) ngày 1-10-1949. Sự ra đời của CHNDTQ tăng cường sức mạnh cho khối CS và gây nhiều ảnh hưởng ở Á Châu.

Trước sự thành công của đảng CSTQ, Hoa Kỳ rất lo ngại sự bành trướng của CS ở Á Châu. Từ tháng 1-1950, thượng nghị sĩ Joseph Raymond McCarthy, thuộc đảng Cộng hòa, tiểu bang Wisconsin, phát động chiến dịch "tố cộng", thịnh hành đến nỗi người ta còn gọi là chủ thuyết McCarthy (Carthyism)

Tại Triều Tiên, sau thế chiến thứ hai, Triều Tiên được chia ở vĩ tuyến 38: phía Bắc do Liên Xô tạm chiếm và phía Nam do Hoa Kỳ tạm chiếm. Tại miền Nam, năm 1948 quốc hội được bầu ra và soạn thảo hiến pháp, công bố thành lập Cộng hòa Triều Tiên (Republic of Korea), thủ đô là Hán Thành (Seoul). Tại miền Bắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (Democratic People's Republic of Korea) được thành lập ngày 9-9-1949, thủ đô là Bình Nhưỡng (Pyongyang). Với sự hỗ trợ của Liên Xô, Trung Quốc giúp Bắc Triều Tiên xâm lăng Nam Triều Tiên ngày 25-6-1950. Nam Triều Tiên được Hoa Kỳ giúp đỡ, vận động đưa quân Liên Hiệp

Quốc (LHQ) chống Bắc Triều Tiên. Sau thời gian đánh qua, đánh lại, ngày 27-7-1953, hai bên Nam và Bắc Triều Tiên đình chiến và trở lại vị trí trước chiến tranh ở vĩ tuyến 38 Bắc.

Tại Việt Nam, nhờ sự giúp đỡ của Anh, quân Pháp chiếm Nam Kỳ, rồi tiến ra Trung và Bắc Kỳ, đe dọa chính phủ VNDCCH. Hồ Chí Minh nhượng bộ, ký thỏa ước Sơ bộ ngày 6-3-1946, sẵn sàng tiếp đón quân Pháp đến thay thế quân Trung Quốc để giải giáp quân Nhật (điều 2), trái với lời Hồ Chí Minh thề khi đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" ngày 2-9-1945: "Nếu Pháp đến xâm lăng lần nữa thì chúng tôi xin thề: không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không bán lương thực cho Pháp, không đưa đường cho Pháp." (Tô Tử Hạ, 60 năm chính phủ Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Thông Tấn, 2005, tr. 26.) Hồ Chí Minh còn ký Tạm ước (Modus Vivendi) tại Paris tối 14-9-1946 với Marius Moutet, bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại, gồm 14 điều khoản, một lần nữa nhượng bộ để cho Pháp tái tục các hoạt động kinh tế, tài chính, giao thông, văn hóa trên toàn quốc VN.

Sau hai hiệp ước này, quân Pháp đến Bắc Kỳ càng ngày càng đông. Tại Hà Nội, tự vệ VM dựng nhiều rào cản, gây trở ngại. Quân Pháp gửi tối hậu thư cho VM ngày 18-12-1946, bảo rằng nếu VM không duy trì được an ninh ở Hà Nội, thì Pháp sẽ phụ trách an ninh kể từ 20-12-1946. Nếu quân Pháp giữ gìn an ninh Hà Nội, thì toàn bộ lãnh đạo VM, đảng CSĐD và cả Hồ Chí Minh ở Hà Nội đều nằm trong tay Pháp. Không thể để bị Pháp bắt và cũng không thể tự nhiên bỏ trốn khỏi Hà Nội, Hồ Chí Minh liền hô hào toàn dân kháng chiến chống Pháp tối 19-12-1946, nhằm tạo cơ hội cho Hồ Chí Minh và lãnh đạo CS thoát thân khỏi Hà Nội mà không bị tai tiếng chạy trốn. Từ đó bùng nổ cuộc kháng chiến chống Pháp.

Vì không biết bị Hồ Chí Minh phỉnh gạt, lúc đầu toàn dân Việt Nam hưởng ứng cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng càng ngày Hồ Chí Minh và mặt trận VM càng để lộ chân tướng cộng sản, nên các thành phần theo chủ nghĩa dân tộc quy tụ chung quanh cựu hoàng Bảo Đại. Bảo Đại thương thuyết với Pháp, đưa đến kết quả là cựu hoàng Bảo Đại ký kết với tổng thống Pháp Vincent Auriol hiệp định Élysée ngày 8-3-1949, thành lập chính thể Quốc gia Việt Nam (QGVN), chống lại VNDCCH. Từ nay, cuộc kháng chiến chống Pháp biến thành của chiến tranh Quốc Cộng.

Sau sự kiện trên, chiến tranh Việt Nam bước vào một giai đoạn mới khi

Trung Quốc (ngày 18-1-1950), rồi Liên Xô (ngày 30-1-1950) thừa nhận VNDCCH; trong khi Hoa Kỳ (ngày 4-2-1950), rồi Anh Quốc (ngày 7-2-1950) thừa nhận QGVN. Các cường quốc càng ngày càng góp lửa vào chiến tranh Việt Nam. Nhờ sự viện trợ về mọi mặt của Liên Xô và nhất là Trung Quốc (nước láng giềng phía bắc), Hồ Chí Minh và đảng CSVN thắng thế, cao điểm là trận Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954.

Trước tình hình mới, các cường quốc lại họp nhau tại Genève từ ngày 8-5-1954, tìm giải pháp cho chiến tranh VN. Theo giải pháp chia hai Triều Tiên, Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam được ký kết ngày 20-7-1954 tại Genève, chia hai VN ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở phía bắc do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, và Quốc gia Việt Nam ở phía nam do Bảo Đại làm quốc trưởng. Một lần nữa, số phận Việt Nam do các cường quốc sắp đặt với nhau, và buộc hai phe Việt Nam chấp hành.

Trước khi ký kết hiệp định Genève, Chu Ân Lai, thủ tướng Trung Quốc mời Hồ Chí Minh sang Liễu Châu (Liuzhou) thuộc tỉnh Quảng Tây, họp từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954. Tại đây, Chu Ân Lai ép Hồ Chí Minh phải chấp nhận giải pháp chia hai nước Việt Nam do các cường quốc đưa ra, đồng thời Chu Ân Lai đưa kế hoạch cho Hồ Chí Minh rằng trước khi rút ra Bắc, Hồ Chí Minh nên gài cán bộ ở lại miền Nam, đồng thời phân tán và chôn giấu vũ khí ở lại miền Nam, chuẩn bị lực lượng tiếp tục chiến tranh.

Sau hội nghị Liễu Châu, và trước khi ký hiệp định Genève, Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng Lao Động ngày 15-7-1954, trình bày mục tiêu chiến đấu mới của CSVN. Hồ Chí Minh tuyên bố: "Mỹ không những là kẻ thù của nhân dân thế giới mà Mỹ đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Việt Miên Lào... Mũi nhọn của ta cũng như mũi nhọn của thế giới đều chĩa vào Mỹ..." (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7: 1953-1955, xuất bản lần thứ hai, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tt. 314-315.) Lúc đó Hoa Kỳ chưa chính thức can thiệp vào Việt Nam, mà Hồ Chí Minh đã chĩa mũi nhọn vào Hoa Kỳ, chẳng qua chỉ vì Hồ Chí Minh theo chân Liên Xô và Trung Quốc, tấn công Hoa Kỳ nhằm lập công với hai nước này. Hiệp định Genève ngày 20-7-1954 chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17. Phía bắc là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH). Phía nam là Quốc gia Việt Nam và đổi thành Việt Nam

Cộng hòa (VNCH) năm 1955. Khi Hoa Kỳ viện trợ cho miền Nam Việt Nam tái thiết đất nước, chưa đem quân vào Việt Nam, Hồ Chí Minh tuyên bố ngày 7-1-1959, trên báo Tin Tức (Liên Xô), số đặc biệt về nước VNDCCH, rằng VNDCCH là tiền đồn của QTCS. “Như vậy là ở Đông Nam Á, chúng tôi đã đứng ở tiền đồn của mặt trận dân chủ và hòa bình toàn thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh.” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, 1958-1959, xuất bản lần thứ hai, Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 309.)

Phát động chiến tranh tấn công miền Nam Việt Nam sau nghị quyết của Hội nghị Trung ương đảng Lao Động ngày 13-5-1959 và sau Đại hội III đảng Lao Động từ ngày 5 đến 10-9-1960, CSVN đưa ra chiêu bài “chống Mỹ cứu nước”. Thực chất, Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng LĐ cho biết: “Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc” (Vũ Thư Hiên, Đêm giữa ban ngày, tr. 422.)

Trong khi đó, Hoa Kỳ và khối tư bản cho rằng khi một nước bị cộng sản chiếm quyền, thì các nước lân bang dần dần sẽ bị mất vào tay cộng sản, nghĩa là một quân cờ domino sụp đổ, thì các quân cờ domino khác cũng sụp theo. Đó là nguồn gốc thuyết domino tại các nước Tây phương, nhất là Hoa Kỳ. Vận dụng thuyết địa lý chính trị này, Hoa Kỳ can thiệp vào các nước Đông Nam Á, hầu ngăn chặn sự bành trướng của CS.

Trước sự bành trướng của CS tại Á Châu, đại diện ba nước Australia (Úc), New Zealand (Tân Tây Lan), United States of America (USA) (Hoa Kỳ) họp tại San Francisco (Hoa Kỳ) ngày 1-9-1951, ký hiệp ước thành lập khối quân sự ANZUS, nhằm hợp tác phòng thủ nếu xảy ra các cuộc tấn công trên Thái Bình Dương được xem là ảnh hưởng đến hòa bình và an ninh của mỗi nước và các nước khác trong khu vực. Khối ANZUS không lập lực lượng riêng, chỉ họp hằng năm cấp bộ trưởng ngoại giao để duyệt xét tình hình và họp bất thường khi một trong ba nước thành viên yêu cầu vì an ninh bị đe dọa.

Sau hiệp định Genève (20-7-1954), Hoa Kỳ vận động ký kết Hiệp ước Hồ tương Phòng thủ Đông Nam Á (Southeast Asia Collective Defence Treaty) tại Manila, thủ đô Phi Luật Tân, ngày 8-9-1954. Từ đó ra đời Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization, SEATO), gồm các nước (theo thứ tự ABC) Australia, France, New Zealand, Pakistan, Philippines, Thailand, United Kingdom (Anh), và United

States of America. Trong phụ bản của hiệp ước, ba nước Cambodia, Laos và Việt Nam được liệt kê trong vùng lãnh thổ được bảo vệ. Hoa Kỳ dựa vào phụ bản hiệp ước này để minh chứng sự ủng hộ của họ đối với các chế độ chống cộng ở Đông Nam Á.

3- CHIẾN TRANH GIỚI HẠN TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khối CSQT hậu thuẫn, quyết định tấn công VNCH năm 1960. VN Cộng hòa ở thế tự vệ, phải nhờ đến sự giúp sức của Hoa Kỳ và đồng minh chống lại cuộc tấn công của cộng sản. Khi can thiệp vào VN, Hoa Kỳ nhắm mục đích chính là ngăn chặn sự bành trướng của CS, nhất là của CS Trung Quốc, nhằm phòng thủ từ xa để chủ nghĩa CS không thâm nhập vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên, các chính phủ Hoa Kỳ bị ám ảnh bởi chiến tranh Triều Tiên, nên chủ trương “chiến tranh giới hạn”. (Mark Moyar, Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965, New York: Cambridge University Press, 2006, tr. 306.)

Nguyên trong chiến tranh Triều Tiên, ngày 25-6-1950, Bắc Triều Tiên (BTT) xâm lăng Nam Triều Tiên (NTT), chiếm Hán Thành. Ngày 12-9-1950, đại tướng Douglas MacArthur cầm đầu quân đội Liên Hiệp Quốc (LHQ), đẩy lui Bắc quân, tái chiếm Hán Thành. Ông tiếp tục truy đuổi Bắc quân, vượt vĩ tuyến 38, chiếm Bình Nhưỡng và tiến đến sông Áp Lục (Yalu River), vùng biên giới Trung Quốc. Lây cơ quân LHQ đe dọa biên giới, khoảng 250,000 chí nguyện quân Trung Quốc vượt biên giới, giúp BTT ngày 26-11-1950. Trung Quốc dùng chiến thuật biển người, đẩy lui quân LHQ, chiếm Hán Thành. Matthew Ridgway thay thế tướng MacArthur, cầm quân LHQ, đuổi cộng quân khỏi vĩ tuyến 38 tháng 1-1951, chứ không tiến xa lên phía bắc.

Lần này ở Đông Dương, tuy Hoa Kỳ giúp VNCH chống lại CSBV, nhưng vẫn lo lắng Trung Quốc có thể dựa vào lý do Hoa Kỳ hăm dọa vùng biên giới phía nam Trung Quốc để tung quân vào VN như đã từng làm ở Triều Tiên. Lúc đó, dân số TQ đông gấp bốn lần dân số Hoa Kỳ. Để tránh trường hợp TQ can thiệp, Hoa Kỳ chủ trương “chiến tranh giới hạn” (limited war), tức giới hạn mục tiêu tấn công, không đánh ra Bắc, như trước đây MacArthur đã từng đánh ra Bắc Triều Tiên, nhất là tránh khu vực biên giới Việt Nam – Trung Quốc.

Trong cuộc chiến từ 1960 đến 1975 tại miền Nam Việt Nam, CSVN vừa dùng khủng bố, vừa dùng chiến thuật du kích, rồi tiến lên chiến tranh

quy ước. Du kích là rình mò tấn công lẻ tẻ, làm tiêu hao lực lượng đối phương. Khủng bố nguy hiểm hơn, chẳng những là tấn công hủy diệt, mà khủng bố còn là đòn chiến tranh tâm lý cân não, uy hiếp làm cho dân chúng kinh hoàng và khiếp sợ suốt đời. Quân đội Hoa Kỳ cũng như quân đội VNCH (khi còn được trang bị đầy đủ), đánh trả hữu hiệu những cuộc tấn công lớn của CS, nhưng không có đối sách nào có thể dẹp yên hoàn toàn được khủng bố và du kích CS.

Ai cũng biết khủng bố, du kích và cả chiến tranh quy ước luôn luôn phải có hậu phương yểm trợ. Khủng bố, du kích CS phát xuất từ Bắc Việt Nam. Bắc Việt Nam hay VNDCCH chính là kẻ chủ trương, nuôi dưỡng khủng bố và du kích ở Nam Việt Nam, là hang ổ của khủng bố, du kích và quân đội chính quy CS ở miền Nam, là nguồn tiếp liệu to lớn về tất cả các mặt cho CS miền Nam. Đánh rắn phải đánh đầu. Búng cây phải đào tận gốc. Muốn dẹp khủng bố, du kích CS tại miền Nam Việt Nam, thì phải tấn công sào huyệt của khủng bố và du kích ở Bắc Việt Nam, chặn đứng hậu phương của CS, chặn đứng nguồn tiếp liệu liên tục của CS, và buộc Bắc Việt Nam từ bỏ cuộc tấn công Nam Việt Nam. Nếu không đánh Bắc Việt Nam, CS Nam Việt Nam cứ tiếp tục khủng bố và du kích không ngừng nghỉ.

Các tướng lãnh VNCH thấy rõ điều này và nhiều lần đề nghị Bắc tiến, đánh ra phía bắc vĩ tuyến 17, lấy thể công làm thế thủ, buộc CSVN phải lui về phòng ngự đất Bắc, ngưng hoặc giảm tiếp liệu cho du kích miền Nam, hoặc đưa vào đó để thương thuyết với CS, buộc CS Bắc Việt chấm dứt tiếp tế du kích miền Nam, như liên quân Liên Hiệp Quốc đã làm ở Triều Tiên.

Tuy nhiên Hoa Kỳ chủ trương chiến tranh giới hạn, không chấp nhận kế hoạch Bắc tiến, không viện trợ phương tiện cho các kế hoạch Bắc tiến và chặn đứng ngay các kế hoạch Bắc tiến của quân đội VNCH.

Có thể kể các ví dụ: Ngày 4-5-1964, trung tướng Nguyễn Khánh đề nghị với đại sứ Cabot Lodge mở rộng chiến tranh ra Bắc. (Vietnam Task Force – Office of the Secretary of Defence, United States – Vietnam Relations 1945-1967, Washington D.C. 2011. Part IV, C. 1, p. a-7.) Trong cuộc mít-tinh ngày 19-7-1964, thủ tướng Nguyễn Khánh công khai hô hào Bắc tiến. (John S. Bowman, The Vietnam War: Day by Day, New York: Mallard Press, 1989, tt. 42.) Kết quả, Nguyễn Khánh bị các tướng trẻ

đẩy ra nước ngoài làm đại sứ. Không biết Hoa Kỳ có những tay vào vụ này hay không?

Ngày 1-12-1965, trung tướng Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh Vùng I Chiến thuật kiêm tư lệnh Quân đoàn I viết thư cho chính phủ, đưa ra đề nghị Bắc tiến. Tướng Thi cũng công khai đề nghị với người Mỹ. (Nguyễn Chánh Thi, Việt Nam, một trời tâm sự, California: Nxb. Anh Thư, 1987, tt. 319-334.) Tướng Thi sau đó bị cách chức vào tháng 3-1966, đưa đến vụ Biến động miền Trung.

Khi mở cuộc hành quân Lam Sơn 719, tấn công qua Hạ Lào tháng 1-1971, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đề nghị với Hoa Kỳ là VNCH đưa một sư đoàn tiến qua phía bắc vĩ tuyến 17 như một chiến thuật đánh lạc hướng CSVN, nhưng Hoa Kỳ không chấp thuận. (Nguyễn Tiến Hưng và Jerrold L. Schechter, Hồ sơ mật dinh Độc Lập, Los Angeles: C & K Promotions, Inc., không đề năm xuất bản, tr. 75.116.)

Trong mùa hè đồ lửa năm 1972, Bắc Việt tràn quân qua vĩ tuyến 17, tấn công VNCH. Viện dẫn lý do này, Quân đoàn I đưa ra đề nghị đánh thẳng qua sông Bến Hải, nhằm đe dọa hậu cứ địch, nhưng cố vấn Mỹ không đồng ý. Lo ngại Quân đoàn I có thể tự ý tiến quân ra Bắc, các cố vấn Mỹ giới hạn việc cấp bổ sung tiếp vận cho Lữ đoàn 1 Kỳ binh 20 gallons xăng mỗi ngày cho một xe, đạn pháo binh chỉ được bắn 5 quả mỗi ngày cho một khẩu và ngưng tiếp tế lương khô cho Lữ đoàn. (Hà Mai Việt, Thép và Máu, Thiết giáp trong chiến tranh, Texas: 2005, tr. 103.) Cuối năm 1972, Hoa Kỳ rút hết quân khỏi Việt Nam.

Về Không quân, ban đầu Hoa Kỳ chỉ cung cấp các chiến đấu cơ loại cánh quạt cho Không quân VNCH. Trong năm 1965, khi mở màn tấn công Bắc Việt, các phi công VNCH lái các loại máy bay AD5 (2 chỗ ngồi) và AD6 (một chỗ ngồi) tức khu trục cơ cánh quạt Skyraider (Thiên kích), bay xa nhất đến Hà Tĩnh lại phải quay về liền. Sau năm 1965, Không quân VNCH không còn bay ra Bắc nữa. Khi cung cấp phân lực cơ chiến đấu cho Không quân VNCH, Hoa Kỳ chỉ cung cấp loại phân lực F-5 và A-37, chứa nhiên liệu ít, nên không ở lâu trên không trung và không bay xa được để khỏi tấn công đất Bắc.

Theo hồi ký của đại tướng Cao Văn Viên, nguyên tổng tham mưu trưởng quân lực VNCH, thì vào năm 1966, ông đưa ra một chiến lược 7 điểm, trong đó điểm thứ 6 là đổ bộ lên Vinh (tỉnh Nghệ An) hay Hà Tĩnh (tỉnh Quảng Bình), tuy nhiên kế hoạch này không được thi hành. (Cao Văn Viên,

Những ngày cuối của Việt Nam Cộng hòa, tr. 288.)

Cũng trong năm 1966, nhận thấy quân Bắc Việt qua vùng phi quân sự, xâm nhập tỉnh Quảng Trị, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại VN, tướng William Westmoreland đề nghị với bộ Quốc phòng Hoa Kỳ dùng lực lượng quốc tế lập phòng tuyến KANZUS, chặn ngang qua khu phi quân sự, chống sự xâm nhập và bảo vệ miền Nam VN. KANZUS viết tắt của các chữ Korea, Australia, New Zealand và United States. Đại sứ các nước này tại Sài Gòn đều chấp thuận kế hoạch KANZUS, nhưng kế hoạch KANZUS bị Washington DC bác bỏ. (William C. Westmoreland, A Soldier Reports, New York: Da Capo Press, 1989, tr. 197.) Westmoreland không giải thích vì sao chính phủ Hoa Kỳ từ chối. Phải chăng Hoa Kỳ không muốn gây sự hiểu lầm về sự hiện diện của một lực lượng đa quốc tại vùng phi quân sự.

Rõ ràng vì chủ trương “chiến tranh giới hạn”, Hoa Kỳ không chấp nhận tất cả những kế hoạch tấn công Bắc Việt bằng bộ binh như ở Triều Tiên. Nếu không tấn công hậu cứ CSVN ở Bắc Việt Nam để CSVN lui về thế thủ, chấm dứt tiếp liệu cho CS miền Nam, thì không có cách gì có thể chặn đứng nạn khủng bố, nạn du kích ở miền Nam và cũng không thể chặn đứng nguồn tiếp liệu của CSVN, để CSVN có thể mở những trận đánh lớn trên khắp miền Nam Việt Nam. Các tướng lãnh cầm quân Hoa Kỳ, dù thay đổi chiến thuật, chiến lược, dù được tăng cường tối đa và được trang bị tối tân, có thể thắng chiến tranh quy ước, nhưng cũng không thể chặn đứng thủ đoạn khủng bố và chiến tranh du kích của CSVN.

Một ví dụ cụ thể là sau biến cố ngày 11-9-2001 (Tòa Tháp đôi ở New York bị đánh sập, chết 3,000 người), chính phủ Hoa Kỳ với phương tiện lớn lao, hùng hậu, với sự tiếp tay của nhiều nước trên thế giới, mở chiến dịch truy lùng khủng bố ở Hoa Kỳ và khắp toàn cầu, tấn công hậu cứ của khủng bố ở Trung đông, Pakistan, Afghanistan, mà cuối cùng cũng chẳng diệt hết được khủng bố.

Với kinh nghiệm về việc truy diệt khủng bố rất khó khăn sau biến cố 11-9-2001, ngày nay chúng ta mới dễ hiểu được trước năm 1975, Hoa Kỳ và VNCH chỉ hành quân bên trong lãnh thổ Nam Việt Nam, thì làm thế nào có thể tiêu diệt được khủng bố và du kích CS ở miền Nam Việt Nam mà cái đầu vốn ở miền Bắc Việt Nam? Loại khủng bố và du kích này còn được sự tiếp tay của toàn khối CS trên thế giới.

Vì chủ trương chiến tranh giới hạn, Hoa Kỳ không thành công về quân sự tại VN, lại bị phong trào phản chiến trong nước chống đối mạnh mẽ, nên Hoa Kỳ tìm cách ra khỏi chiến tranh Việt Nam và cứu tù binh Hoa Kỳ về nước. Đặc tính nổi bật của nền ngoại giao Hoa Kỳ là rất thực tế và linh hoạt, sẵn sàng thay đổi hay điều chỉnh chính sách để phù hợp với tình hình và quyền lợi của người Hoa Kỳ. Vì vậy, Hoa Kỳ chuyển qua thế cờ mới trong chiến tranh lạnh toàn cầu.

4- THẾ CỜ MỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Trong chiến tranh Triều Tiên từ năm 1951, hai bên Hoa Kỳ và Trung Quốc trực tiếp đánh nhau. Liên Xô đứng ngoài, bảo toàn lực lượng, quan sát hai địch thủ lâm chiến tiêu diệt nhau. Lần này, ở Việt Nam, Hoa Kỳ chủ trương “chiến tranh giới hạn”, không tấn công Bắc Việt Nam bằng bộ binh, không tiến đến biên giới Việt-Trung, không thách thức và không trực tiếp đụng độ với Trung Quốc.

Về phía Trung Quốc, ngoài nguồn viện trợ cho Bắc Việt Nam, Trung Quốc chỉ giới hạn qua bảo vệ phía Bắc Việt Nam, chứ không tham gia chiến đấu ở miền Nam. Quân Trung Quốc không đụng độ trực tiếp với quân Hoa Kỳ tại Việt Nam. Vì vậy, về chính trị, lần này hai bên Hoa Kỳ và Trung Quốc chẳng trực tiếp thù oán nhau. Hai bên có thể nói chuyện với nhau khi có cơ hội thuận tiện, nhất là từ khi Stalin qua đời năm 1953, những tranh chấp giữa Trung Quốc và Liên Xô càng ngày càng trở nên căng thẳng.

Về địa lý chính trị đối với Trung Quốc, Liên Xô có bom nguyên tử (năm 1949) như Hoa Kỳ, nhưng nguy hiểm hơn Hoa Kỳ vì Liên Xô ở sát biên giới Trung Quốc, và bao vây Trung Quốc dọc theo biên giới dài giữa hai bên. Quân đội Liên Xô có thể tràn qua biên giới Trung Quốc bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào. Thực tế Trung Quốc và Liên Xô đã đánh nhau trên vùng sông biên giới Ussouri năm 1969. Còn Hoa Kỳ ở xa, bên kia bờ biển Thái Bình, muốn đổ bộ vào Trung Quốc cũng khó khăn.

Về phía Hoa Kỳ, từ thập niên 60, những nhà nghiên cứu chiến lược Hoa Kỳ cho rằng: “Bắc Việt không thể tàn phá Hoa Kỳ trong vòng nửa giờ, hoặc tiêu hủy các thành phố, giết một nửa dân số, nhưng với hỏa tiễn nguyên tử, Liên Xô có thể làm được việc đó. Trung Quốc tuy chưa ngang tầm của Liên Xô vì ít khí nguyên tử, nhưng lại đe dọa phần còn lại của Á châu vì ý hệ chính trị cứng rắn và vì dân số đông đảo của họ.” (Roger

Warner, Shooting at the Moon, Steerforth Press, South Royalton, Vermont, 1996, tr. 333-334). Vì vậy, Hoa Kỳ bắt đầu chuyển hướng, mở những cuộc vận động ngoại giao thẳng với Trung Quốc.

Sau nhiều cuộc thăm dò và đàm phán bí mật, cả Hoa Kỳ lẫn Trung Quốc đều tỏ thiện chí nhằm xích lại gần nhau. Tháng 12-1969, Trung Quốc trả tự do cho hai người Mỹ bị bắt vì vi phạm hải phận Trung Quốc trên một du thuyền. Ngày 20-1-1970, Lei Yang [Lôi Dương], một nhà thương thuyết Trung Quốc báo cho Walter Thuessel, đại sứ Hoa Kỳ tại Warsaw (Ba Lan), biết rằng Trung Quốc sẵn sàng chấp nhận đề nghị của Hoa Kỳ gọi một nhà ngoại giao đến Bắc Kinh để bàn luận về những vấn đề liên hệ song phương. Ngày 10-7-1970, Trung Quốc thả giám mục Ky-tô giáo La Mã, James Walsh, người Hoa Kỳ, thuộc dòng Maryknoll (Hoa Kỳ). Ông bị bắt năm 1958 và bị kêu án 20 năm cấm cố từ năm 1960. (Qiang Zhai, China & Vietnam Wars, 1950-1975, The University of North Carolina Press, 2000, tr. 182.)

Trong cuộc phỏng vấn trên tạp chí Time ngày 5-10-1970, tổng thống Nixon tuyên bố: “Nếu có điều gì tôi muốn thực hiện trước khi từ trần, thì đó là đi thăm Trung Quốc.” Mao Trạch Đông đáp ứng ngay. Qua cuộc phỏng vấn của Edgar Snow ngày 18-12-1970, Mao Trạch Đông hoan nghênh việc Nixon thăm Trung Quốc dù với tư cách là một tổng thống hay một du khách.

Ngày 14-4-1971, tại Đại sảnh đường Nhân dân Bắc Kinh, thủ tướng Trung Quốc là Chu Ân Lai tiếp đãi và nói chuyện thân mật với đoàn bóng bàn Hoa Kỳ sang đấu giao hữu với đoàn bóng bàn TQ theo lời mời của Tổng cục Bóng bàn nước này.

Ngày 9-7-1971, trong một chuyến công du Pakistan, cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ là Henry Kissinger bí mật đến Bắc Kinh và được Chu Ân Lai tiếp kiến. Ngoài những vấn đề song phương và thế giới, Kissinger còn thảo luận với Chu Ân Lai về vấn đề Việt Nam và cho Chu Ân Lai biết: “Nhân danh tổng thống Nixon, tôi xin thông báo với Thủ tướng một cách trịnh trọng nhất rằng trước hết, chúng tôi sửa soạn rút quân hoàn toàn ra khỏi Đông Dương và ấn định ngày giờ rút quân, nếu có một cuộc ngưng bắn và phóng thích tù binh của chúng tôi. Thứ đến, chúng tôi sẽ để cho giải pháp chính trị của Nam Việt Nam tự diễn biến và phó mặc cho một mình người Việt.” (Nguyễn Tiến Hưng, Tâm tư tổng thống Thiệu, California: Cơ sở

Hứa Chấn Minh, 2010, tr. 617.) Trong cuộc họp hôm sau (10-7-1971), Kissinger nói thêm: “Điều chúng tôi yêu cầu là một khoảng thời gian chuyển tiếp giữa sự rút quân và diễn biến chính trị. Không phải là để chúng tôi có thể trở vào lại [Việt Nam], nhưng chúng tôi có thể để cho dân tộc Việt Nam và dân tộc các nơi khác ở Đông Dương tự quyết định lấy số phận của họ... Hôm qua, tôi đã thưa với Thủ tướng, và tôi muốn nhắc lại rằng, nếu sau khi quân đội Mỹ rút lui hoàn toàn, mà các dân tộc Đông Dương thay đổi chính quyền của họ, Hoa Kỳ sẽ không can thiệp.” (Nguyễn Tiến Hưng, sđd. tr. 624.)

Lót đường cho cuộc bang giao với Trung Quốc, Hoa Kỳ bỏ rơi Đài Loan, không phủ quyết cuộc bỏ phiếu của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ngày 25-10-1971 theo đó CHNDTH được giữ ghế đại biểu Trung Quốc thay Đài Loan. Sau đó, tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon viếng thăm CHNDTH một tuần bắt đầu từ ngày 21-2-1972 mà ông Nixon cho rằng đây là “một tuần lễ sẽ làm thay đổi thế giới”. Trong cuộc họp đầu tiên với Chu Ân Lai ngày hôm sau 22-2-1972, tổng thống Nixon đề cập ngay đến vấn đề Việt Nam: “Nếu tôi ngồi vào bàn với bất cứ nhà lãnh đạo nào của Bắc Việt Nam, và cùng nhau bàn bạc về việc đình chiến và nhận lại tù binh của chúng tôi, tất cả người Hoa Kỳ sẽ được rút ra khỏi Việt Nam trong sáu tháng kể từ ngày đó... Chúng tôi đã đề nghị rút hết người Hoa Kỳ, mà không để cái “đuôi” đằng sau – như cách nói của Thủ tướng – và ngưng bắn trên toàn Đông Dương, miễn là chúng tôi lấy lại được tù binh. Sau đó, chúng tôi sẽ để cho dân chúng ở đó tự quyết định.” (Nguyễn Tiến Hưng, sđd. tr. 627.)

Thế là xong, số phận Việt Nam lại do Hoa Kỳ và Trung Quốc quyết định và trao đổi với nhau. Dĩ nhiên hai nước này quyết định theo quyền lợi của nước họ và bất cần quyền lợi của các đồng minh. Những diễn tiến sau đó thì mọi người đều biết. Hoa Kỳ ngưng cung cấp đạn dược, nhiên liệu cho quân đội VNCH. Thế là VNCH hết phương tiện chiến đấu, phải buông súng.

5- PHE NÀO THẮNG NHÂN DÂN ĐỀU THẤT BẠI

Trong cuộc chiến vừa qua ở Việt Nam, nếu nhìn cục bộ và ngắn hạn vấn đề Việt Nam, thì rõ ràng Bắc Việt Nam tức VNDCCH hay CSVN thắng lớn; Nam Việt Nam tức VNCH thất bại hoàn toàn và Hoa Kỳ kể như thua vì không thành công trong việc giúp VNCH chống CSVN ở miền Nam Việt

Nam. Tuy nhiên, nếu nhìn toàn diện cuộc chiến từ năm 1945 cho đến năm 1975 và đặt cuộc chiến Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới cho đến ngày nay, thì lẽ thắng thua có phần khác.

Trước hết, để đi đến chiến thắng, CSVN phải cầu viện Liên Xô và Trung Quốc về mọi mặt. Vay thì phải trả. Không có gì để trả, CSVN lấy tài sản, đất đai tổ tiên để trả nợ. Đây là tội phản quốc không thể tha thứ, nặng nề hơn và tệ hại hơn bất cứ tội phản quốc nào đã qua trong lịch sử Việt Nam. Chiến thắng rồi rước tên ăn cướp vào phá nhà, để nó cướp mất đất của tổ tiên thì có phải là chiến thắng không?

Trung Quốc vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu sau khi nội chiến Quốc Cộng chấm dứt năm 1949. Do chiến tranh Việt Nam, khi ngồi vào bàn hội nghị Genève năm 1954, Trung Quốc nghiêm nhiên trở thành ngang hàng với các cường quốc Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Liên Xô. Vào đầu hội nghị Genève 1954, ngoại trưởng Hoa Kỳ John Foster Dulles không thèm bắt tay xã giao với Chu Ân Lai, thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trung Quốc. (Henry Kissinger, White House Years, Toronto: Little, Brown and Company, 1979, p. 1054.) Thế mà gần 20 năm sau, do chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ bắt tay với Trung Quốc và mở cửa cho Trung Quốc vào Liên Hiệp Quốc giữ ghế đại diện tại LHQ, thay thế Đài Loan năm 1971. Trong cuộc gặp gỡ năm 1972, tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon đã tặng cho Trung Quốc một món quà lớn: Hai bên ký bản thông cáo chung Thượng Hải ngày 28-2-1972, theo đó, Hoa Kỳ xác nhận trong điều thứ 12 của thông cáo chung, rằng chỉ có một nước Trung Quốc, và Đài Loan là một phần lãnh thổ của Trung Quốc.

Chẳng những hưởng lợi về ngoại giao và lãnh thổ, Trung Quốc còn nghiêm nhiên trở thành chủ nợ của CSVN và xem CSVN như là chư hầu, buộc CSVN chạy theo chính sách của Trung Quốc, ép Việt Nam phải ký hiệp ước nhượng ái Nam Quan (1999) và nhượng 10,000 Km2 mặt biển vịnh Bắc Việt (2000).

Cộng sản VN khoe rằng “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Hoa Kỳ không chiến thắng ở miền Nam Việt Nam, được kể là thua trận. Hoa Kỳ mất 58,000 quân ở Việt Nam, nhưng khi quay lưng rời khỏi Việt Nam, Hoa Kỳ chẳng mất một tấc đất nào của Hoa Kỳ, mà cũng chẳng một tấc đất nào của Hoa Kỳ bị bom đạn quấy rầy. Chính sách của Hoa Kỳ từ trước đến nay là phòng thủ từ xa.

Mục đích ban đầu của Hoa Kỳ là đến Việt Nam để ngăn chặn làn sóng CS, nhất là Trung Quốc, phòng thủ từ xa chống lại sự thâm nhập của CS vào Hoa Kỳ. Do chiến tranh Việt Nam, các nước Đông Nam Á có thời giờ xây dựng và củng cố vòng đai phòng tuyến chống cộng, từ Thái Lan, Mã Lai đến Phi Luật Tân, Indonesia. Cũng từ chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ bắt tay với Trung Quốc, tách Trung Quốc ra khỏi liên minh với Liên Xô. Như thế Hoa Kỳ cũng đã đạt được mục tiêu ban đầu đã đề ra. Sau năm 1975, CSVN trải thảm đỏ rước Hoa Kỳ trở lại VN. Rõ ràng Hoa Kỳ không "cút", mà còn mạnh hơn trước.

Việt Nam Cộng Hòa hoàn toàn thất bại, bị CS gọi là "ngụy". Quân đội VNCH đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ nền dân chủ tự do son trẻ của miền Nam Việt Nam. Sau thời kỳ quân chủ và thực dân đô hộ Việt Nam, sự hiện diện chuyển tiếp trong 21 năm của QGVN rồi VNCH ở miền Nam Việt Nam, tuy ngắn ngủi nhưng là bước mở đầu cho con đường dân chủ hóa Việt Nam. Chính thể VNCH đã gieo mầm tự do, dân chủ, dân quyền, nhân quyền cho người Việt Nam. Ngược lại, trong chừng đó năm ở Bắc Việt Nam và cả cho đến bây giờ, người dân dưới chế độ CS chưa bao giờ được nghe nhắc đến "Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền" ngày 10-12-1948 của LHQ, chứ đừng nói gì chuyện thực thi dân quyền và nhân quyền. Sau năm 1975, người miền Bắc dưới chế độ CSVN bỏ nón cối, bỏ dép râu, bỏ đai cán và ăn bận theo người miền Nam. Dân chúng Việt Nam hiện nay đang ước mong bài học dân chủ VNCH trở lại. Còn nhà nước CSVN thì kêu gọi "khúc ruột ngàn dặm" quay về giúp nước. Như thế sao có thể gọi VNCH là "ngụy"? Có thể nói VNCH không "ngụy" không "nhào" mà vẫn hiện diện ở Việt Nam.

Người xưa viết: "Nhất tướng công thành vạn cốt khô" (Một viên tướng thành công có hàng vạn người chết.) Ngày nay, nhà thơ Nguyễn Duy diễn đạt một cách khác nhưng không kém phần bi đát: "Xin tạc vào đá này lời chúc hòa bình/ Nghĩ cho cùng mọi cuộc chiến tranh / Phe nào thắng nhân dân đều thất bại..." (Nguyễn Duy, "Đá ơi", Cambodia 28-8-1989.) Vâng, do CSVN gây chiến, hơn ba triệu người Việt Nam đã nằm xuống và dân tộc Việt Nam đau đớn mất đi một phần đất đai của tổ tiên vào tay Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Từ sau thế chiến thứ hai, khi đảng CS cướp được chính quyền ở Việt

Nam, Việt Nam nằm giữa hai thế lực tư bản và CS, và bị các cường quốc áp đặt những quyết định theo quyền lợi của họ.

Khi can thiệp vào Việt Nam nhằm phòng thủ và ngăn chặn CS từ xa, Hoa Kỳ chủ trương chiến tranh giới hạn, không tấn công Bắc Việt để chặn đứng nguồn tiếp liệu của hùng bố và du kích phát xuất từ Bắc Việt Nam. Vì vậy, CS ở miền Nam Việt Nam được Bắc Việt Nam với sự tiếp tay của CSQT, nuôi dưỡng, tiếp liệu, đã hoạt động liên tục, không nghỉ ngơi, thắng thua gì cũng cứ tiếp tục chiến đấu theo lệnh của đảng Lao Động, hết keo này bày keo khác trên toàn quốc. Hoa Kỳ chẳng những không thành công trong việc giúp VNCH chiến thắng CS ở miền Nam VN, mà càng ngày Hoa Kỳ càng sa lầy trong chiến tranh VN. Hoa Kỳ liền thay đổi sách lược, bắt tay với Trung Quốc, rút quân khỏi VN, bỏ rơi VNCH, theo một đường lối khác trong khi tiếp tục chống khối CS trong chiến tranh lạnh.

Sự chuyển hướng của Hoa Kỳ cho thấy rõ, trong chiến tranh lạnh giữa hai khối tư bản và cộng sản, chiến tranh Việt Nam không phải chỉ được quyết định trên chiến trường Việt Nam hay quyết định tại Sài Gòn và Hà Nội, mà chiến tranh Việt Nam còn là kết quả của những trao đổi giữa Washington DC, Moscow, Bắc Kinh, và cả Paris, London... Cần chú ý rằng không riêng gì Việt Nam, mà trên thế giới, ở Trung Đông, ở Trung và Đông Âu, ở Đông Nam Á, ở Phi Châu, ở Nam Mỹ, từ giữa thế kỷ 19, các cường quốc đều lạm quyền đối với các nước nhược tiểu, xem các nước nhược tiểu như những món hàng tồn kho, chia chác với nhau trên lưng các nước nhược tiểu.

Đặt chiến tranh Việt Nam trong toàn cảnh chính trị thế giới, trong chiến tranh lạnh toàn cầu, rõ ràng kết quả cuối cùng chỉ có lợi cho ngoại bang. Hai bên thắng thua đều bị chi phối bởi các thế lực quốc tế. Bên thắng trận chẳng có gì để hãnh diện trong vai trò con cờ của CSQT. Bên thất trận được đánh giá là chế độ tốt hơn bên thắng trận (John McCain tuyên bố tại Sài Gòn năm 2000), vì nền cai trị dựa trên nguyên tắc tự do dân chủ, là lý tưởng bất biến của dân tộc, của nhân loại. Do hoàn cảnh quốc tế, lý tưởng tự do dân chủ ở Việt Nam phải tạm thời lép vế trước bạo lực, nhưng chần chẫn tương lai đất nước sẽ tiến về phía lý tưởng tự do dân chủ, như hoa hướng dương luôn luôn quay về ánh mặt trời.



Biểu tình chống Trung cộng tại Sài Gòn 01-07-12

Hưởng ứng lời kêu gọi biểu tình chống Trung cộng, khoảng 8g sáng nay rất nhiều người dân Sài Gòn đã tập trung ở công viên 30/4, gần Nhà thờ Đức Bà và khoảng 9g đoàn biểu tình đã diễu hành đến đường Hai Bà Trưng, nơi đặt trụ sở của Lãnh sự quán Trung cộng.

Theo ghi nhận của những người quan sát, có khoảng 500 công an VN mặc sắc phục chốt chặn ở tất cả các góc đường từ công viên này đến Lãnh sự quán TC. Rất nhiều bạn trẻ có mặt tại công viên, cho dù có tham gia biểu tình hay không, đều bị đám người mặc sắc phục thanh tra xây dựng hay quản lý đô thị dồn và cưỡng ép lên xe đưa về trụ sở CA phường Cầu Kho, quận 1. Đám người này bất chấp quyền hạn và chức năng của mình (không có quyền bắt giữ người) đã tiếp tay cho CA, cũng là tiếp tay cho TC. Một bạn trẻ nổi tiếng là Huỳnh Thục Vy hiện đang có mặt tại Sài Gòn đã bị bắt đưa về đồn cùng với bạn trai của cô là anh Duy và người em trai của Vy.

Trước đó, ngay từ sáng sớm, chị Bùi Thị Minh Hằng và anh Nguyễn Chí Đức, người bị CA đập vào mặt ngày 17-7-2011 khi tham gia biểu tình chống TC tại Hà Nội, đang đi trên taxi thì đã bị an ninh chìm chặn xe lại. Các an ninh này đã buộc chị Hằng trở về Vũng Tàu đang khi chị còn để máy tính và quần áo ở khách sạn G, phường 4, quận 4. Công an sau đó đã đến yêu cầu chủ khách sạn cho họ lên phòng lục lọi và lấy hết đồ đạc của chị. Còn anh Chí Đức chúng tôi chưa có tin tức gì.

Một nhóm 6 bạn trẻ sau khi biểu tình ôn hòa đã lên taxi để về nhà. Nhưng an ninh đã yêu cầu CSGT chặn taxi lại và bắt tài xế đưa nhóm này về trụ sở CA phường Cầu Kho. Các bạn trẻ đã phản đối trò vô luật của CSGT, vì họ chỉ có quyền dừng xe chứ không có quyền bắt người, và tất cả đã bỏ taxi để đi xe buýt. Có khoảng 7-8 an ninh bám theo họ lên xe buýt. Lúc 10g45, 6 bạn trẻ này đã bị chặn xe ở khu vực gần cầu Bình Triệu và tất cả đã bị đưa về UBND phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Trong số đó có blogger An Đỗ Nguyễn, các facebooker Hành Nhân, Gió Lang Thang, Thăng Bé Lang Thang... Các bạn này mong luật sư có mặt để hỗ trợ pháp lý cho họ. Rõ ràng là thói lộng hành của nhà cầm quyền CS và của đám công an tay sai mù quáng.

Nhiều nơi trong Sài Gòn bắt đầu xuất hiện truyền đơn "VÌ DANH DỰ ĐẤT NƯỚC CHỐNG GIẶC TÀU VÌ TƯƠNG LAI ĐẤT NƯỚC CHỐNG THAM NHŨNG".

Theo VRNs 01.07.2012

BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG

Phạm Trần 25-06-2012

Mỗi năm vào dịp kỷ niệm ngày được gọi là “Báo chí Cách mạng Việt Nam”, cán bộ ngành Tuyên giáo từ trung ương xuống địa phương lại có dịp trở tài khoe khoang thành tích làng báo, nhưng vẫn không quên lên giọng “giáo khoa thư” rao giảng luân lý đạo đức nghề nghiệp, bạo miệng cảnh giác “các thể lực thù địch, diễn biến hòa bình”, nhưng lại quên mất kẻ nội thù đứng trước mặt.

Năm 2012, kỷ niệm 87 năm ngày này (21-6-1925–21-6-2012) cũng vẫn bản cũ sao lại, nhưng có nhiều biến cố xảy ra trong đảng và xã hội đã “xô ngã” nhiều “tượng đài thành công” đến ngưỡng mặt của làng báo Việt Nam.

Trước tiên, hãy đọc lời chích nhe của Lê Đoan Hợp, nguyên Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông : *“Trong những năm qua, báo chí nước ta tăng nhanh về số lượng, chất lượng và hình thức, nội dung đa dạng và phong phú hơn. Xét ở khía cạnh thông tin, báo chí làm được nhiều việc, nhưng chức năng giáo dục, phản biện, thậm chí vươn lên làm giám định thì chưa tốt... Báo chí ta hiện thiên về khen, nặng viết về hội nghị, hội thảo. Báo góp ý phê bình với tính chất phản biện để xây dựng thì ít, chưa đủ tầm, đủ lực và sức thuyết phục chưa cao.*

Những vấn đề nóng của xã hội báo chí chưa khoan đến đáy, chưa xoáy đến gốc, chưa chọc sâu đến tận cùng. Tôi thấy chúng ta còn thiếu những bài báo có tính chiến đấu cao, dám lấn xả vào cuộc sống.” (VietnamNet, 21-06-012)

Cái tên “Báo cách mạng” do đảng CSVN tự “may áo” mặc cho báo chí của đảng từ Tháng 6-1985 để đánh dấu chuyện ra đời của báo Thanh niên do Hồ Chí Minh chủ trương ngày 21-6-1925.

Nhưng từ đó đến nay, làng báo của đảng đã “cách mạng” được bản thân đến đâu thì chỉ có lịch sử sau

này mới “giải mã” được xem có thật những “nhá báo” Cộng sản Việt Nam đã xứng đáng được gọi là những người “chiến sỹ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa” như đảng tuyên truyền hay không?

Nhưng chính người Cộng sản đã khoe nhìn nhận làng báo này là *“Tiếng nói của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, là diễn đàn tin cậy của nhân dân. Báo chí tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân.”* (Lê Nguyễn, báo điện tử đảng CSVN, 21-06-012).

Luật Báo chí sửa đổi năm 1999 cũng viết Báo chí có nhiệm vụ *“tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hoá lành mạnh của nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.”*

Nói một cách nôm na: Báo chí là cái loa của đảng và nhà nước.

Nhưng có thật cái làng của những người làm báo phải, trước nhất *“tuyệt đối trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”* như đã viết trong 9 Điều Qui định về đạo đức người làm báo đã xứng đáng được nhân dân tin cậy chưa, hoặc đã làm tròn nhiệm vụ *“phản ánh nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp nhân dân”*, hay chỉ biết viết theo lệnh đảng, dù trái với sự thật, lương tâm và lòng dân ?

Bởi vì nếu những người làm báo Cộng sản Việt Nam đã làm đúng phương châm chỉ đạo của nhà báo kỳ cựu Hữu Thọ, nguyên Trưởng ban Tư tưởng-Văn hoá Trung ương rằng họ phải có *“mắt sáng, lòng trong, bút sắc”* thì làm gì có những nhà báo “có mắt” mà không nhìn thấy 11 cuộc xuống đường biểu tình của hàng trăm người dân từ Sài Gòn ra Hà Nội năm 2011 phản đối Tàu âm mưu xâm lấn biển đảo và lãnh thổ Việt Nam ?

Đạo ấy, có báo còn viết những người biểu tình chỉ “đi ngang qua” tòa Tổng Lãnh sự Trung Quốc ở Thành phố Hồ Chí Minh như đi chơi rồi tự giải tán, trong khi thật sự là họ đã cầm phân mang theo biểu ngữ, bích chương, gào thét lên án Trung Quốc mà không có báo nào dám viết bài, đăng hình !

Trong khi ấy thì cả thế giới được đọc tường thuật từng giây phút diễn hành của đoàn người biểu tình và nhìn tận mắt hình ảnh, xem video công an đàn áp dã man người dân yêu nước biểu tình bảo vệ Tổ quốc, nhưng người dân Việt Nam lại không hay biết gì vì báo, đài của đảng được lệnh cúi mặt làm ngơ và ngậm miệng !

Họ sợ đảng vì đảng sợ Tàu, hay nếu nói đến Tàu là đụng đến vấn đề “nhạy cảm” làm phương hại đến mối giao hảo giữa hai nước của tinh thần “16 chữ vàng” và tinh thần “4 tốt” ? (“láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt.)

Đây cũng là bằng chứng tại sao cả làng báo “cách mạng Việt Nam” đã không dám hé răng khi báo chí Trung Cộng dám chửi thẳng vào mặt lãnh đạo và nhân dân Việt Nam “vô ơn, bạc nghĩa và phản bội”, khi họ kêu gọi quân đội Tàu tấn công chiếm hết các vùng lãnh thổ bao gồm các vùng biển đảo của Việt Nam trên Biển Đông mà họ nói của họ.

Thế mà, trong bài viết “lên lớp” của mình trên báo đảng hôm 21-06 (2012), Lê Nguyễn đã thuyết minh đồng dạng rằng: *“Để thực hiện tốt chức năng của mình, báo chí cần*

đưa thông tin nhanh, kịp thời nhưng điều quan trọng là thông tin được đưa ra phải chính xác. Khi đưa tin cần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng và chỉ công bố thông tin khi đã xác minh đúng sự thật. Làm báo không được phép hời hợt, đơn điệu, một chiều.

Các phóng viên hiện nay muốn làm báo tốt phải xông xáo, chịu khó rèn luyện "bút lực", dấn thân, tìm tòi, học hỏi đồng nghiệp... và điều quan trọng là phải thật sự tâm huyết với nghề, say mê nghề. Khi đã yêu nghề là thường gắn với sáng tạo và chấp nhận dấn thân, mạo hiểm... Hơn thế, sự cẩn trọng và kiến thức của mỗi nhà báo là vô cùng quan trọng. Chính những điều đó không cho phép họ để sai sót vì sự tín nhiệm của bạn đọc đối với phóng viên và tờ báo."

Quá hay và rất chính xác, nhưng hỏi có các cuộc biểu tình chống Tàu thì Lê Nguyễn ở đâu mà không thấy "dấn thân" như những em bé, cụ ông, lão bà và nhiều thanh niên, thiếu nữ khác trên một số đường phố Sài Gòn và quanh tượng đài Lý Thái Tổ gần bờ hồ Gươm Hà Nội ?

Từ Văn Giang đến Vụ Bản

Chưa hết, trước "tiếng hót" của Lê Nguyễn, độc giả ở Việt Nam còn được nghe Thiện Văn hát ca trong bài "Tự do báo chí ở Việt Nam-thực tiễn sinh động" trong báo Quân đội Nhân dân ngày 25-04-2012 như sau:

"Trong hoạt động thực tiễn, chưa bao giờ báo chí được phát huy quyền dân chủ, hoạt động cởi mở, thông thoáng như những năm qua. Là người gắn bó lâu năm với hoạt động báo chí, ông Hà Minh Huệ, Phó Chủ tịch thường trực Hội Nhà báo Việt Nam cho biết: Bên cạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, báo chí luôn phát huy quyền dân chủ rộng rãi, chủ động tham gia phản biện xã hội, đóng góp tích cực vào việc hoạch định đường lối của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Chính phủ và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi quốc nạn tham nhũng và các tệ nạn, tiêu cực xã hội. Báo chí thực sự là diễn đàn để phát huy quyền làm chủ, quyền tự

do ngôn luận của người dân, là một kênh thông tin quan trọng phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Báo chí Việt Nam không có "vùng cấm", mà luôn phản ánh trung thực, toàn diện mọi mặt đời sống xã hội, cả những mặt tích cực và tiêu cực, cả tình hình trong nước và quốc tế..."

Bài viết này xuất hiện chỉ một ngày sau vụ nông dân Văn Giang tỉnh Hưng Yên bị cả ngàn công an, dân phòng và băng đảng "xã hội đen" được thuê mướn đến đàn áp cưỡng chế đất cho dự án đô thị Ecopark ngày 24-04 (2012). Trong vụ này, những hình ảnh, video công an bắn đạn cay, đạn khói vào dân và đi lòng dân đánh đập tàn bạo gây thương tích cho một số người trong số có 2 phóng viên đài Tiếng Nói Việt Nam, Nguyễn Ngọc Năm và Hán Phi Long đã được truyền đi khắp thế giới.

Thế mà rất ít có báo tường thuật, đăng hình. Thảng hoặc đó đây xuất hiện ít bài rồi được lệnh gỡ xuống hay được lệnh phải im tiếng luôn, không được "tò mò" thêm chuyện của hai phóng viên bị đánh !

Như vậy thì báo chí đã được "hoạt động cởi mở, thông thoáng" ở chỗ nào trong xã hội có nhiều miệng lưỡi của những kẻ có chức, có quyền đã nói ngang nói ngược trước những sự thật hiển nhiên ?

Sau Văn Giang đến lượt nông dân ở Vụ Bản tỉnh Nam Định bị đàn áp cưỡng chế đất ngày 09-05 (2012) đã man không kém Văn Giang mà chẳng thấy báo, đài trong nước nói năng gì, dù đầy đủ hình ảnh biểu tình, dựng lều, căng biểu ngữ đòi công bằng, chống cưỡng chế của nông dân đã được phóng lên Internet cho cả thế giới nhìn ?

Như vậy mà Hà Minh Huệ dám bảo là "Báo chí Việt Nam không có "vùng cấm" à ?

Phản động nước ngoài ?

Thậm chí, không cần trưng bằng cứ cho báo chí biết mà Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên Nguyễn Khắc Hòa còn báo cáo với Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng ngày 02-05 (2012) rằng :

"Những người lợi dụng dân chủ, móc nối với những phần tử tiêu cực, bất mãn, phản động trong nước và nước ngoài, cố tình chống phá chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi ngược lại lợi ích của nhân dân, kìm hãm sự phát triển, thì nhất định phải có biện pháp xử lý kiên quyết.

Trong vụ việc ở Văn Giang, có sự móc nối chặt chẽ với những phần tử chống đối ở nước ngoài. Các thông tin thậm chí còn được tường thuật tại chỗ, từng giờ, để tuyên truyền xuyên tạc, dàn dựng những video clip giả để vu khống, bôi nhọ chính quyền."

Kể cả Bộ trưởng Bộ Tài nguyên-Môi trường Nguyễn Minh Quang cũng "tát nước theo mưa" để nói với Báo chí tại hành lang Quốc hội ngày 14-06 (2012) về vụ Văn Giang : "Vừa rồi, việc thu hồi hơn 5ha liên quan đến 166 hộ, do các thế lực bên ngoài lợi dụng, kích động nên trở thành vấn đề chính trị chứ không phải sai phạm gì. Việc này thì tình cần làm thế nào để thông tin đầy đủ, chính xác đến người dân, cơ quan thông tin đại chúng về tình hình thực tế. Chúng ta phải nói cho khách quan, trách nhiệm Nhà nước đến đâu, người dân đến đâu, sai đâu phải sửa đó, vì phạm pháp luật thì phải xử. Chúng ta phải làm sao không để thế lực nào lợi dụng để làm to chuyện lên."

Nếu biết rõ "thế lực bên ngoài" và "những người lợi dụng dân chủ" đã cấu kết với nhau gây rối ở Văn Giang thì tại sao không công bố cho cả nước biết ?

Chuyện tày đình có liên hệ đến danh dự của tỉnh Hưng Yên và Nhà nước vẫn còn gây bất bình cho nhiều tầng lớp người dân trong nước mà lại để cho im thì kể cũng lạ.

Sự "thay gió, đổi chiều, xuống thang" của làng báo gọi là "cách mạng" trong việc thông tin các vụ người dân biểu tình khiếu kiện và cưỡng chế đất đai đã xảy ra sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Báo cáo đánh giá công tác Báo chí năm 2011 vào ngày 31-3-2012, trong đó đã cảnh cáo báo chí về sự tích cực quá đáng của họ trong vụ

cưỡng chế đất của gia đình ông Đoàn Văn Vươn ở Tiên Lãng, Hải Phòng ngày 05-01-2012.

Báo cáo viết : “Có bài báo, tờ báo thông tin sai sự thật, thiếu kiểm chứng, không khách quan, mang tính một chiều. Đơn cử, liên quan vụ cưỡng chế, thu hồi đất ở Tiên Lãng (Hải Phòng) mặc dù đã được Ban Tuyên giáo Trung ương và Bộ Thông tin và Truyền thông 4 lần nhắc nhở định hướng, nhưng có một số tờ báo vẫn thông tin dồn dập, quá liều lượng cần thiết, mất cân đối với những vấn đề quan trọng khác của đất nước. Đáng lưu ý, trong khi nhấn mạnh sai phạm của chính quyền ở Tiên Lãng, Hải Phòng, lại thông tin “nuơng nhẹ” về những vi phạm, sai phạm của ông Đoàn Văn Vươn theo kết luận của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng. Một số báo thông tin, bình luận có tính suy diễn, cho rằng, gốc của vấn đề, vụ việc là do sở hữu toàn dân về đất đai trong khi thực ra, nguyên nhân chủ yếu do nhận thức, thực hiện sai các quy định pháp luật đất đai về cho thuê đất, thu hồi đất, cưỡng chế đất cũng như do các quy định về quản lý đất đai thiếu đồng bộ, chồng chéo, phức tạp.”

Khi lên án báo chí như thế thì báo cáo lại không dám nói năng gì đến những hành động sai trái của các cấp lãnh đạo ở Tiên Lãng và Hải Phòng cũng như lực lượng quân đội và công an đã tham gia cưỡng chế gây phản nộ cho cả nước.

Như vậy thì nên coi ngày kỷ niệm 87 năm của “Báo chí Cách mạng Việt Nam” hôm 21 tháng 06 (2012) như là một thành tích đáng dựng bia đá tuyên dương hay lên án cho điều được gọi là tự do báo chí phản cách mạng ở Việt Nam ? -/-

Phạm Trần

Xin Đồng bào trong nước tiếp tục biểu tình hàng tuần chống Trung Cộng cướp nước và Việt cộng bán nước.

Ngày Báo chí Việt Nam

Gặp lại ký giả chống tham nhũng bị tạt acid hơn 20 năm trước

—Trà Mi (VOA) 22-06-2012—

Một nhà báo bị tạt acid khiến dung mạo bị dị dạng, thân thể bị hủy hoại 81%, mắt cả môi và mũi, một mắt bị mù và mắt chỉ nhìn được 1/10 sau khi ông có các bài viết chống tiêu cực, tệ nạn xã hội và phơi bày tham nhũng tại Việt Nam. Trong cuộc trao đổi với Trà Mi 21 năm sau khi tai họa xảy ra nhân ngày Báo chí Việt Nam 21-6 năm nay, nhà báo Trần Quang Thành hiện đang định cư tại Slovakia thuật lại câu chuyện của mình, và chia sẻ cảm nghĩ về những hậu quả cay đắng mà ngòi bút phơi bày sự thật đã mang lại cho ông và về những thử thách, hiểm nguy đối với một nhà báo chân chính ở Việt Nam.

Nhà báo Trần Quang Thành:

Năm 1986 mở đầu phong trào đổi mới ở đất nước Việt Nam, làm lành mạnh xã hội Việt Nam, tôi đã đấu tranh chống tham nhũng ngay trong cơ quan tôi làm việc là Viện nghiên cứu Phát thanh-Truyền hình. Viện mua thiết bị về lắp cho các đài phát thanh và truyền hình, thế nhưng ông Viện trưởng đã lạm dụng tiền của địa phương để đi làm việc khác hầu hưởng chênh lệch giá. Tôi đấu tranh, báo cáo lên những người lãnh đạo Việt Nam như Đỗ Mười và Phạm Hùng. Các ông ấy đã cho công an ra kiểm tra ở chợ trời Huỳnh Thúc Kháng ở Sài Gòn và đã bắt được tất cả những tang vật đó. Sau đó, tôi bị trả thù, tức là tôi bị mất việc làm và con tôi cũng mất việc làm luôn. Ra xã hội tôi tiếp tục đấu tranh. Năm 1989, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có chỉ thị tăng cường quản lý xã hội để trấn áp tội phạm, nhất là tội phạm buôn bán phụ nữ qua biên giới. Tôi có viết bài về đường dây buôn bán phụ nữ qua Malaysia, Campuchia, Trung Quốc từ Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nha Trang, vào tới Sài Gòn, Cần Thơ. Đây là một đường dây rất lớn đưa phụ nữ ra nước ngoài làm mại dâm. Tôi dựa vào sức mạnh của người dân. Người ta nói cho mình biết, chỉ cho mình những địa điểm nó lui tới bán phụ nữ, trẻ em. Tôi có tất cả những tài liệu trong tay, tôi viết bài đăng trên đài Tiếng nói Việt Nam về thực chất của đường dây đưa phụ nữ, trẻ em qua biên giới buôn bán. Khi bài đăng lên, cơ quan công an tới xin tôi tài liệu. Tôi không tin họ. Họ đề nghị với ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ lúc bấy giờ là ông Mai Chí Thọ. Các ông ấy yêu cầu tôi phải cung cấp tài liệu.

Thế là tôi bằng lòng và tôi cung cấp rất tỉ mỉ. Trong vòng 1 tuần lễ, họ đi phá án tất cả từ Nam ra Bắc. Kết quả cuối cùng đã chặn đứng được đường dây buôn bán đó. Lúc đó tôi đã bị xã hội đen đe dọa giết. Đó là tháng 10-1989. Tới năm 1990 có chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cấm buôn bán thuốc lá ngoại. Tôi lại có bài viết về đường dây buôn bán thuốc lá ngoại qua đường hàng không và đường bưu điện. Đường dây này vượng tới rất nhiều quan chức. Họ lại đến xin tôi tài liệu. Cuối cùng tôi lại phải cung cấp tư liệu. Chỉ hai ngày họ phá được án.

Trà Mi : Việc ông bị tạt acid xảy ra cách hai vụ án đó bao lâu?

Nhà báo Trần Quang Thành : Vụ án cuối cùng xảy ra ngày 1-10-1990. Đến ngày 4-7-1991 tôi bị tai họa này. Họ đã đe dọa trước đó rồi và tôi đã báo cho công an biết rồi.

Trà Mi : Ông nhận được những lời đe dọa thế nào?

Nhà báo Trần Quang Thành : Họ gọi qua điện thoại.

Trà Mi : Khi ông báo công an, họ có sự bảo vệ nào cụ thể không?

Nhà báo Trần Quang Thành : Họ nói bảo vệ nhưng không có. Đến cả vụ án họ còn lừa nữa mà. Khi tôi bị tạt acid, gia đình có làm đơn báo công an. Công an tới bảo tôi không được khai báo để báo chí đăng lên, vì nếu để báo chí đăng lên thì họ không thể bảo đảm tính mạng cho tôi. Họ nói rằng Sở Công an thành phố đã lập ban chuyên án do ông Vũ Đình Hoàn, Phó giám đốc Sở Công an làm trưởng ban và trên Bộ Công an có ban chuyên án do ông Phạm Tâm Long, Thứ trưởng thường vụ công an làm trưởng ban. Thế mà tôi đợi mãi cả một năm trời chả thấy rục rịch gì cả. Lúc tôi lặn lội một tí, tôi trực tiếp ra gặp ông Phạm Chuyên, Phó giám đốc công an phụ trách an ninh. Ông ấy thề với tôi là không hề có một thông báo nào về việc có một nhà báo bị tạt acid như tôi cả. Tức là anh Vũ Đình Hoàn, Phó giám đốc công an đã bịt đi rồi. Tôi hỏi ông đại tá Nguyễn Văn Tình, Phó giám đốc phụ trách xây dựng lực lượng. Ông ấy cũng nói như vậy. Ông bảo chỉ khi ông Đỗ Mười gửi bài báo viết về tôi xuống cho công an, công an mới biết tôi bị tai nạn.

Trà Mi : Bài báo viết về ông là do ai viết và nó xuất hiện khi nào?

Nhà báo Trần Quang Thành : Do một bạn đồng nghiệp bên thông tấn xã viết. Họ không dám nói về tôi, mà viết về mẹ tôi. Mẹ tôi là người chuyên giáo dục các cháu thiếu nhi hư hỏng nên người. Họ không dám viết thẳng về tôi, sợ nguy hiểm cho tôi. Họ viết về nỗi đau của người mẹ, nói lên sự đau đớn của mẹ tôi khi thấy tôi bị tai họa thế này. Ông Đỗ Mười đọc bài báo đó mới biết tôi bị tai nạn. Ông giao cho Bộ Lao động-Thương binh-Xã hội đến thăm tôi. Họ cho tôi 200 ngàn.

Trà Mi : *Sau khi hoàn tất phẫu thuật, ông có tiếp tục đi tìm công lý cho mình?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Có chứ. Tôi đã gặp cả ông Phạm Tâm Long. Ông ấy bảo vụ án của tôi nếu phát hiện nhanh thì chỉ 10 ngày sau tìm ra được thủ phạm. Ông Phó giám đốc công an Hà Nội cũng bảo thế, nhưng vụ án hoàn toàn bị bưng bít. Tôi nói công an bưng bít chứ còn ai nữa, thì ông ấy nhận. Họ có điều tra đâu. Nếu điều tra thì lộ ra số tiền hối lộ cho công an thì công an chết trước tiên. Báo chí lúc sau mới đăng lên, mọi người phản ứng, nhưng ngành công an lờ đi, không điều tra, không gì cả.

Trà Mi: *Bằng cách nào một nhà báo chỉ với một ngòi bút có thể có được những manh mối, thông tin mà chính lực lượng công an với đầy đủ nghiệp vụ cũng không có được, phải tìm tới để xin ông cung cấp?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Đây là do dân tin tôi. Họ biết tôi là một nhà báo trung thực. Vì cũng có những nhà báo nhận thông tin rồi đi bán lại thông tin để lấy tiền, cho vụ án chìm xuống. Tôi ngược lại không làm điều đó. Vụ tham nhũng ở Viện Phát thanh Truyền hình do tôi phát hiện, chính những người tham nhũng nhất lại là những người đi kiểm tra, ông Phó chủ nhiệm Ủy ban thanh tra nhà nước, Trần Văn Soạn. Công an cũng tham nhũng vào đấy. Tiền tang vật thu về lúc đó trên 20 ngàn đôla thời năm 1986 là rất lớn, thế nhưng họ cũng thủ tiêu tang chứng luôn. Họ bịt đi. Người ta tin tôi vì tôi làm có tư liệu cụ thể và có xác minh. Sau khi tôi bị tai nạn, tôi vẫn tiếp tục đấu tranh chống tham nhũng. Tôi đã bị nghiên nát thế này, tôi cho nát luôn, không ngán. Người chống tiêu cực luôn luôn bị thiệt thòi. Xã hội nó như thế mà cô. Hồ sơ đầy đủ, tang chứng-vật chứng đầy đủ, nhưng họ ăn chia với nhau thế nào không biết, họ bịt đi. Một hồ sơ mang về 400 trang, cuối cùng họ vẫn bịt đi.

Trà Mi : *Dính dáng tới những vụ*

liên quan tới tệ nạn xã hội như mại dâm, buôn lậu có rất nhiều nguy hiểm. Làm thế nào ông có thể tự mình tìm hiểu sự thật, đi vào tận những đường dây?

Nhà báo Trần Quang Thành : Tôi có tất cả những bà con họ bảo vệ tôi, cung cấp tài liệu cho tôi, đưa cho tôi những nhân chứng vật chứng. Nhưng tôi không bao giờ chỉ dựa vào đấy mà phải tự đi xác minh. Dựa vào quần chúng, quần chúng là những người cung cấp cho mình tài liệu tốt nhất.

Trà Mi: *Ở Việt Nam những nhà báo dám phanh phui sự thật và phản ánh tiêu cực xã hội cũng không phải là ít, nhưng vì sao bản thân ông lại bị những hậu quả mà có thể nói là cay nghiệt nhất?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Chính ra không nhiều cô ạ. Không ít, nhưng không nhiều đâu vì trong nhà báo có những cái phức tạp lắm. Có nhà báo dùng tư liệu của mình để đi làm giá lấy tiền.

Trà Mi: *Nhưng ông có nghĩ đến lý do vì sao bản thân mình lại gánh chịu những hậu quả cay nghiệt nhất không?*

Nhà báo Trần Quang Thành: Tại vì tôi dính vào những vụ toàn có những người có mối liên hệ với cơ quan công quyền, tức được cơ quan công quyền bảo kê.

Trà Mi : *Tới khi ra nước ngoài, rùi ro ít hơn hoặc không còn nữa, ông có tiếp tục dùng ngòi bút của mình để phanh phui sự thật, phơi bày sự thật, và đấu tranh cho công lý?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Tôi vẫn làm nhưng ra nước ngoài tôi lại bị một sức ép khác. Những kẻ lãnh đạo hội người Việt ở nước ngoài ở Slovakia cũng là tay chân của những người trong nước và của sứ quán. Họ nghe tới những bài báo tôi tố giác tội ác tham nhũng ở các cơ quan, họ lại áp lực với con tôi, bảo tôi không được viết những bài báo phản động.

Trà Mi: *Ông ra nước ngoài năm nào và trong trường hợp nào?*

Nhà báo Trần Quang Thành: Tôi ra nước ngoài ngày 8-8-2008. Tôi tới đại sứ quán của Slovakia ở Bangkok để làm thủ tục xin sum họp gia đình do con tôi đứng ra bảo lãnh.

Trà Mi : *Vì sao ông phải qua tận Bangkok làm thủ tục?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Lúc đó Slovakia chưa có sứ quán ở Hà Nội. Hơn nữa, có ở Hà Nội chưa chắc họ đã cho tôi đi.

Trà Mi : *Chuyện ông ra nước ngoài có thể hiểu là cũng có liên quan đến an toàn cá nhân không?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Tôi không nghĩ tới an toàn cá nhân đâu.

Tôi thấy ở đâu cũng chả an toàn. Công an cộng sản Việt Nam có rất nhiều mối, nhiều nơi lắm. Trong nước họ cũng có thể hại mình, ngoài nước họ cũng hại được mình. Đã có người bị rồi.

Trà Mi : *Ông nghiệm ra cho mình điều gì sau những gì đã trải qua?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Là nhà báo đấu tranh chống tham nhũng, chống tiêu cực xã hội là một nghề rất nguy hiểm. Chỉ có nhà báo nào ngồi ca ngai đảng cộng sản tốt đẹp thì không làm sao thôi. Chứ còn nói đối ngược lại thì không vào tù cũng bị tai họa như tôi. Nếu muốn làm nhà báo chân chính, phải nói sự thật. Mà nói sự thật thì dứt khoát là gặp thảm họa. Tôi không nghĩ ai ở trong nước Việt Nam này làm nhà báo chân chính mà lại được sống một cuộc sống an lành cả. Không bị việc này cũng bị việc khác. Nhẹ nhất là bị đuổi việc, hoặc bị vô hiệu hóa, bị phân công công tác khác, hay bị cắt thẻ nhà báo. Rất nhiều người bị rồi. Nhưng trường hợp như tôi là hy hữu, là lần đầu tiên, vì tôi bị cách đây 21 năm, là vụ án mở đầu cho thời kỳ đổi mới. Lúc đó chưa có nhà báo nào phanh phui chống tham nhũng cả. Hồi đó những vụ nhà báo phanh phui chống tham nhũng bị tai nạn, báo chí cũng không công bố. Các nhà báo bây giờ như Hoàng Hùng, Hoàng Khương được báo chí lên tiếng, chứ con vụ của tôi lúc bấy giờ có được ai lên tiếng đâu.

Trà Mi : *Vì sao một vụ việc nghiêm trọng như vậy, một nhà báo chống tham nhũng, chống tiêu cực xã hội bị trả thù dã man mà báo chí nhà nước không một tờ nào đăng tải, thưa ông?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Ban tuyên giáo họ không cho đưa thì làm sao đưa được. Bây giờ họ mới cho đưa, nhưng họ cho đưa nhò giọt, chứ thời của tôi là không được đưa. Những hiện tượng tiêu cực xã hội báo chí không được đưa. Báo chí chỉ được đưa màu hồng thôi, chứ không được đưa những chuyện gì ảnh hưởng tới uy tín chế độ.

Trà Mi : *Bây giờ nhìn lại những gì đã trải qua trong nghề nghiệp của mình, có lúc nào ông chợt nghĩ rằng giá như không có những bài viết đó, giá như không dính líu tới những vụ phanh phui tham nhũng đó thì có lẽ số phận của ông sẽ khác đi rất nhiều không?*

Nhà báo Trần Quang Thành : Câu hỏi đó cũng là câu hỏi của ông Nguyễn Cơ Thạch với tôi. Khi ông Thạch tới thăm tôi, ông cũng hỏi rằng: "Làm những việc đó bây giờ chú có

hối hận không?" Tôi bảo: "Em không hối hận vì em làm đúng. Đảng kêu gọi chống tham nhũng thì em chống, thế nhưng em không ngờ. Em buồn là vì tin đảng, tin chính phủ mà thực hiện đúng theo đường lối của đảng thì cuối cùng đảng không bảo vệ mình mà hóa ra những kẻ gian manh lại được bảo vệ." Ân hận thì không ân hận, nhưng mà buồn vì mình hết lòng tin vào một chế độ, một nơi mà mình đã gửi gắm vào đây tất cả những nhiệt huyết và thân phận của mình. Thất vọng.

Trà Mi: Với những người cầm bút ở Việt Nam, ông có tâm tình nào muốn chia sẻ?

Nhà báo Trần Quang Thành : Tôi muốn nói với các bạn đồng nghiệp rằng đã là một nhà báo chân chính thì đừng uốn cong ngòi bút, đừng để máy tính của mình bị virus. Hãy là những nhà báo của dân, do dân và vì dân. Đừng là những nhà báo của đảng, do đảng và vì đảng. Thế nhưng để làm được điều đó thì các bạn chỉ có vất vả, không có giàu sang, vinh quang mà đảng tặng cho. Các nhà báo phản ánh tốt các vụ như Văn Giang, Tiên Lãng đều đang bị đe dọa đấy. Một nhà báo chân chính muốn giữ vững trong sạch của mình chỉ cần dựa vào dân. Chính nhờ dựa vào dân mà tôi đã làm được những việc của dân, ra đường ngắt cao đầu lắm.

Trà Mi: Như ông nói, nghề báo ở Việt Nam đầy rủi ro và nguy hiểm. Có cách nào những người cầm bút ở Việt Nam có thể tự bảo vệ mình tốt nhất không?

Nhà báo Trần Quang Thành : Bây giờ mỗi người tự cứu mình, tự bảo vệ mình thôi. Các cơ quan bảo vệ pháp luật họ không làm vì sự thật, vì bảo vệ công lý, mà họ làm vì một cái gì khác cơ.

Trà Mi: Ra nước ngoài nhìn lại tình hình trong nước hiện nay ông thấy bối cảnh nghề nghiệp làm báo ở Việt Nam và nghề làm báo trong nước so với thời gian trước thế nào?

Nhà báo Trần Quang Thành : Bây giờ thấy buồn vì báo chí Việt Nam đi theo một con đường rất buồn, không còn tính nhuệ khí đấu tranh như ngày xưa nữa. Vietnam-net chẳng hạn, bây giờ cũng không như thời kỳ tôi còn ở trong nước nữa, không còn sắc nét nữa. Bây giờ họ đi vào những chuyện như các cô hoa hậu đi bán dâm v.v... tức là những chuyện vô thường vô phạt. Bây giờ vụ Vinalines có ai dám làm không. Vụ PMU18 mở ra sau cũng đóng cửa luôn. Mở ra vụ Năm Cam sau cũng đóng cửa luôn, không có vụ Năm Cam thứ hai mặc dù bây giờ có rất

nhiều vụ Năm Cam, có rất nhiều vụ Vinashin. Nhà nước ta có một câu mà cuối cùng bị mồm báo chí rất hay. Đó là chỉ thị 239, yêu cầu báo chí chỉ được công bố vụ án sau khi vụ án đã kết thúc và đưa ra tòa. Báo chí chỉ được đưa tin bắt, khởi tố thế thôi, còn quá trình điều tra như vụ PMU18 chẳng hạn, thì không được đưa. Nếu muốn đưa thì phải đưa luồng thông tin chính thức của cơ quan phát ngôn,

ví dụ như Bộ thì phải là Chánh văn phòng Bộ phát ngôn. Chứ còn nguồn tin riêng của nhà báo thì không được đưa.

Trà Mi: Xin chân thành cảm ơn nhà báo Trần Quang Thành đã dành thời gian cho đài VOA trong buổi nói chuyện này.

Nhà báo Trần Quang Thành : Xin cảm ơn cô Trà Mi và các bạn nghe đài. *****

TRÁI TIM VĨ ĐẠI

Hãy sáng tạo những công trình vĩ đại,
Và đứng lên quét sạch lũ vô thần !
Hoàng Trường Sa của Tổ quốc Nhân dân,
Không mất mát một gang trời tác biển !
Phải đứng dậy cho Tổ tiên chứng kiến,
Những trái tim của Dân tộc kiên cường !
Trở nhanh lên những giọt máu phi thường
Diệt Hán tặc đừng ngủ quên trước mắt !
Bờl Đất nước thép sắt ta có mặt,
Vững như đồng cứng hơn đá tim gan,
Không để yên bọn bành trướng xâm lăng,
Lấy hải đảo làm Tam Sa giặc Hán.
Dân ta yếu nhưng tinh thần dũng cảm,
Không phai mờ trong lịch sử oai hùng !
Đánh quân Thanh từ trận chiến Quang Trung,
Đến triệt hạ chúng không còn một bóng.
Gương kiêu hãnh lừng danh hình với bóng,
Vẫn hiện ngang trong tiếng hét Hoàng Sa.
Phải vỡ tim cho máu nóng tuôn ra,
Cho não óc không sa lấy hối tiếc !
Uất hận đó của toàn dân Đất Việt,
Ấm ảnh thề không để nhục nằm yên !
Bởi con người phải vực dậy đi lên,
Chiếm lại đảo bằng vạn lần trái phá.
Bè lũ Hán gian manh đầy xảo trá,
Xem Biển Đông là tài sản ao nhà,
Lấy "Lưỡi Bò" để hù dọa Dân ta ?
Không cơ sở trên hồ sơ quốc tế.
Cậy thế nước lớn không cần luật lệ,
Bọn chớp bu vốn lặng tiếng im hơi.
Hãy đứng lên ! Toàn Nước Việt ta ơi ?
Phải chiếm lại bằng mồ hôi nước mắt,
Bằng xương máu Cha Anh ta trước mặt!
Bằng trái tim vĩ đại gọi tên Người !

TRÚC LANG OKC, Hạ Nhân Thìn 2012

ĐẦU RÒI TUỔI TRẺ ?

Thế giới năm châu đã chuyển mình
Tự do dân chủ nếp văn minh
Sao ta gục mặt ngồi chong ngốc
Để giặc đê đầu nó rẻ khinh ?!
Đất nước thanh niên mà bạc nhược
Bao giờ dân tộc hết điều linh ?!
Đầu ròi gái đằm trai hùng Việt
Sao chẳng hét lên nổi bất bình ?!

Hồ Công Tâm 06-2012



Làng Báo Trước Ngưỡng Cửa Tự Do

.....Nguyễn Quang Duy 27-06-2012.....

Tự do báo chí là một quyền cơ bản của con người. Tự do báo chí được ghi trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và trong Hiến pháp của hầu hết các quốc gia trên thế giới kể cả Việt Nam. Theo đó phóng viên nhà báo có quyền tự do thu thập, trao đổi, truyền bá tin tức và ý tưởng. Họ được quyền tự do quyết định cả nội dung lẫn hình thức bài báo. Họ chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải được pháp luật bảo vệ.

Việt Nam là một nước độc tài Cộng sản, mọi quyền tự do của người viết báo đều bị tước bỏ, đảng Cộng sản chỉ dùng báo chí như một công cụ định hướng dư luận. Từ đó Việt Nam bị coi là một trong những quốc gia tồi tệ nhất về tự do báo chí. Theo Tổ chức Phóng viên Không biên giới, Việt Nam nằm thứ 172 trong tổng số 179 nước về chỉ số tự do báo chí.

Để che lấp, đảng Cộng sản bày ra Ngày Nhà Báo 21 tháng 6. Trong ngày này giới chức cầm quyền thăm viếng các tờ báo, nhắc nhở nhà báo phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền được đảng giao.

Nhân dịp 21-6 năm nay, khi Nguyễn Phú Trọng thăm tòa soạn báo Nhân Dân, ông nhận xét tờ báo "khô khan" và cần phải "tuyên truyền về chính trị một cách có nghệ thuật bằng những cảm xúc thật sự để nội dung đó đi vào lòng người một cách tự nhiên..." Nguyễn Phú Trọng thật ra chỉ xác nhận một điều mà mọi người đều đã biết cả: nhân dân không đọc báo Nhân Dân.

Cũng nhân ngày 21-6, nhà báo Đoàn Trang có bài "Làm báo thời thổ tả" để chia sẻ tâm sự nhà báo trong thời Cộng sản cuối trào mà cô ví như thời của bọn thổ tả. Cô cho biết "... sự thật là tối thượng, và nếu có thể gọi đấy là "động cơ", thì nhà báo chỉ có động cơ duy nhất là phản ánh sự thật." Đề cập đến các vụ cưỡng chế đất đai Tiên Lãng và Văn Giang, cô nhận xét: "... Một cuộc vật lộn để được biết sự thật, để được viết sự thật, và để được khách quan (tất nhiên cũng chỉ dám mong ở mức độ tương đối). Thế mà, cho đến giờ, cái đích ấy vẫn chưa đạt được."

Cũng nhân ngày 21-6, nguyên Bộ trưởng Thông tin Lê Doãn Hợp tuyên bố: "Một tờ báo từng hỏi tôi liệu có vùng cấm đối với báo chí không. Tôi xin khẳng định ngay là không có vùng cấm nào, chỉ có báo chí ngại không vào mà thành vùng cấm Báo chí..."

Hãy nhớ rằng tiêu cực luôn sợ báo chí. Một thiết chế chính trị mà báo chí đủ uy trước tiêu cực là thiết chế chính trị tuyệt vời. Mà để làm được điều đó, báo chí chỉ có cách làm tốt công tác phản biện."

Nói tới đây ông Lê Doãn Hợp tiết lộ một điều là khi còn làm Bộ trưởng ông đã phải cố gắng lắm mới thuyết phục mang hai chữ "phản biện" vào Nghị quyết 11. Đêm đó ông cứ lảng lảng sáng khoái vì đóng góp vĩ đại này. Ông tiếp tục nhận xét: "Nhưng còn buồn vì mặt yếu nhất hiện nay của báo chí chính là phản biện. Báo chí gần như chưa làm được gì nhiều với chức năng phản biện của mình."

Cách nhìn của ông Doãn khá lệch lạc vì thực tế vẫn là: "Báo chí gần như chưa được làm gì nhiều với chức năng phản biện của mình." Ở thời của bọn thổ tả, vài ba chữ trong Nghị quyết chính trị mà ông Doãn đưa vào chẳng có giá trị gì. Đồng tiền và bạo lực quyết định mọi vấn đề.

Khi còn làm Bộ trưởng ông Hợp từng tuyên bố: "... Chúng ta hoàn toàn có tự do nếu đi đúng lẽ đường bên phải, và chúng tôi cố gắng làm cho các đồng chí lẽ đường đó..." Ngặt nỗi trong thời của bọn thổ tả, đảng Cộng sản chỉ loanh quanh không biết lối đi, thì làm sao báo chí biết được bên nào phải bên nào trái. Đồng tiền và bạo lực của bọn thổ tả thì chính là cái lẽ mà báo chí phải theo.

Trong lần cưỡng chế Tiên Lãng, báo chí được bật đèn xanh nên có đôi chút "tự do" viết lách. Lần đó Nguyễn Tấn Dũng còn xuống cả địa phương để được giới chức cầm quyền báo cáo. Nhưng đâu rồi cũng lại vào đó, gia đình dân oan Đoàn Văn Vươn vẫn ở tù còn giới chức vi phạm pháp luật thì vẫn là kẻ coi tù.

Đến lần cưỡng chế Văn Giang, khu vực cưỡng chế trở thành vùng cấm báo chí. Nhà cầm quyền tổ chức họp báo yêu cầu các phóng viên phải đưa tin theo tài liệu của họ đưa ra và không được đến hiện trường. Vì vi phạm lệnh cấm, phóng viên Đài Tiếng Nói Việt Nam Nguyễn Ngọc Năm và Hán Phi Long đã bị hành hung, bị bắt giữ, bị giải về Viện Kiểm sát. Phóng viên Long phải vào bệnh viện điều trị các thương tích. Nhiều bằng chứng cho thấy chính Nguyễn Tấn Dũng đứng đằng sau vụ cưỡng chế này, vụ án an ninh hành hung phóng viên đã nhanh chóng đi vào quên lãng.

Làm báo ở Việt Nam là một nghề

vô cùng nguy hiểm. Nếu không theo đúng chỉ đạo là để dằn bị khiển trách, bị cảnh cáo, bị trừng phạt nặng nề. Nhiều nhà báo bị thu thẻ hành nghề, bị khởi tố, hay bị bỏ tù. Ở cái thời của bọn thổ tả, nhà báo còn bị cái gọi là "chính quyền" công khai hành hung khi lọt vào vùng cấm quyền lực. Báo chí được định hướng theo quyền lực và đồng tiền. Đảng quý thay Việt Nam vẫn còn những nhà báo yêu nghề, yêu sự thực như nhà báo Đoàn Trang. Một nụ hồng của làng báo Việt Nam.

Làm báo là phục vụ nhu cầu thông tin. Mỗi người đọc đều có nhu cầu thông tin khác nhau, từ đó mỗi người thường chọn lựa nguồn thông tin cả về nội dung, hình thức và phương pháp chuyển tải thích hợp nhất cho mình. Khi được tự do cạnh tranh, mỗi tờ báo, mỗi nhà báo sẽ tìm mọi cách để nâng cao cả về nội dung, lẫn hình thức, cũng như nhanh chóng đưa những tin nóng nhất tới bạn đọc. Báo chí tự do từ đó trở nên đa dạng hơn, phong phú hơn, đáng tin cậy hơn trong việc phục vụ quảng đại quần chúng.

Trong thời bao cấp, nhà báo chẳng khác gì các công chức nhà nước, viết cho đảng và lãnh lương từ nhà nước. Ngày nay chỉ còn vài tờ báo như tờ Nhân Dân, tờ Quân Đội Nhân Dân là còn được bao cấp toàn phần. Các tờ báo thuộc đoàn thể chỉ được trợ cấp một phần, phần khác họ phải cạnh tranh qua việc bán báo và lấy quảng cáo. Để sống còn họ phải giảm nhẹ phục vụ các định hướng chính trị và thu hút bạn đọc bằng các thông tin "phi chính trị".

Trong cuộc đối thoại trực tuyến ngày 12-6-2012, ông Nguyễn Bắc Sơn, Bộ trưởng Bộ Thông tin cho biết Việt Nam chưa có kế hoạch tư nhân hóa báo chí. Ông cũng cho rằng nhiều trang blog đang lợi dụng "dân chủ", lợi dụng khe hở nhưng nhà nước chưa có điều kiện chế tài.

Nhân Ngày 21-6, Bộ trưởng Công an Trần Đại Quang yêu cầu tất cả các báo chí của ngành công an không được thương mại hóa, xa rời mục tiêu chính trị và bỏ quên việc định hướng dư luận xã hội. Bộ trưởng Quốc phòng Phùng Quang Thanh thì yêu cầu báo Quân Đội Nhân Dân phải tăng cường giữ vững định hướng chính trị để xứng đáng là công cụ đắc lực của Đảng trên mặt trận đấu tranh tư tưởng. Còn Trưởng ban Tuyên giáo trung ương, Đinh Thế Huynh nhắc nhở các cơ quan báo chí phải tích cực định hướng dư luận để tăng cường niềm tin vào đảng, nhà nước và con đường phát triển đất nước.

Việc ba thành viên Bộ Chính trị nhắc nhở báo chí phải giữ vững định hướng chính trị cho thấy khả năng kiểm soát báo chí và dư luận xã hội của đảng Cộng sản đang mất dần hiệu quả. Mất khả năng kiểm soát dư luận là dấu hiệu tan rã niềm tin, dẫn đến bất ổn chính trị và cáo chung của chế độ Cộng sản.

Ngược lại dư luận xã hội càng ngày càng chịu ảnh hưởng cộng đồng mạng. Cộng đồng này gồm những người âm thầm xây dựng và điều hành các diễn đàn, những bloggers, những người viết bài, đưa tin, chuyển tin. Có người làm báo đã qua đào tạo cũng có người tự học qua kinh nghiệm thực hành. Họ tự đặt mình vào một cộng đồng thiện nguyện. Họ chăm chỉ làm việc ngày đêm, họ có chung một ước mơ sớm mang lại tự do cho Việt Nam. Thông tin mạng nhanh chóng, trung thực, khách quan, toàn diện và tự do, nên càng ngày càng nhiều người tích cực tham gia và ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng Việt Nam.

Kết quả nỗ lực của cộng đồng mạng đã được chính báo Quân Đội Nhân Dân công nhận. Trích đoạn dưới đây từ bài "Chuẩn bị khả năng đề kháng của quân nhân" trên báo QĐND ngày 5-2-2012: "...*Chỉ cần một quân nhân vô tình đọc được những thông tin "ngoài luồng" rồi "rỉ tai" đồng đội thì liền sau đó sẽ có nhiều quân nhân khác đọc theo. Và lập tức những thông tin này âm ỉ lan truyền như những tế bào độc cư trú ngay trong tư tưởng mỗi quân nhân rồi phát triển, "di căn"... Như vậy, dù thấy tác hại khó lường của "tự diễn biến", nó tạo ra hiệu ứng tiêu cực về mặt tư tưởng, tâm lý, tiềm ẩn ngay trong suy nghĩ, hành động, việc làm chủ quan, mất cảnh giác hằng ngày của mỗi quân nhân.*"

Ngày 27-5-2012, QĐND lại có bài công nhận: "*Tại Việt Nam hiện nay, hầu hết các dịch vụ như tìm kiếm, email, chat, mạng xã hội đều được cung cấp bởi các doanh nghiệp nước ngoài. Các doanh nghiệp này cung cấp sản phẩm tại Việt Nam nhưng không hề phải tuân thủ luật pháp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài có tới hàng chục triệu khách hàng trong nước, nhưng bỏ qua các quy định của Việt Nam.*" Thực tế các doanh nghiệp quốc tế đều phải tôn trọng các quy luật quốc tế, tránh việc vi phạm các quyền tự do đã được ghi rõ trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, và như thế đảng Cộng sản hoàn toàn mất khả năng kiểm soát không gian mạng.

Không kiểm soát được không gian

mạng, nhà cầm quyền Hà Nội xoay ra đàn áp những nhà báo tự do, những bloggers. Họ dùng Điều 79 "tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân" và Điều 88 "tội tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" để khép và bắt tù những nhà báo tự do. Họ càng bắt bớ, thế giới càng nhìn ra sự thật về tình trạng báo chí Việt Nam trong thời của bọn thổ tả.

Để chống lại sự phát triển của truyền thông mạng, đảng Cộng sản còn sử dụng các biện pháp như tịch thu máy điện toán, đe dọa các bloggers và gia đình, xây dựng tường lửa, xâm nhập phá hoại các mạng tự do. Họ càng đàn áp càng phá hoại thì cộng đồng mạng lại càng nhận ra kết quả việc làm, càng nỗ lực hơn, càng có nhiều người tham gia hơn.

Cuộc chiến giữa cộng đồng mạng và đảng Cộng sản mỗi ngày một trở nên khốc liệt hơn. Cả hai đều nhận rõ nắm được dư luận chính trị xã hội là nắm được phần thắng. Cộng đồng mạng đề cao tự do, sự thật và nắm được chính nghĩa nên đường đấu tranh mỗi ngày một rộng mở. Đảng Cộng sản ngược lại sợ tự do, sợ sự thật nên càng ngày càng suy thoái và đang từng bước tan rã.

Quan sát vụ cưỡng chế Tiên Lãng cho thấy các nhà báo có thể hành nghề và nhà báo tự do trao đổi và bổ sung tin tức cho nhau, nhờ đó sự thật về vụ cưỡng chế mỗi ngày một rõ hơn, thông tin được lan rộng đến mọi tầng lớp quần chúng, nhất là đến những người nông dân thấp cổ bé miệng đang mất dần nguồn sống vào tay cường quyền Cộng sản. Trên thực tế nhiều nhà báo tự do trước đây đã từng làm việc cho các báo, nhiều bloggers hiện đang làm việc cho các báo, đóng góp của họ làm truyền thông tự do trở nên hấp dẫn và vô cùng phong phú. Đây là một ưu điểm trong công cuộc đấu tranh cho một nền tự do báo chí tại Việt Nam.

Để kết thúc, người viết xin chia sẻ cùng bạn đọc một tổng hợp các thông tin trong làng báo để hiểu rõ hơn động cơ yêu nước của Tập đoàn Nguyễn Tấn Dũng.

Ngay khi truyền hình Việt Nam cho phát hình tàu Trung cộng cất cáp tàu Bình Minh, người viết đã phân tích và nhận định chính Nguyễn Tấn Dũng và bè cánh đã đơn phương ra lệnh thông tin việc cất cáp. Việc thông tin này tạo một số bất bình và phân hóa trong nội bộ đảng Cộng sản Việt Nam.

Đến tháng 11-2011, trước Quốc hội Cộng sản, Nguyễn Tấn Dũng chính thức tuyên bố hai quần đảo

Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Tuyên bố này xem ra đã được Bộ Chính trị thông qua với đa số đồng thuận.

Đúng Ngày Nhà Báo 21-6 năm nay Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Biển. Điều 1 chính thức xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Tin này được tờ VietNamnet đưa lên mạng nhưng rồi không cho biết lý do lại bị gỡ xuống. Các báo khác chỉ một dòng thông tin Quốc hội đã thông qua Luật Biển. Không biết về Luật Biển đảng Cộng sản đang muốn định hướng dư luận thế nào !!!

Theo tin không chính thức, Bộ luật đã được thông qua với đa số tuyệt đối trên 99 phần trăm. Một tháng thế lớn cho Tập đoàn Nguyễn Tấn Dũng. Nhưng con đường theo Mỹ chống Tàu khó có thể quay ngược.

Trong tình trạng kinh tế khó khăn, thiếu ngoại tệ để nuôi cả guồng máy cai trị: đảng, nhà nước, đoàn thể, báo chí và nhất là các Tập đoàn Doanh nghiệp, Nguyễn Tấn Dũng cần tiền. Trong khi ấy nguồn tài nguyên dồi dào tại biển Đông lại bị đồng chí đàn anh Trung cộng phong tỏa. Về mặt nổi khá rõ lý do Nguyễn Tấn Dũng phải đánh ván bài tây theo Mỹ chống Tàu.

Tin tức từ bên trong nội bộ đảng Cộng sản đưa ra cho biết **đánh cắp tài nguyên quốc gia** chính là lực động cơ đã thúc đẩy Nguyễn Tấn Dũng theo Mỹ chống Tàu. Một mạng thông tin vừa xuất hiện cách đây vài tuần lấy tên là Quan Làm Báo (quanlambao). Mạng thông tin này đưa ra nhiều tin tức đáng quan tâm. Trong bài viết "Vikileaks 2: Petro Vietnam và bí mật của tướng Hường" có đoạn như sau:

"... *Petro Vietnam từ trước đến nay dù qua nhiều đời Thủ tướng, nhưng luôn là đơn vị trực thuộc Thủ tướng có thể do tầm quan trọng của nó, cũng có thể vì quyền lợi khủng khiếp do nó mang lại, có lẽ vì vậy mà Petrovietnam còn được đặt tên là 'sân sau của thủ Tướng'.*

Bắt đầu từ thời Thủ tướng Phan Văn Khải, khi Tướng Nguyễn Văn Hường chỉ mới giữ vị trí Tổng cục trưởng Tổng cục an ninh kinh tế, với sự môi giới và mách nước của bố già Nguyễn Đức Kiên, Hường và quý tử của Phan Văn Khải đã thiết lập một đường dây để ăn cắp tài nguyên dầu lửa của đất nước. Hường đã trực tiếp xuống thăm dò khoan ngoài biển, chứng kiến các tàu nước ngoài vào nhận dầu thô tại các dàn khoan ngoài khơi rồi xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

Dự án này được bắt đầu bởi Kiên - Hường - Hoàn Ty và Cựu Tổng giám đốc của Petrovietnam Trần Ngọc Cảnh cùng công ty khai thác và mua dầu thô của Petrovietnam.

Thủ đoạn đã thực hiện: cứ 10 tàu được bơm đầy dầu thô thì chỉ đưa vào sổ sách 70%, còn lại 30% để bên ngoài chia nhau với cả phía nước ngoài. Để phục vụ cho việc ăn trộm cắp tài nguyên của đất nước suốt hàng chục năm qua, Hường đã tổ chức đưa cả đệ tử ruột của mình ở Tổng cục An ninh để ra làm nhiệm vụ bảo vệ và 'giám sát', thực chất là để bảo vệ cho việc ăn cắp công khai nhưng lại che mắt được nhân viên của Petrovietnam làm việc tại dàn khoan khi nhìn thấy an ninh của Hường nên yên tâm mà không ai còn để ý gì. Mỗi năm Petrovietnam khai thác từ 18 triệu tấn và đến hiện nay lên tới 23 triệu tấn thì mỗi năm đã có 5 triệu tấn đến 7 triệu tấn dầu thô thất thoát bên ngoài và được ăn chia cho đường dây Mafia của Kiên - Hường - Trần Ngọc Cảnh - Phan Văn Khải và sau này đường dây được tiếp tục với Bộ già Kiên - Hường - Đinh La Thăng và Nguyễn Tấn Dũng với phương thức đã thực hiện từ nhiều năm trước..."

Thông tin của Quanlambao xem ra có lý và có mức độ đáng tin cậy. Như thế hằng năm phe cánh của Nguyễn Tấn Dũng đã thu vào vài tỉ Mỹ kim từ việc ăn cắp tài nguyên quốc gia. Một nguồn lợi quá lớn để Tướng Nguyễn Văn Hường phải công khai mời Hoa Kỳ trở lại Việt Nam (nguồn wikileaks) và Nguyễn Tấn Dũng phải đánh ván cờ "Theo Mỹ Cứu Đảng".

Ván cờ Nguyễn Tấn Dũng đánh ra đang được bên trong và bên trên đảng Cộng sản nhiệt tình ủng hộ. Quốc hội Cộng sản đã ủng hộ Tấn Dũng với đa số tuyệt đối. Nhưng động cơ của Tấn Dũng là để mở rộng khả năng ăn cắp tài nguyên dầu khí quốc gia. Việc làm của Tấn Dũng có thể dẫn đến chiến tranh gây tang thương đổ vỡ cho người lính và người dân Việt Nam.

Nhận ra động cơ thúc đẩy Tấn Dũng chống Tàu để tránh bị Tập đoàn Tấn Dũng lợi dụng lòng yêu nước cho lợi quyền cá nhân và phe nhóm. Chế độ Nguyễn Tấn Dũng, chế độ Cộng sản phải được triệt để thay thế bằng một thể chế tự do không phải chỉ tam quyền phân lập mà đệ tử quyền (quyền tự do báo chí) và đệ ngũ quyền (quyền tự do internet) phải được triệt để tôn trọng và phải được pháp luật bảo vệ.

Melbourne, Úc Đại Lợi
27-6-2012

TRỞ VỀ THỰC HỌC LÀ GIẢI PHÁP CHO tình trạng quá tải bệnh viện tại VN

—Bs Đỗ Hồng Ngọc 25-06-2012—

Có thể nhiều bạn sẽ ngạc nhiên! Chuyện quá tải bệnh viện thì có dính dáng gì đến cái-gọi-là "thực học". Nhưng tôi nghĩ chính nền giáo dục y khoa "học giả" là một nguyên nhân cho tình trạng quá tải hiện nay. Cần phải quay về nền học thực, đào tạo ra những bác sĩ thật để giải quyết tình trạng quá tải.

Tôi không rõ ở các nước khác thế nào, nhưng ở đất nước này, người dân không có bất cứ kỳ vọng gì từ bộ trường y tế. Hết đời bộ trường này đến đời bộ trường khác hứa hết việc này đến việc khác rất hùng hồn, nhưng cuối cùng thì đầu vẫn vào đấy. Không có gì thay đổi. Nếu có thay đổi thì thay đổi xấu hơn. Tình trạng bệnh viện quá tải. Bệnh dịch tràn lan, đến hẹn lại lên. Thực phẩm độc hại. Thuốc ngày càng đắt đỏ và khó kiểm soát. Y đức suy đồi. Nhìn toàn cảnh, y tế là một bức tranh u ám.

Hãy lấy câu chuyện về tình trạng bệnh viện quá tải để bàn. Mấy năm trước có một ông tiến sĩ lúc mới nhậm chức bộ trưởng tuyên bố hùng hồn rằng ông sẽ giải quyết vấn đề trong 2 năm. Sau 2 năm tình trạng quá tải càng tồi tệ hơn. Khi báo chí hỏi về lời hứa hùng hồn năm nọ, ông nói một cách hồn nhiên rằng ông không có hứa! Chưa biết trong lịch sử chính trị nước ta có bao giờ chúng ta chứng kiến một người trần tráo đến như thế. Sau khi ông xuống chức tình trạng quá tải ngày càng tồi tệ hơn. Cho đến nay vẫn chưa có dấu hiệu tốt hơn.

Nay có bà tân bộ trưởng, cũng tiến sĩ, thêm học hàm phó giáo sư. Bà hứa đến 2015 sẽ giải quyết xong tình trạng quá tải. Với một "tiền sử" mấy đời bộ trưởng tiền nhiệm, thử hỏi chúng ta có can đảm tin vào lời hứa của bà tân bộ trưởng. Có lẽ không. Còn có một lý do khác để không thể tin vào lời hứa của bà bộ trưởng. Đó là vấn đề đào tạo bác sĩ. Theo tôi, đó mới là cái gốc của vấn đề quá tải.

Ai cũng biết hầu hết tất cả các bệnh viện thành phố quá tải. Không chỉ mới đây mà đã mấy chục năm qua, từ lúc "giải phóng". Người ta có thể lấy lý do dân số gia tăng nên có nhiều bệnh nhân hơn. Nhưng lý do đó không giải thích được tại sao các bệnh viện cấp huyện lại không quá

tải. Vấn đề chính là người dân không tin tưởng vào kinh nghiệm và trình độ của bác sĩ cấp huyện. Trong cái nhìn của người dân, bác sĩ bệnh viện cấp huyện kém kinh nghiệm hơn bác sĩ bệnh viện cấp tỉnh, bác sĩ cấp tỉnh kém kinh nghiệm hơn bác sĩ cấp thành phố. Do đó, những ai có điều kiện tài chánh, họ sẵn sàng "vượt tuyến" để đi thẳng lên các bệnh viện thành phố. Kết quả của tình trạng này là trong khi bệnh viện huyện thiếu bệnh nhân thì bệnh viện cấp thành phố lại có tình trạng 2, 3 bệnh nhân nằm chung một giường.

Và người dân có lý do để không "trao thân" cho các bệnh viện cấp huyện. Nếu bà bộ trưởng tiếp xúc với bệnh nhân thì bà sẽ biết những câu chuyện kinh dị về bác sĩ cấp huyện và cấp tỉnh chẩn đoán sai và điều trị sai như thế nào. Biết bao nhiêu trường hợp điều trị không cần thiết. Nhưng ngược lại, cũng có vô số trường hợp bệnh nhân không được điều trị. Không ai làm thống kê để biết đã có bao nhiêu bệnh nhân bị chết vì sự kém cỏi của bác sĩ, nhưng con số chắc chắn phải hàng ngàn, hàng vạn. Trong bối cảnh như thế thì thử hỏi nếu bà bộ trưởng mắc bệnh bà có dám để cho bệnh viện cấp huyện hay cấp tỉnh điều trị? Nếu không, bà phải hỏi tại sao. Có phải sự phân biệt người của đảng và dân, hay trình độ bác sĩ? Nếu lý do là trình độ bác sĩ bà cũng phải hỏi tại sao.

Tại sao có sự khác biệt về trình độ và kinh nghiệm giữa các bác sĩ? Theo lý thuyết, nếu đã là "bác sĩ" thì ai cũng phải có những kiến thức căn bản về y khoa, ai cũng có khả năng hành nghề thầy thuốc, như biết chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh. Bất kể anh là bác sĩ vùng quê hay thành phố, đã là "bác sĩ" thì phải có trình độ như nhau. Trong thực tế thì ở bất cứ nơi nào cũng có sự khác biệt giữa các bác sĩ. Nhưng tôi không biết có nơi nào trên thế giới mà sự khác biệt về trình độ y khoa lại quá chênh lệch như ở nước ta. Có lẽ chúng ta cần làm một so sánh trước và sau 1975 để hiểu rõ vấn đề hơn.

Trước 1975, có lẽ ngoại trừ quân y, còn lại tất cả các bác sĩ đều được tuyển từ những học sinh xuất sắc và được đào tạo rất kỹ. Do đó, khi ra

trường, các bác sĩ đều có kiến thức và kỹ năng căn bản như nhau. Dù bất cứ họ ở đâu, huyện hay tỉnh hay thành phố, họ đều là những người thầy thuốc đúng nghĩa. Ngoại trừ những trường hợp cần đến bác sĩ chuyên khoa, các bệnh thông thường đều có thể điều trị tại địa phương. Ngay cả y tá có kinh nghiệm cũng có thể phụ trách y tế cho cả một làng.

Sau 1975, tình hình tuyển sinh và đào tạo y khoa có thể nói là rất phân giáo dục và nguy hiểm. Chúng ta đã biết chế độ lý lịch và chủ trương “hồng hơn chuyên” đã loại bỏ biết bao nhiều học sinh xuất sắc, chỉ vì một cái tội: gia đình “Ngụy”. Thay vào đó là những con ông cháu cha, những học sinh không đủ điểm, nhưng “cử tuyển” được đưa vào đào tạo y khoa. Những học sinh này không có tư cách học đại học chứ chưa nói đến học nghề thầy thuốc, họ theo học chỉ vì chính trị, chứ không hẳn yêu nghề. Đó là chưa nói đến những chương trình “chuyên tu” biến y tá thành bác sĩ. Không hiểu trên thế giới có nơi nào đào tạo bác sĩ như chương trình chuyên tu và cử tuyển. Nhưng nếu có thì tôi cho rằng nó rất quái gở. Nó hạ thấp chuẩn mực của ngành y và nghề thầy thuốc.

Trò đã thế mà thầy cũng chẳng khá hơn. Sau 1975, hầu hết những giáo sư xuất sắc của trường y Sài Gòn hoặc đi cải tạo hoặc vượt biên, và thay vào đó là những người “thầy” từ rừng về, từ miền Bắc vào. Có những “thầy” từ Bắc vào không biết đến một chữ tiếng Anh, có người thậm chí còn viết sai tên thuốc mà lại đóng vai thầy! Chúng tôi gọi đùa là “bác sĩ xuyên tâm liên”. Một số người được đào tạo từ Liên Xô, Đức thì có khá hơn một chút, nhưng nếu so với hệ thống trước 1975 thì họ còn một khoảng cách khá xa để vươn tới. Những người “thầy” như thế đào tạo ra một thế hệ “bác sĩ”, thầy chẳng ra thầy, trò cũng chẳng ra trò. Thật là một kiểu đào tạo quái gở! Hết thế hệ này đến thế hệ khác. Gieo hạt nào gặt quả đó. Hệ quả của chính sách đào tạo bát nháo và quái gở đó là chúng ta có nhiều thế hệ bác sĩ rất “đa dạng” về trình độ và kinh nghiệm như hiện nay.

Cũng phải mở ngoặc để nói thêm rằng không phải bác sĩ thành phố nào cũng “giỏi” nhé. Vẫn có những bác sĩ thành phố mà trình độ chẳng đến đâu và là nỗi ám ảnh của bệnh nhân. Có hai lý do tại sao bác sĩ thành phố cũng có khác biệt nhau về trình độ và kinh nghiệm. Một là những người gọi là “cử tuyển” và chuyên tu nhiều khi không chịu về địa phương mà vẫn tìm

cách ở lại thành phố. “Đốt như chuyên tu, ngu như tại chức” – người ta có câu như thế. Hai là những “bác sĩ” được đào tạo trong cái hệ thống bát nháo vốn đã kém, nhưng lại rất háo danh, họ lo chạy theo chức danh giáo sư, tiến sĩ không lo trao dồi chuyên môn. Vì thế, không ngạc nhiên khi những người như tôi gặp những ca bệnh sống dở chết dở vì những cách chẩn đoán và điều trị của những “giáo sư, tiến sĩ” dỏm. Có người nói sai hiển nhiên như trắng với đen.

Một điều trở trêu khác ở đất nước này là người có chức danh càng cao thì kinh nghiệm lâm sàng càng thấp. Ngay tại thành phố Sài Gòn này, chúng ta vẫn nghe những lời giảng tùy hứng và khôi hài của các bác sĩ với học hàm giáo sư, phó giáo sư.

Nhìn toàn cục, không ít bác sĩ ngày nay là mối đe dọa cho sức khỏe của bệnh nhân. Họ không xứng đáng với danh xưng “bác sĩ” hay “thầy thuốc” nữa. Điều này không có gì là bí mật. Đừng ngạc nhiên khi những người giàu có, những cán bộ cao cấp đều tìm cách sang Singapore hay một nước phương Tây để điều trị vì họ không tin vào bác sĩ Việt Nam. Nói ra điều này chính tôi cũng đau lòng và xấu hổ vì tôi cũng là một người trong cái đội ngũ mang danh xưng “bác sĩ”, chỉ có khác là tôi không có may mắn được đào tạo dưới chế độ XHCN. Người ta nói đến ty nạn giáo dục, nhưng ít ai biết tình trạng ty nạn y tế cũng nghiêm trọng không kém.

Ấy thế mà có những người tự sướng rằng bác sĩ ngoại quốc sang ta học về nội soi. “Ngoại” là ai? Là Pakistan, Ấn Độ, Lào, Campuchia, là sinh viên y khoa năm thứ hai bên Mỹ. Sao họ không thấy nhục và xấu hổ khi “bác sĩ ngoại” sang đây dùng bệnh nhân của chúng ta như là đối tượng thí nghiệm. Tôi nói thế để bệnh nhân cần phải cảnh giác không để mình trở thành đối tượng cho các bác sĩ ngoại học nghề. Chưa bao giờ có những cái khoe khoang vừa lỗ bịch, vừa ngu xuẩn như chúng ta thấy hiện nay. Nó xuất phát từ tâm lý của những kẻ thấp kém chứ không thể từ những người có thực tài.

Thế thì giải pháp của bà bộ trưởng là gì? Bà tuyên bố sẽ phạt những trường hợp vượt tuyển. Bà sẽ buộc bác sĩ mới ra trường “phải về cơ sở công tác ít nhất hai năm mới được cấp bằng”. Cả hai giải pháp đều nguy hiểm.

Đã biết rằng bác sĩ cấp cơ sở kém mà vẫn giao tánh mạng cho họ và không cho họ lên thành phố là một cách đẩy người bệnh vào cái chết. Có

phải đó là một giải pháp giết người không? Còn giải pháp buộc bác sĩ mới ra trường về cơ sở dù biết rằng bệnh viện cấp cơ sở thiếu thốn vật chất và thiếu người thầy là một cách làm vô trách nhiệm, một cách làm cho bác sĩ kém chuyên môn hơn. Thật là một giải pháp quái gở! Bà không biết chương trình đưa bác sĩ thành phố về cơ sở của ông cựu bộ trưởng đã thất bại hay sao?

Tôi nghĩ chỉ có một giải pháp là chấn chỉnh lại chương trình đào tạo bác sĩ. Cần phải trả lại cái thực học cho đại học y. Sinh viên được nhận vào trường y phải là những học sinh xuất sắc và có lý tưởng phục vụ xã hội, chứ không phải vì tiền. Cần phải xoá bỏ những chính sách “cử tuyển” và “chuyên tu”. Cần phải xoá bỏ những Chuyên khoa I, Chuyên khoa II quái gở như hiện nay và thay bằng những chương trình đào tạo chuyên khoa thật sự. Cần phải thanh lọc những giáo sư dỏm và bất tài, nhưng tiến sĩ dỏm khỏi các đại học y. Chỉ có như thế mới trả lại sự thực học cho ngành y. Những giải pháp này sẽ đòi hỏi thời gian. Nhưng về lâu dài sẽ làm ngành y trong sạch hơn và người tốt nghiệp trường y có trình độ tương đương nhau hơn. Chỉ có sự thực học mới lấy lại niềm tin của người dân về hình ảnh của người “thầy thuốc” và qua đó giảm trình trạng quá tải cho các bệnh viện thành phố./.



Con đường nào cho VN ?

